SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN NHỨT

CHƯƠNG THỨ NHỨT: HỌC NHI

(Chương nầy có tất cả 16 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ học đạo lý mà thường ngày hay luyện tập cho tinh thông, nhuần nhã, há không lấy đó làm vui sao?"

"Nếu có những bằng hữu *ham mộ đạo lý, nghe tiếng mình là người học cao đức lớn,* chẳng ngại đường xa đến viếng mình, há không lấy đó làm vui sao?"

"Dẫu mình là người có học thức, có đức hạnh, nhưng không mấy người biết mình, mình không vì chỗ đó mà buồn, giận, há không phải là bực quân tử sao?"

*

2. Ông Hữu tử, *học trò cao đệ của đức Khổng* [1] có nói rằng: "Trong những người có nết hiếu *(thảo với cha mẹ),* nết đễ *(kính anh chị và người lớn tuổi),* ít ai ưa trái nghịch với bề trên. Đã không ưa trái nghịch với bề trên, lại thích gây ra những cuộc phản loạn, người như vậy, ta chưa từng thấy. Cho nên bực quân tử chuyên chú vào việc gốc. Cái gốc được vững tốt, tự nhiên đạo lý bắt từ đó mà sanh ra. Vậy làm người mà biết giữ gìn nết hiếu, nết đễ, tức là biết nắm lấy cái gốc đó."

*

3. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ nào miệng nói lời hoa mỹ; còn mặt mày thì trau chuốt, hình dạng thì kiểu cách, áo quần thì loè lẹt; kẻ ấy hẳn kém lòng nhân."

*

4. Ông Tăng tử, *học trò cao đệ của đức Khổng* [2] nói rằng: "Hằng ngày, ta hay xét mình về ba đều nầy:

1. Làm việc gì cho ai, ta có hết lòng hay chăng?

2. Kết giao với bằng hữu, ta có giữ tín thật hay chăng?

3. Đạo lý do thầy truyền dạy, ta có học tập hay chăng?"

*

5. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quốc trưởng cai trị một nước chư hầu có một ngàn cổ xe *để phòng việc chiến tranh,* nên *giữ năm điều nầy*:

1. Làm việc chi *dầu lớn, dầu nhỏ,* cũng phải thận trọng.

---

[1] Hữu tử: Ông họ Hữu tên Nhược, vốn người hiếu, đễ.

[2] Tăng tử: Ông họ Tăng tên Sâm, tự Tử dư, vốn người trung tín, ham học đạo lý.

2. Nói ra phải cho chắc thật, *đừng thất lời hứa.*

3. Của cải dùng cho có tiết độ, *đừng lãng phí.*

4. Thương yêu tất cả mọi người trong nước.

5. Như khiến dân làm xâu thì phải tùy lúc, *tránh những cơn cày, bừa, cấy, gặt."*

*

6. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ đệ tử khi vào thì thảo với cha mẹ, khi ra thì kính anh chị và người lớn tuổi; làm việc chi thì phải cẩn thận và ăn nói chắc thật, thương tất cả mọi người, nhưng hay thân cận với người nhân đức. Làm bao nhiêu việc đó trước đã; nếu còn dư sức, hãy học qua văn chương và lục nghệ."

(Trước hãy giữ các nết: hiếu, đễ, cẩn, tín, thương mọi người, mến bực nhân, sau sẽ học sáu khoa: lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (đánh xe, cỡi ngựa), thơ, số.)

*

7. Ông Tử Hạ [1] nói rằng: "Ngươi nào biết đổi bụng háo sắc ra làm bụng mộ người hiền, đem hết sức mình mà thờ cha mẹ, liều thân mình mà phụng sự vị quốc trưởng, giao tiếp với bằng hữu thì ăn nói thật tình, người như vậy, dẫu ai nói rằng chưa học *văn chương đạo lý,* chớ tôi bảo rằng đã có học rồi đó."

*

8. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quân tử nếu chẳng tự trọng, *nghĩa là chẳng trọng lấy lời nói, cử chỉ và việc làm của mình,* thì chẳng được oai nghiêm, *người ta không kính nể,* rồi ra sự học vấn của mình chẳng được kiên cố. Phải lấy sự trung thành, tín thật làm chủ đích. Chẳng nên làm bạn với những kẻ chẳng như mình, *tức là phải chọn bằng hữu trong những người có học thức, có đạo đức, đồng tâm đồng chí với mình.* Nếu mình có lỗi, phải có gan dạ mà cải hối."

*

9. Ông Tăng tử nói rằng: "Như người ở ngôi trên mà thận trọng cuộc tang lễ đối với cha mẹ khi mãn phần, và lo tế tự tổ tiên các đời trước, thì ở dưới, dân cảm hóa cái đức dày của mình mà quay về đạo hiếu."

*

10. Ông Tử Cầm [2] hỏi *bạn học là* ông Tử Cống [3] rằng: "Thầy ta *đi châu lưu,* đến nước nào cũng được dự nghe việc chính trị. Đó là tại thầy ta cầu nghe phải chăng? Hay là tự nhà cầm quyền mấy nước ấy thỉnh thầy ta đến để nghe?"

---

[1] Tử Hạ: Học trò cao đệ của đức Khổng, họ Bốc, tên Thương.
[2] Tử Cầm: Học trò cao đệ của đức Khổng, họ Trần, tên Cang.
[3] Tử Cống: Học trò cao đệ của đức Khổng, họ Đoan mộc, tên Tứ.

Ông Tử Cống đáp rằng: "Thầy ta *có đủ năm đức nầy:* ôn hòa, lươmg thiện, cung kính, kiệm ước, khiêm nhượng. Nhờ vậy mà được nghe bàn luận việc chính trị của mỗi nước. Thầy ta chỉ cậy có năm đức ấy mà thôi? cho nên chỗ cầu của thầy ta có khác hơn chỗ cầu của người."

*

11. *Về nết hiếu của kẻ làm con,* đức Khổng tử giảng rằng: "Trong khi cha mình còn sanh tiền, mình nên xem xét chí hướng, ý tứ của cha mình: *như tốt lành, chính đáng thì mình bắt chước theo.* Khi cha mình khoản đi rồi, mình nên quan sát những việc làm của người; *như phải thì mình làm theo.* Cha mình mất trong ba năm mà mình chẳng đổi đạo nghệ của cha, đó mới gọi là con có hiếu."

(Thuở xưa, khi người cha còn sống, thì người con chưa tự lập, cho nên đức Khổng khuyên kẻ làm con nên xem xét chí hướng của cha. Đến khi cha thác, người con được trọn quyền hành động, cho nên phải nhớ tới những việc làm của cha. Nhưng cha thác trong ba năm, bấy giờ người con đương để tang, cho nên chẳng có vui sướng gì mà cải tạo, vì vậy nên được gọi là hiếu. Đó là đức Khổng muốn chỉ về người cha lành. Đối với đạo nghệ, hành vi của người cha lành, trọn đời người con chẳng cần đổi thay cũng được. Chớ như cha chẳng ở theo đạo, thì con phải sửa đổi việc nhà ngay, cần gì đợi mãn ba năm?)

*

12. Ông Hữu tử nói rằng: "Trong việc giữ lễ, có niềm hòa khí là quí trọng. Đạo của những vị vua xưa rất tốt ở chỗ đó; từ những việc lớn cho chí những việc nhỏ, các ngài dùng niềm hòa khí mà phổ cập vào lễ. Nhưng có việc nầy chẳng nên làm: biết rằng hòa là quí, rồi trong mỗi việc, cứ dùng lấy hòa, chớ chẳng dùng lễ mà kềm chế, *như vậy là phóng đãng xí xóa quá.* Đó là việc không nên làm."

(Lễ cốt ở kính, nghiêm; nhưng quí ở điều hòa. Lễ chỉ kính mà không có hòa, thành ra nghiêm khắc, khô khan. Còn như giữ lễ mà chỉ có hòa thì hết nghiêm, làm sao mà thành lễ? Vậy thì hành lễ phải vừa nghiêm kính, vừa hòa hảo mới được.)

*

1. Ông Hữu tử nói rằng: "Nếu mình hứa *với ai* điều gì mà hạp nghĩa, thì mình nên làm theo lời hứa của mình.

Đối với người, mình giữ được sự cung kính hạp lễ, thì mình tránh khỏi sự xấu hổ, nhục nhã.

Ngay lúc ban đầu, đối với cha mẹ bà con, mình chẳng mất lòng thân ái, thì về sau, mình có thể trở nên một chủ gia đình xứng đáng vậy."

(Trong tiết nầy, ông Hữu tử khuyên ba đều: 1. Không nên hứa càn, liệu việc phải lẽ

mới hứa, và khi đã chịu miệng thì phải làm theo. 2. Muốn khỏi mang xấu, hãy ở cho hạp lễ. 3. Nếu lúc nhỏ mình làm người con tốt, đến lớn mình sẽ làm người cha tốt."

*

14. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quân tử *có chí học đạo,* miễn có ăn thì thôi, chẳng cầu *lấy đồ mỹ vị* cho sướng miệng; miễn có chỗ ở thì được, chẳng cầu nhà cửa cho trang hoàng xuê lịch; làm việc chi cũng cần mẫn; nói lời gì cũng thận trọng; người thường đến bực, có đạo đức để học hỏi hầu có sửa mình. Đó mới đáng gọi là người ham học vậy."

(Kẻ học đạo quân tử cần giữ năm đều: 1. Không trọng cái ăn,; 2. không cầu chỗ ở; 3. siêng học tập và làm việc; 4. giữ gìn lời nói; 5. năng viếng bực thầy để học hỏi thêm. Nếu giữ năm việc ấy thì có thể tấn hóa về học thuật và đạo đức.)

*

15. Ông Tử Cống hỏi đức Thánh rằng: "Như nghèo mà chẳng dua bợ, giàu mà chẳng kiêu cách, người như vậy nhơn phẩm thế nào?"

Đức Khổng tử đáp rằng: "Như vậy là khá. Song chưa bằng người nghèo mà vui, người giàu mà ưa việc lễ nghĩa."

Ông Tử Cống bèn thưa rằng: "Trong Kinh Thi có nói: "Bực quân tử như người thợ làm đồ ngà, cần phải cắt, phải cứa; như người thợ chuốc ngọc, cần phải giồi, phải mài." Hai câu ấy trong kinh Thi có hạp với ý thầy nói ra chăng?" [1]

Đức Khổng tử khen rằng: "Như trò Tứ (Tử Cống) đây mới đáng nghe giảng kinh Thi. Là vì ta mới nói việc trước thì trò đã hiểu việc sau."

(Ông Tử Cống vốn nghèo, nhờ buôn bán mà trở nên giàu có, song ngán tình đời: nghèo hay bợ đỡ kẻ giàu, giàu hay khinh miệt kẻ nghèo. Chính ông thì biết tự chủ, lúc nghèo không lòn cúi trước kẻ giàu, khi giàu không chê ngạo kẻ nghèo. Cho nên ông hỏi khéo Đức Khổng. Nhưng đức Khổng vừa khen vừa dạy thêm cho ông với ý tứ nầy: nghèo mà giữ tâm ý yên vui, giàu mà biết làm việc xã hội, thì quí hơn. Nhơn đó, ông Tử Cống tỉnh ngộ, mới thốt ra hai câu "Như thiết như tha, Như trác như ma" trong kinh Thi.)

*

16. Đức Khổng tử nói rằng: "Chớ lo người chẳng biết mình: hãy lo mình chẳng biết người đó thôi."

(Thường thường, người có chút ít tài cán, đạo đức hay lo buồn vì chẳng có mấy người biết mình. Đức Khổng khuyên người học đạo không nên lấy sự ấy làm lo. Nhưng hãy lo rằng mình chưa biết phân biệt kẻ tà, người chánh mà thôi. Nếu biết

---

[1] Hai cậu thi trên đã có nhắc qua ở bài truyện thứ ba, trong sách Đại học.

như vậy, hẳn mình là người có trí thức, có đạo lý đó. Vã lại, trong tiết thứ nhứt chương nầy, có câu: Dẫu mình là người có học thức, có đức hạnh, nhưng không mấy người biết mình, mình không vì chỗ đó mà buồn, giận, há không phải là bực quân tử sao?"

CHƯƠNG THỨ NHÌ: VI CHÍNH

(Chương nầy có tất cả 24 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử nói rằng: "Như ai thi hành việc chính trị, *cầm quyền cai trị nước nhà* mà biết đem cái đức mình bổ hóa ra, thì mọi người đều tùng phục theo. Tỷ như ngôi sao Bắc đẩu ở một chỗ, mà có mọi vì sao chầu theo."

*

2. Đức Khổng tử nói rằng: "Toàn bộ Kinh Thi có ba trăm thiên, chỉ có một câu tóm hết ý nghĩa, ấy là: Giữ tư tưởng cho ngay thẳng."

(Kinh Thi có tất cả 311 thiên, nhưng đức Khổng nói 300 thiên cho chẵn số. Trong kinh ấy luận đủ các việc thiện, ác; nhưng đại ý khuyên người học đạo phải giữ tư tưởng cho trung chánh, đừng có cong vạy.)

*

3. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu nhà cầm quyền chuyên dùng pháp chế, cấm lệnh mà dắc dẫn dân chúng; chuyên dùng hình phạt mà trị dân, thì dân sợ mà chẳng phạm phép đó thôi, chớ họ chẳng biết hổ ngươi. Vậy muốn dắc dẫn dân chúng, nhà cầm quyền phải dùng đức hạnh; muốn trị dân, nhà cầm quyền phải dùng lễ tiết, thì chẳng những dân biết hổ ngươi, họ lại còn cảm hóa mà trở nên tốt lành."

(Không nên lạm dụng luật pháp mà ép dân phải theo; không nên ham dùng các sự hình phạt mà trừng trị dân. Chế độ khủng bố chỉ tạo ra những mối thù hận, sợ sệt mà thôi. Tự nhà cầm quyền phải thi ân bố đức và đem đều đức hạnh mà chỉ bảo dân; tự nhà cầm quyền phải giữ gìn lễ nghi và đem đều lễ nghi mà giảng dạy dân. Tự nhiên dân biết hổ thẹn, biết cảm mến mà theo về đường phải.)

*

4. *Đức Khổng tử hưởng thọ* 73 *tuổi (551–479 trước Dương lịch). Về lúc cuối đời, ngài thuật lại theo thứ tự các trình độ học đạo và tu thân của ngài.*

Đức Khổng tử nói rằng:

1. Hồi mười lăm tuổi, ta đã để hết tâm chí vào sự học.

2. Đến ba mươi tuổi, ta vững chí *mà tấn lên đường đạo đức.*

3. Được bốn mươi tuổi, *tâm trí* ta *sáng suốt, hiểu rõ việc phải trái, đoạt được sự lý,* chẳng còn nghi hoặc.

4. Qua năm mươi tuổi, ta biết Mạng Trời *(tức là lẽ Đạo mầu nhiệm lưu hành trong thiên hạ).*

5. Đến sáu mươi tuổi, lời chi, tiếng chi lọt vào tai ta thì ta hiểu ngay, chẳng cần suy nghĩ lâu dài.

6. Được bảy mươi tuổi, trong tâm ta dầu có muốn sự chi cũng chẳng hề sái phép."

*

5. Ông Mạnh ý Tử [1] hỏi đức Thánh về đạo hiếu. Đức Khổng tử đáp rằng: "*Làm con* chớ nên trái ngược."

Sau đó, ông Phàn Trì [2] đánh xe đưa ngài đi, đức Khổng nói với Phàn Trì rằng: "Mạnh Tôn có hỏi ta về đạo hiếu. Ta đáp rằng: *Làm con* chớ nên trái ngược."

Ông Phàn Trì hỏi ngài rằng: "Như vậy nghĩa là gì?" Đức Khổng giải rằng: "*Hễ làm con*, khi cha mẹ còn sống, phải phụng sự cho có lễ; khi cha mẹ mãn phần, phải chôn cất cho có lễ; rồi những khi cúng tế, cũng phải giữ đủ lễ phép nghiêm trang."

(Người biết giữ lễ kính, tức là không ăn ở trái ngược.)

*

6. Mạnh võ Bá [3] hỏi đức Thánh về đạo hiếu. Đức Khổng tử đáp rằng: "Làm cha mẹ chỉ lo sợ cho con mang bệnh tật mà thôi." *(Cha mẹ yêu con chí cực, rất lo rầu nếu con vương bệnh tật. Vậy bổn phận con phải khéo giữ gìn thân thể mình cho mạnh khỏe, hầu tránh nỗi đau khổ cho cha mẹ. Như vậy là hiếu đó.)*

*

7. Ông Tử Du [4] hỏi đức Thánh đạo hiếu. Đức Khổng tử đáp rằng: "Đời nay, hễ thấy ai nuôi được cha mẹ thì người ta khen là người có hiếu. Nhưng, những thú như chó, ngựa, thì người ta cũng nuôi được vậy. Cho nên nuôi cha mẹ mà chẳng kính trọng thì có khác gì nuôi thú vật đâu?"

*

8. Ông Tử Hạ [5] hỏi đức Thánh về đạo hiếu. Đức Khổng tử đáp rằng: "*Làm con đối với cha mẹ* lúc nào cũng tỏ vẻ hòa vui, giữ được như vậy mới khó, mới đáng gọi là hiếu. Chứ cha, anh có việc mà mình chịu khó giúp giùm, cùng là mình có đồ ngon

---

[1] Mạnh ý Tử là quan đại phu nước Lỗ, họ Trọng Tôn, cũng kêu là Mạnh tôn, tên thiệt là Hà kỵ. Ông Mạnh ý Tử hay làm nhiều việc trái ngược, nên khi ông hỏi về đạo hiếu, đức Khổng Tử đáp: Chớ nên trái ngược.

[2] Phàn Trì: Học trò cao đệ của đức Khổng, họ Phàn, tên Tu.

[3] Mạnh võ Bá: Con của Mạnh ý Tử, tên Trệ. Mạnh võ Bá tánh càn dở, không thận trọng lấy thân, cho nên khi ông hỏi về đạo hiếu, đức Khổng dạy nên gìn giữ thân mình để khỏi làm buồn cha mẹ.

[4] Tử Du: Học trò cao đệ của đức Khổng, họ Ngôn, tên Yển. Ông biết nuôi cha mẹ mà chẳng biết kính, cho nên đức Khổng giảng rằng nuôi cha mẹ mà biết kính trọng mới đáng gọi là hiếu. Nếu nuôi mà chẳng kính, có khác gì nuôi thú vật?

[5] Tử Hạ: Học trò cao đệ của đức Khổng (đã có giải ở chương 7). Ông hay phụ giúp và đãi đằng cha mẹ, nhưng hay tỏ sắc giận. Cho nên giảng về đạo hiếu, đức Khổng khuyên kẻ làm con nên hòa vui với cha mẹ.

với rượu bèn thỉnh cha, anh đến đãi; làm những việc ấy há gọi là hiếu sao?"

*

9. Đức Khổng tử nói rằng: "Trò Hồi ngồi nghe ta giảng đạo lý cả ngày mà chẳng hỏi vặn ta đều chi cả, dường như là người ngu tối. Tới chừng trò ra về, ta xét nết hạnh trò khi ở riêng, thấy rằng trò phát minh ra đủ các đều ta đã dạy. Vậy trò Hồi chẳng phải là người ngu."

(Ông Hồi là học trò cao đệ của đức Khổng, họ Nhan, tự Tử Uyên. Ông được đức Khổng yêu hơn hết và được khen là người có nhân đức, có đạo hạnh hơn hết trong hàng đệ tử. Những đều mà đức Khổng dạy, ông hiểu hết, cho nên đâu có nghi ngờ mà phải hỏi đi hỏi lại. Và khi về nhà thì ổng ăn ở theo những đều chỉ bảo của đức Khổng. Cho nên ông được khen là thông minh.)

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Mình hãy nhìn kỷ cách làm việc của người ta, mình hãy xem xét coi vì cớ chi mà người ta làm việc ấy, rồi mình quan sát coi họ làm việc ấy mà có được yên vui chăng. Nếu mình xét được ba đều đó thì họ làm sao mà giấu cái chơn tướng của họ với mình? Họ không thể giấu giếm cái tình cảnh của họ với mình vậy."

(Có gần gũi ai mà thấy công việc của họ, trước hết mình nhìn kỷ coi họ làm giỏi hay dở, lành hay dữ. Như họ làm việc giỏi, việc lành, mình hãy xét coi vì duyên cớ chi mà họ làm như vậy. Kế nữa, mình xem coi họ vì công tâm mà làm, họ có thật an vui mà làm chăng hay là họ làm một cách miễn cưỡng. Xét được như vậy, họ không giấu giếm đều chi với mình được hết).

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: "Người nào ôn lại những đều đã học, do nơi đó mà biết thêm những đều mới, người ấy có thể làm thầy thiên hạ đó."

(Bực quân tử khéo học tập và suy xét cho nên biết nhiều hơn người thường: do việc cũ mà biết việc mới, so chuyện xưa mà biết chuyện nay và chuyện sẽ xảy ra sau nầy. Mấy chữ "ôn cố nhi tri tân" đã có chép ở chương 27 sách Trung dung.)

*

12. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quân tử chẳng phải như món đồ khí cụ."

(Khí cụ thì mỗi món chỉ có một chỗ dùng mà thôi: như chén ăn cơm thì không dùng về việc khác được, như cưa thì không dùng làm búa được. Người quân tử sở học rộng và đức hạnh nhiều, cho nên làm việc chi cũng được hết.)

*

13. Ông Tử Cống hỏi *đức Thánh* phải làm thế nào mới đáng gọi là quân tử. Đức Khổng tử đáp rằng: "Mình muốn dạy người ta đều gì, trước hết mình hãy làm đều đó đi. Rồi sau cứ theo đó mà dạy. *Như vậy mới đáng gọi là quân tử."*

(Đức Khổng tử có ý dạy ông Tử Cống rằng: Bực quân tử trọng việc làm hơn lời nói. Mình quở trách người ta về đều nào, trước hết mình chớ phạm đều ấy. Mình khuyên người ta làm đều gì, trước hết mình phải làm cho xong đều đó. Như vậy mới đáng làm thầy người ta.)

*

14. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quân tử xử được với tất cả mọi người, vì chẳng có lòng tư vị. Kẻ tiểu nhơn vì tư vị, cho nên chẳng xử được với mọi người."

(Quân tử trọng lẽ công; tiểu nhơn lo việc tư. Cho nên làm việc đời thì quân tử thành công, tiểu nhơn thất bại.)

*

15. Đức Khổng tử nói rằng: "Học mà chẳng chịu suy nghĩ, thì chẳng được thông minh. Suy nghĩ mà chẳng chịu học, thì lòng dạ chẳng được yên ổn."

(Đọc kinh thơ hay nghe thầy dạy, rồi ra công suy xét, thì trí thức mới sáng suốt, mở mang. Còn tự mình suy xét mà không có kinh thơ làm chuẩn đích, không có thầy chỉ dẫn thì tâm trí lộn xộn, khó mà tấn lên đường đạo. Vậy kẻ đệ tử cần phải học tập và suy xét; có đủ hai đức ấy, trí huệ mới mở thông một cách vững vàng.)

*

16. Đức Khổng tử nói rằng. "Chuyên tâm nghiên cứu những học thuyết hoang đường, sự ấy có hại cho mình vậy."

(Nên chọn đạo lý chơn chánh mà theo, đừng chăm học những thuyết dị đoan. Nếu theo tà mà bỏ chánh, theo ngọn mà bỏ gốc, thì hại cho đức hạnh của mình vậy.)

*

17. Đức Khổng tử *kêu chính tên của ông Tử Lộ mà* nói rằng: "Do! ngươi muốn cho ta dạy cách hiểu biết thật chăng? Việc chi mình biết, nhận là biết; việc chi mình chẳng biết, nhận là chẳng biết. Như vậy mới là biết thật."

(Ông Tử Lộ tánh háo cường dõng (xem chương 10 sách Trung dung) và hay miễn cưỡng, việc chưa biết cũng bảo là biết. Cho nên đức Khổng phải dạy mấy lời trên.)

*

18. Ông Tử Trương trong khi đi học, có ý muốn làm quan hưởng lộc. *Biết rõ mục đích của ông*, đức Khổng tử dạy rằng: "Nên nghe cho nhiều. Những đều chi mình nghe chẳng tỏ, hãy còn hồ nghi thì dẹp lại một bên, đừng có nói. Còn những đều chi

mình nghe được minh bạch, mình nên nói một cách dè dặt. Như vậy, ít có dịp mà người ta quở trách mình. Nên thấy cho nhiều. Những đều chi mình thấy chẳng rõ, có thể nguy hại thì dẹp lại một bên, đừng có làm. Còn những đều chi mình xét chẳng có hại, mình nên làm một cách dè dặt. Như vậy, ít có dịp mà mình ăn năn. Nói mà ít bị quở, làm mà ít ăn năn, bổng lộc tự nhiên ở đó rồi."

(Ông Tử Trương là học trò cao đệ của đức Khổng, họ Chuyên tôn, tên Sư. Đức Khổng dạy ông những lời trên, có ý khuyên rằng: người đi học muốn sau nầy ra làm quan, trước phải ân cần học tập cho nghe nhiều thấy rộng, kế dè dặt về lời nói và việc làm. Biết mình học cao, ăn nói đúng đắn, làm việc đành rành, nhà cầm quyền mới giao phó chức vụ cho mình, rồi nhờ khéo nói, khéo làm mà mình giữ nhiệm vụ lâu dài, tức nhiên là được bổng lộc đó.)

*

19. Vua Ai công *nước Lỗ* hỏi đức Thánh rằng: "*Bực quốc trưởng* phải làm thế nào cho dân phục?"

Đức Khổng tử đáp rằng: "*Như bực quốc trưởng* cử dùng những bực chánh trực, bỏ phế những kẻ cong vạy, thì dân phục. Còn như cử dùng những kẻ cong vạy, bỏ phế những bực chánh trực, thì dân chẳng phục."

(Muốn được lòng dân, tức là muốn cai trị cho bình yên, thạnh vượng, nhà cầm quyền nên tuyển chọn những người ngay thẳng và có đức hạnh, và dẹp trừ những kẻ siểm nịnh, tà khúc.)

*

20. Ông Quí Khương tử (*quan đại phu nước Lỗ, họ Quí tôn, tên Phì)* hỏi đức Thánh rằng: "Muốn cho dân cung kính mình, trung thành với mình và khuyên nhau làm lành; nhà cầm quyền phải làm thế nào?"

Đức Khổng tử đáp rằng: "Nhà cầm quyền khi đến với dân, nên giữ cốt cách cho nghiêm trang, thì dân cung kính. Đối với cha mẹ, nên hiếu thuận; đối với con em và mọi người, nên từ ái; thì dân sẽ trung thành với mình. Nên cử dùng những người tốt lành, tài cán; còn những kẻ yếu sức, nên giáo hoá họ; thì dân khuyên nhau làm lành, vui theo điều lành."

(Trong tiết này có ba đều. Đều thứ ba mường tượng với tiết 19 ở trên: Muốn cai trị, cần phải chọn người tài đức cọng sự với mình. Ắt dân sẽ vừa lòng mà đua nhau theo lành. Còn đều thứ nhứt và thứ nhì là: Nhà cầm quyền muốn cho người ta kính mình, trước mình phải kính người ta: muốn cho người ta theo mình, ủng hộ mình, trước mình phải thương cha mẹ, yêu mến dân và lo lắng cho dân.)

*

21. Có người hỏi đức Khổng tử rằng: “Sao ngài không ra *làm quan,* làm việc chính trị?”

Đức Thánh đáp rằng: “Kinh Thơ có nói về nết hiếu, ngươi có biết chăng? Kinh Thơ nói rằng: "Duy kẻ nào hiếu với cha mẹ, thuận với anh em, mới thi hành việc chính trị từ nơi nhà mình.” Đó cũng là làm việc chính trị rồi. Đợi chi tới làm quan mới làm việc chính trị?”

(Tề gia và trị quốc đều đồng một lẽ. Người học rộng lại cư xử với gia đình mình phải đạo, lo chi chẳng dự việc cai trị? Độc giả nên xem bài truyện thứ 9 trong sách Đại học, giải nghĩa “trị quốc, tất tiên tề kỳ gia”.)

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: “Người mà không tín thật, ta không biết người ấy làm việc gì cho nên được. Ấy cũng như cổ xe lớn *là xe bò* mà chẳng có cái nghê (*miếng cây chận ngang để máng bò),* cổ xe nhỏ là *xe ngựa* mà chẳng có cái ngột *(khúc cây chận ngang để máng ngựa),* thì xe làm sao mà đi cho được?”

(Con người ở đời, đối với mọi người trong xã hội mà ăn nói chẳng thật, chẳng giữ lời hứa, làm mất lòng tin của người ta thì không thể nào làm nên danh phận được. Ấy cũng như có xe mà chẳng có cây ngang để buộc bò, ngựa thì chúng nó làm sao kéo xe đi được?)

*

23. Ông Tử Trương hỏi rằng: “Có thể biết trước *việc làm của các nhà vua trong* mười triều đại sắp tới chăng?”

Đức Khổng tử đáp rằng: “Nhà Ân nối nhà Hạ, nương theo lễ nhà Hạ, nhưng có thêm bớt; những chỗ thêm bớt ấy, ta có thể dò theo Sử mà biết vậy. Nhà Châu nối nhà Ân, nương theo Lễ nhà Ân, nhưng có thêm bớt; những chỗ thêm bớt ấy, ta có thể dò theo Sử mà biết vậy.”

Sau nầy, có triều đại nào nối tiếp nhà Châu, cũng sẽ nương theo lễ nhà Châu, nhưng có thêm bớt. Suy theo đó, dầu trăm đời về sau, ta cũng biết trước được.”

(Trong tiết này có lẽ người ta đặt ra, cho nên ta thấy cách đáp chẳng phù hạp với cách hỏi, mà cách đáp cũng vấp vướng, vụng về.)

*

24. Đức Khổng tử nói rằng: “Không phải tổ tiên mình mà mình cúng tế, đó là nịnh hót vậy.”

(Đến những kỳ lễ giỗ, nên cúng tổ tiên. Không nên cúng những tà thần quỉ mỵ. Kẻ váy lạy quỉ thần là kẻ bợ đỡ, cầu cạnh nhỏ nhặt.)

Đức Khổng tử nói rằng: “Thấy việc nghĩa mà chẳng làm, ấy là người chẳng có khí dõng.”

(Thấy việc đáng làm để giúp người, thế mà không chịu ra tay, người như vậy là nhát gan, không đáng mặt quân tử.)

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN NHÌ

CHƯƠNG THỨ BA: BÁT DẬT

(Chương nầy có tất cả 26 *tiết dưới đây)*

1. *Nhơn ông Quí Khương tử làm quan Đại phu nước Lỗ là một nước chư hầu lấy lễ bát dật là lễ của bực Thiên tử mà tế tổ tiên mình,* đức Khổng tử trách họ Quí rằng: "Người ấy dám dùng lễ bát dật mà múa ở miếu đình nhà mình, việc đó mà người nhẫn tâm làm được, thì việc gì mà người chẳng nhẫn tâm làm?"

(Bát dật là tám hàng học trò lễ. Đời xưa, chỉ có bực Thiên tử là quốc trưởng toàn nước Trung hoa mới có quyền dùng lễ bát dật để múa cúng tổ tiên (Tám hàng người múa, mỗi hàng tám người, bát dật là 64 người). Vua chư hầu là vua nhỏ, như vua nước Lỗ, thì có quyền dùng lục dật. (6 hàng người múa, mỗi hàng 6 người, là 36 người). Quan đại phu phải dùng tứ dật (4 *hàng, mỗi hàng 4 người, là* 16 *người múa). Quan chức bực dưới (quan sĩ) phải dùng nhị dật* (2 *hàng, mỗi hàng hai người, là* 4 *người học trò lễ). Quan đại phu họ Quí chỉ được quyền dùng tứ dật (16 người) thế mà dùng bát dật* (64 *người) để múa cúng tổ tiên, thế là phạm lễ chế. Cho nên đức Khổng trách vậy.)*

*

2. Ba nhà *quyền thế làm quan đại phu nước Lỗ là họ Mạnh tôn, họ Thúc tôn và họ Quí tôn, khi tế ông bà ở nhà thờ xong,* bèn tụng thi Ung để triệt đồ cúng. *Từ nhà Châu về sau thi Ung là để tụng trong khi bực Thiên tử tế xong. Cho đến vua chư hầu cũng chẳng có quyền dùng, huống chi bực đại phu?* Cho nên đức Khổng tử *chê ba nhà đại phu ấy. Ngài* đọc lên hai câu đầu trong thi Ung: "Trợ tế chỉ có hàng tích công tức là vua chư hầu; Chủ tế là bực Thiên tử, phước đức sâu rộng thay!" "Nay ba nhà ấy chẳng phải là ngôi Thiên tử, cũng chẳng phải là bực chư hầu, vậy lấy danh nghĩa gì mà dùng tụng thi Ung nơi miếu đường?"

*

3. Đức Khổng tử nói rằng:"Người ta mà chẳng có lòng nhân, làm sao mà thi hành lễ tiết? Người ta mà chẳng có lòng nhân, làm sao mà dùng âm nhạc?"

(Lễ gốc ở kính, người bất nhân chẳng có niềm cung kính, thì đâu có thể nào hành lễ cho nghiêm trang. Nhạc chủ ở hòa, người bất nhân chẳng có niềm hòa khí, thì đâu có thể nào trổi nhạc cho tinh vi.)

*

4. Ông Lam Phỏng, *người nước Lỗ* hỏi về gốc lễ, Đức Khổng khen rằng: "Người biết

tìm gốc mà bỏ ngọn. Ý nghĩa câu hỏi ấy lớn thay! Trong cuộc lễ vui, nếu xa hoa thái quá, thì kiệm ước còn hơn. Trong việc tang khó, nếu lòa loẹt thái quá, thì lòng đau xót còn hơn."

(Trong những dịp vui sướng, may mắn, người ta hay bày cuộc lễ với mọi sự xa xí, ngỡ rằng có vẻ sang trọng mới gọi là lễ. Nhưng gốc lễ ở tại nơi vừa phải, chớ xa xí cũng chớ bỏn sẻn. Trong lúc tống táng, người ta hay làm cho lớn đám để lấy thể diện, ngỡ rằng đó là đúng lễ. Nhưng trong dịp nầy, gốc lễ ở tại lòng đau thương.)

*

5. Đức Khổng tử than rằng: "Những đoàn rợ *Nam* Di *Bắc* Địch *ngoài cõi biên thùy,* họ còn có vua, chẳng như những dân tộc trong cõi Trung quốc hiện nay chẳng có vua chúa chi cả!"

(Đức Khổng tử ở nhằm thời loạn, vua chư hầu lấn quyền Thiên tử, quan đại phu đoạt quyền vua chư hầu, lại còn tiếm tới quyền thiên tử (như những chuyện vượt lễ trong những tiết 1, 2, 6 ở chương nầy). Cho nên đức Khổng buồn giận mà thốt ra mấy lời trên.)

*

6. Họ Quí tế Lữ ở núi Thái Sơn. Đức Khổng tử hỏi ông Nhiễm Hữu rằng: "Nhà ngươi không cản được sự lạm quyền ấy sao? Ông Nhiễm Hữu đáp: "Không được". Đức Khổng tử than rằng: "Ôi thôi! một người tầm thường là Lâm Phỏng (tiết 4) còn biết gốc lễ, huống chi thần núi Thái sơn lại chẳng biết lễ mà đi hưởng sao?"

(Núi Thái sơn ở ngoài cảnh giái nước Lỗ. Thiên tử có lệ phái vua chư hầu thay mặt mình đến đó tế thần, ấy là lễ Lữ. Nay ông Quí Khương tử chỉ ở chức đại phu mà vượt quyền đi tế. Cho nên đức Khổng hỏi đệ tử mình là Nhiễm Hữu, tên Cầu, đương làm quan tể ở dinh họ Quí: "Ngươi có thể nào ngăn cản, đừng để cho họ Quí làm trái lễ chăng?" Nhơn ông Nhiễm Hữu đáp: không được, đức Khổng mới than rằng: "Ôi! thần minh ở núi Thái sơn lẽ nào thua ngươi Lâm Phỏng sao? Ngươi Lâm Phỏng còn biết gốc lễ, huống chi thần minh lại dám hưởng lễ vật sái phép sao?)

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Quân tử không có tranh cạnh với ai hết. Có tranh chăng, chỉ ở cuộc bắn đua mà thôi. Trong dịp ấy, người ta vái nhau và nhường nhau mà lên thềm. Bắn xong thì đi xuống và uống rượu, chỗ tranh của người quân tử là như vậy đó."

(Bực quân tử không tranh đua vô lối, thường ôn hòa và lễ nhượng. Cho đến trong cuộc thi bắn, cũng vẫn giữ nết ôn hòa và lễ nhượng. Cách thi bắn của người đời xưa là như vầy: Nhiều người hội họp nhau lại, dưới sức điều khiển của một vị giám cuộc. Mỗi lần lên giàn thì ba người cùng lên, vái chào nhau ba lần và nhường nhau mà lên,

mà bắn. Ai bắn xong thì vái chào một lần và đi xuống. Chừng mãn cuộc, những người bắn dở chào những người bắn hay ba lần, và đi trở lên giàn mà rót rượu, đứng mà uống để tỏ ra mình chịu phạt. Đó là lối tranh thanh nhã của hàng quân tử.)

*

8. Ông Tử Hạ hỏi đức Khổng tử rằng: "Kinh Thi có nói rằng: Miệng chúm chím cười xinh; cặp mắt đẹp đẽ lóng lánh. Trên nền trắng, vẽ ra bức họa đủ màu. – Mấy câu ấy nghĩa gì?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Trước hãy có sẵn một nền trắng, rồi sau mới vẽ thành bức họa." Ông Tử Hạ hỏi tiếp rằng: "*Thế thì làm người trước phải trung, tín*, rồi sau mới giữ lễ, phải chăng?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Trò Thương (tên ông Tử Hạ) này phát khởi được ý ta. Vậy ta mới có thể đem ý nghĩa Kinh Thi mà giảng dạy cho."

(Ông Tử Hạ trích ý nghĩa mấy câu dưới đây trong kinh Thi mà hỏi đức Khổng tử: "Người mà mỉm miệng cười hữu duyên; cặp mắt sáng suốt lóng lánh, thì nên trang sức cho đẹp thêm. Cũng như thế, nếu có một nền trắng thì mới có thể vẽ vời cho rực rỡ." Đức Khổng tử nhấn thêm rằng: "Phải, muốn vẽ nên bức họa thì hãy sắm lấy một nền trắng." Đó là ở theo phép của các hàng Vua thánh thuở xưa. Các ngài đem lễ tiết mà trang sức cho những đức trung, tín, cũng như người thợ đem màu sắc mà tô điểm lên trên nền trắng vậy.)

*

9. Đức Khổng tử nói rằng: "Ta có thể giảng Lễ nhà Hạ. *Nhưng dòng dõi nhà Hạ hiện nay làm vua chư hầu* nước Kỷ chẳng còn giữ lễ ấy nữa, nên không có thể chứng chắc lời giảng của ta. Ta có thể giảng Lễ nhà Ân. *Nhưng con cháu nhà Ân hiện nay làm vua chư hầu* nước Tống chẳng còn giữ Lễ ấy nữa, nên không có thể chứng chắc lời giảng của ta. Ấy vì văn thơ và người hiền không còn nữa. Phải còn đủ thì ta lấy đó mà làm bằng chứng.

(*Xem và so sánh với đoạn chót chương 28 trong sách Trung dung.)*

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Trong cuộc tế Đế, từ khi mới rót rượu cho tới những nghi tiết sau, người ta thi hành một cách biếng nhát, bất kính. Vì vậy cho nên ta chẳng muốn trông thấy."

(Ngày xưa, bực Thiên tử đến hạn năm năm thì làm một cuộc lễ lớn, tế vị thủy tổ sáng lập triều đại và tế ông thân sinh của vị thủy tổ ấy. Cuộc lễ ấy kêu là Đế. Vua nước Lỗ là vua chư hầu đã tiếm quyền mà tế Đế. (Khi khởi cuộc tế thì rót rượu thơm xuống đất mà thỉnh linh hồn), thế mà từ khi rót rượu cho đến các chi tiết khác, vua thi hành một cách giải đãi, chẳng có lòng thành kính. Vì vậy nên đức Khổng chẳng muốn xem cuộc lễ ấy.)

*

11. Có người hỏi đức Khổng tử về ý nghĩa của việc tế Đế. Ngài đáp rằng: "Ta không biết. Người nào biết ý nghĩa của cuộc tế ấy, thì trị thiên hạ cũng như coi cái nầy." Ngài vừa nói vừa đưa bàn tay ra.

(Ngài là người nước Lỗ, chẳng muốn nói rõ việc vua nước Lỗ tiếm quyền tế Đế, cho nên ngài đáp là chẳng biết. Còn người nào biết mà thi hành trúng cách, thì phải là bực Thiên tử, bực ấy hiểu lễ và trị yên thiên hạ dễ dàng như nhìn bàn tay.)

*

12. Đức Khổng tử khi cúng tế tổ tiên thì rất mực cung kính, dường như có tổ tiên hiện lại. Khi ngài cúng tể thần minh thì cũng rất mực cung kính, dường như có thần minh hiện lại. Ngài nói rằng: "Khi ta bận việc chẳng dự được cuộc tế, phái người thay mặt mình đi tế, thì ta ái ngại dường như chẳng có tế vậy."

*

13. Ông Vương tôn Giả hỏi đức Khổng tử rằng: "Tục ngữ có câu: "Cúng vái Thần Ao, thà cúng vái ông Táo còn hơn." Câu ấy ý nghĩa thế nào?" Đức Khổng tử đáp: "Chẳng phải vậy đâu. Kẻ mắc tội với Trời, dầu cầu đảo với vị thần nào, cũng chẳng khỏi."

(Vương tôn Giả là quan đại phu có quyền thế ở nước Vệ. Đức Khổng tử đến nước Vệ. Nghi rằng đức Khổng muốn làm quan ở nước Vệ, ông Vương tôn Giả có ý muốn cho đức Khổng cọng tác với mình để mình tiến cử cho, nhưng chẳng dám nói thẳng. Bèn mượn câu tục ngữ trên, có ý nói rằng: "Khi cúng vái để cầu khẩn một việc gì, cầu với thần nhà trên (Áo) chẳng có hiệu quả bằng vài ông Táo là thần nhà dưới. Tức như muốn làm quan, nên cầu với bực đại phu thì dễ hơn cầu nơi vua." Biết ý Vương tôn Giả, đức Khổng phản đối một cách khéo léo như vầy: "Kẻ minh chánh không cầu cạnh với ai hết, dầu là thần Ao hay thần Táo. Vã lại trên hết là có Trời kia mà. Kẻ nào ăn ở thuận lẽ Trời thì Trời giáng phước. Còn kẻ làm nghịch mạng Trời ăn ở tà ác, dầu có cầu cạnh với vị thần nào, cũng chẳng khỏi mang họa.)

*

14. Đức Khổng tử nói rằng: "Triều đại nhà Châu soi xét theo hai triều đại đã qua *(nhà Hạ và nhà Thương)* mà chế định Lễ tiết. Nhờ vậy, Lễ tiết trở nên rực rỡ biết bao! Vậy ta theo Lễ tiết nhà Châu."

*

15. Đức Khổng tử vào nhà Thái miếu, thấy mỗi việc mỗi hỏi. Có người cười rằng: "Ai gọi con người ấp Trâu ấy là biết Lễ? Nếu biết Lễ sao lại mỗi việc mỗi hỏi?" Ngài nghe như vậy, nói rằng: "Chính ta hỏi mới hạp Lễ"

(Nhà Thái miếu là đền thờ ông Châu công, lập ra ở nước Lỗ. Vua Võ vương, sau khi diệt Trụ nhà Thương, bèn lập ra nhà Châu, lên ngôi Thiên tử, phong cho em là Châu công làm vua nước Lỗ. Vậy Thái miếu là đền thờ đầu tiên dựng ra ở nước Lỗ để kỷ niệm công đức ông Châu công.

Đức Khổng tử sanh ra ở ấp Trâu nước Lỗ, con của quan đại phu Thúc lương Ngột trấn nhậm ấp ấy, cho nên người ta gọi ngài là "con của người ấp Trâu".)

*

16. Đức Khổng tử nói rằng: "Bắn giỏi là bắn cho trúng cái đích ở trung tâm, chớ chẳng cần bắn cho lủng tấm da; là vì sức mạnh của người ta chẳng đồng bực với nhau. Đó là phép bắn của người xưa đã định như vậy."

(Cách bắn là như vầy: Người ta giăng ra một tấm bia. Ở giữa tấm bia, người ta gắn một tấm da nhỏ kêu là hộc (tượng trưng cho chim hộc). Ai bắn cho trúng hộc là hay rồi, chứ chẳng đợi tới bắn suốt qua.)

*

17. Ông Tử Cống, đệ tử của đức Khổng, làm quan ở nước Lỗ, muốn bỏ lệ dâng con dê sống lên vua trong dịp lễ Cốc sóc. Đức Khổng tử *kêu ngay tên thiệt của ông Tử Cống mà* trách rằng: "Nầy Tứ! ngươi thương con dê của ngươi, chớ ta mến cuộc lễ."

(Lễ Cốc sóc là: Mỗi kỳ đầu tháng (sóc), vua chư hầu dùng dê mà tế tổ tiên tại miếu đường để kính cáo hành vi của mình. Mỗi vị quan phải dâng lên một con dê sống để vua tế. Ở nước Lỗ, từ vua Văn công trở đi, nhà vua chẳng còn tế. Nhưng mỗi đầu tháng, các quan vẫn giữ lệ nạp dê. Ông Tử Cống thấy rằng vua chẳng tế mà quan phải nạp dê thì vô ích, vã lại tốn phí nữa, nên định bỏ lệ ấy. Đức Khổng tử trách ông Tử Cống về chỗ nầy: Tuy là vua chẳng tế Cốc sóc, nhưng lệ nạp dê làm cho người ta còn niệm tưởng đến ngày lễ. Chí như bỏ lệ ấy thì cuộc lễ bị bỏ rơi trọn vẹn rồi đó. Ngài không tiếc dê, nhưng ngài trọng lễ.)

*

18. Đức Khổng tử nói rằng: "Làm quan đối với vị quốc trưởng mà giữ hết lễ, thì người ta lại bảo rằng mình nịnh hót."

(Thường thường kẻ làm quan thích hưởng bổng lộc mà làm việc một cách qua loa. Cho nên thấy ai làm hết bổn phận thì họ ghét mà gièm chê là siểm mỵ.)

*

19. Vua Định công *nước Lỗ* hỏi đức Khổng tử rằng: "Vua khiến bầy tôi, bầy tôi thờ vua, phải thế nào?" Đức Khổng đáp rằng: "Vua khiến bầy tôi thì phải giữ lễ phép; bầy tôi thờ vua thì phải cho hết lòng. *Đó là đạo quân thần."*

(Bực quốc trưởng ở trên nếu muốn cho các quan và dân chúng ở dưới đều thành thật

với mình, hết lòng với mình, thì cần phải giữ bổn phận mình, tức là nên ăn ở theo lễ và thi thố chính sách nhân ái.)

*

20. Đức Khổng tử nói rằng: "Tiết Quan thư *trong kinh Thi* có chép: Khoái lạc mà không dâm dật; ai cảm mà không bi thương"

(Đó là hạnh quân tử của vua Văn vương. Khi ngài chưa được bà hậu phi thì ngài xốn xang bứt rứt, nhưng không đến nổi bi thương chán ngán. Đến chừng ngài được bạn vàng thì vui sướng tình cầm sắt, chớ chẳng dâm dật vô độ ở chốn cấm cung.)

*

21. Vua Ai công *nước Lỗ* hỏi ông Tể Ngã về cách thiết lập đàn xã. Ông Tể Ngã đáp rằng: "Về triều đại nhà Hạ, người ta trồng cây tùng nơi đàn xã. Qua triều đại nhà Ân, người ta trồng cây bá. Đến triều đại nhà Châu *(triều đại đương thời)*, người ta trồng cây lật, ấy là cố ý làm cho dân thấy cây lật mà sanh sợ hãi (chiến lật)." Đức Khổng tử nghe được mấy lời ấy, trách rằng: "Việc đã thành rồi, chớ nói đi nói lại làm chi. Việc đã xong rồi, can gián cũng vô ích. Chuyện đã qua rồi, không trách làm chi nữa."

(Xã là cảnh đất nơi ấy mấy vị Thiên tử thời xưa tế thần Đất đai. Triều đại nào thích cây gì thì trồng thứ cây ấy trên cảnh đất ấy, và lại tùy thứ cây nào hạp đất mới trồng.

Ông Tể Ngã là đệ tử của đức Khổng, họ Tỉ, tên Dư, tự là Tể Ngã. Vì lời nói của ông vụng về, trách nhà cầm quyền đương thời thi hành chính sách khủng bố dân, cho nên đức Khổng tử có ý bổ cứu vậy.)

*

22. Đức Khổng tử *chê ông Quản Trọng là quan tể tướng nước Tề* rằng: "Ngươi Quản Trọng khí lượng nhỏ nhít thay!" Có người hỏi đức Khổng rằng: "Hay là Quản Trọng là người tiết kiệm?" Ngài đáp: "Họ Quan cất nên *cảnh đài to tát và hoa lệ kêu là* Tam qui; về việc quan thì không kiêm nhiếp, *người khiến mỗi vị quan chỉ làm một việc thôi, thành ra tốn lương.* Như vậy sao gọi là tiết kiệm được?" Khách nói rằng: "Ông Quản Trọng tiêu xài lớn là ổng biết lễ chứ gì?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Vua chư hầu dựng cái tắc môn *trước cung đặng cho kẻ qua đường chẳng dòm thấy trong nhà.* Họ Quản cũng dựng cái tắc môn *trước dinh mình.* Vua chư hầu có lễ phản điếm: tức là khi vị vua chư hầu nước nầy mời vị vua chư hầu nước kia hội yến thì có dùng giá để úp chén (phản điếm). Họ Quản cũng có lễ phản điếm. Họ Quản mà biết lễ, thì ai chẳng biết lễ?"

*

23. Đức Khổng tử nói chuyện nhạc với quan thái sư *(quan đầu nhạc công)* nước Lỗ rằng: "Phép tấu nhạc vốn không khó. Lúc mới khởi, nên cho các món nhạc trổi lên,

mọi tiếng đều hiệp tụ. Lúc mở rộng ra, cần cho các thứ tiếng đều thuần thục, tiếng nào phân minh theo tiếng ấy, rồi tiếng nầy liên tiếp với tiếng kia. Như vậy được là thành một bản nhạc."

*

24. Đức Khổng tử bỏ chức tướng quốc nước Lỗ mà đi châu du. Đến nước Vệ, ngài và chư đệ tử dừng chân nơi ấp Nghi là ấp ném về cương giới.

Quan trấn ấp Nghi xin vào yết kiến ngài, nói rằng: "Mỗi khi có bực quân tử đến xứ nầy, tôi đều được yết kiến." Những đệ tử theo hầu đức Khổng bèn đưa quan trấn vào yết kiến thầy mình. Khi trở ra, người nói với các môn đệ của ngài rằng: "Mấy ông há phải ưu sầu vì ngài mất chức quan sao? Trong thiên hạ đã loạn lạc lâu rồi kia mà. Nhưng Trời sắp khiến đức Phu tử đứng ra làm chuông cảnh tỉnh [1] cho nhơn dân."

*

25. Đức Khổng tử *bàn về âm nhạc, nói rằng: "*Thiều *là âm nhạc của vua Thuấn,* hay tột bực và lành cũng tột bực." Ngài lại nói rằng: "Võ *là âm nhạc của vua Võ,* hay tột bực, nhưng mà lành chưa tột bực."

(Nhạc Thiều và nhạc Võ đều hay, nhưng nhạc Thiều trọn lành, nhạc Võ chưa trọn lành.

Ông Thuần là bực chí đức nên được vua Nghiêu gả con và truyền ngôi. Ông cai trị một cách hoàn toàn. Nhạc Thiều của ông có chín hồi, kể công đức trong chín khoảng đời của ông.

Ông Võ là bực võ sĩ, nhà anh hùng, dẹp vua Trụ nhà Thương Ân mà lập ra nhà Châu. Nhạc của ông có sáu hồi, kể những công cán chinh phạt của ông cho tới lúc yên trị.)

*

26. Đức Khổng tử nói rằng: "Như ai ở ngôi trên mà chẳng có lượng khoan hồng, hành lễ mà chẳng tỏ vẻ cung kính, đương cơn tang chế mà chẳng đau thương, người như vậy, mắt ta há nhìn họ sao?"

(Đối với ba hạng người để mất bổn tâm: 1. làm lớn mà hẹp hòi, 2. hành lễ mà chẳng kính, 3. Đương khi tang khó mà chẳng bi ai, - tức là ba hạng người thiếu nhơn cách, thì đức Khổng tử khi dể mà chẳng muốn nhìn).

*

[1] Chuông cảnh tỉnh (mộc đạc): Ấy là cái chuông đồng, quả lắc bằng cây, ngày xưa dùng để đánh hiệu vào học. Bực mộc đạc là bực đi du hành giáo hóa chúng dân, hoặc mở trường mà dạy đạo lý cho đệ tử.

CHƯƠNG THỨ TƯ: LÝ NHÂN

(Chương này có tất cả 25 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử nói rằng: "Xóm có nhân hậu là xóm tốt. Người nào chọn chỗ ở mà chẳng ở xóm có nhân hậu thì sao gọi là người trí cho được?"

(Xóm có 25 nhà kêu là lý. Người trí đức nên chọn xóm có nhiều người nhân đức mà ở, tức là ở gần người hiền. Như vậy, mình được yên ổn và dễ bề tu học; và con em trong nhà mình sẽ cảm hóa theo phong tục tốt lành.)

*

2. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ bất nhân chẳng có thể bền chịu với cảnh nghèo túng, chẳng có thể an nhiên lâu dài trong cảnh khoái lạc. Người nhân thì an vui với lòng nhân của mình, *ở cảnh nào cũng vẫn yên ổn thảnh thơi*; người trí thì biết lợi dụng lòng nhân, *tùy thời cơ mà làm cho cái đức nhân hậu của mình càng gia tăng."*

(Kẻ bất nhân nếu nghèo khó thì sanh tâm làm bậy hại người, nếu giàu sang sung sướng thì lại phóng túng càn dở. Kẻ ấy kém người nhân và người trí: người nhân vui chịu với mọi hoàn cảnh, không để mất lòng nhân. Người trí thì biết chuyển biến, khéo thi hành theo đều nhân.)

*

3. Đức Khổng tử nói rằng: "Duy có bực nhân từ mới biết thương người và ghét người một cách chánh đáng mà thôi."

(Người nhân có trí sáng suốt, biết phân biệt người trung chánh với kẻ tà ác. Bực ấy nếu ở ngôi trên thì yêu dùng trang hiền đức, mà ghét bỏ phường ác nịnh).

4. Đức Khổng tử nói rằng: "Người ta nếu thật chuyên tâm làm nhân thì đâu có phạm đều tà ác."

(Cái tâm mình, nếu mình có công tập luyện theo đều nhân, thì tự nhiên nó hóa ra lành. Cái tâm ý mình đã trở nên lành, thì nó không còn mong chuyện quấy; do đó, miệng chẳng nói bậy, thân chẳng làm lếu.)

*

5. Đức Khổng tử nói rằng: "Giàu với sang, ai lại chẳng muốn? Nhưng nếu chẳng phải đạo mà được giàu sang, thì người quân tử chẳng thèm. Nghèo với hèn, ai lại chẳng ghét? Nhưng nếu chúng nó đến với mình mà mình chẳng lỗi đạo, thì người quân tử chẳng từ bỏ. Là vì nếu người quân tử bỏ mất lòng nhân thì làm sao được gọi là quân tử? Người quân tử không bao giờ lìa bỏ đều nhân, dẫu cho trong khoảng một bữa ăn! Người quân tử không bao giờ ở sái đều nhân; dẫu trong cơn vội vàng, trong lúc ngửa

nghiêng, người cũng ở theo đều nhân."

(Đáng gọi là quân tử, người nào trọn đời ở theo đức nhân. Nếu thi hành những phương pháp gian trá tàn ác để trở nên giàu có, sang trọng, người chẳng thèm. Nếu tránh khỏi cảnh nghèo khó, hèn hạ mà mang tiếng nhơ, người cũng chẳng thèm. Vì vậy nên mới đáng gọi là quân tử. Cho đến trong khi ăn uống cũng chẳng để mất lòng nhân. Dẫu trong lúc gấp rút, trong cơn loạn lạc, người cũng vẫn giữ đạo nhân.)

*

6. Đức Khổng tử nói rằng: "Ta chưa thấy người nào thật tình yêu đều nhân và ghét đều bất nhân. Ngươi thật yêu đều nhân thì không cho đều gì là hơn đều nhân được. Người thật ghét đều bất nhân, trong khi làm nhân, chẳng để cho đều bất nhân vướng vào mình. Có ai trọn ngày dùng hết sức mình mà làm nhân chăng? Ta chưa thấy ai chẳng đủ sức mà làm nhân. Hoặc cũng có, nhưng mà chính mắt ta chưa thấy."

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Mỗi người tùy theo đảng phái của mình mà phạm lỗi. Cho nên khi quan sát cái lỗi của mỗi người, mình có thể biết người ấy có lòng nhân hay không."

(Con người ta đại để có hai hạng: quân tử và tiểu nhân. Người quân tử thì quá thất về lòng nhân hậu; còn kẻ tiểu nhân thì quá thất về nỗi khắc bạc. Cho nên xem qua chỗ quá thất, mình biết người ta thuộc về hạng quân tử hoặc hạng tiểu nhân).

*

8. Đức Khổng tử nói rằng: "Buổi sáng nghe được đạo lý, buổi chiều dầu chết cũng vui."

*

9. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ sĩ chuyên tâm cầu Đạo, nhưng còn hổ thẹn vì nỗi áo xấu, cơm thô thì chưa đáng nghe mình bàn luận Đạo lý."

*(Nhà triết học, nhà đạo đức chân chánh vẫn trọng tinh thần hơn hình thức, không phân biệt kẻ sang người hèn, không hổ vì mình thiếu ăn thiếu mặc. Còn với kẻ chuộng vật chất, ham ăn ham mặc, chưa có lòng mến Đạo, thì mình giảng luận **Đ**ạo lý cũng vô ích.)*

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quân tử làm việc cho đời, không có việc gì mà người cố ý làm, không có việc gì mà người cố ý bỏ, hễ hạp nghĩa thì làm."

(Về chính trị, bực quân tử cầm quyền không thi hành chính sách độc tài: thích thì làm, không thích thì bỏ. Người nương theo lẽ phải, theo công lý mà làm.)

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quân tử mong cho đức hạnh mình càng ngày càng cao; còn kẻ tiểu nhơn mong cho có chỗ ăn chỗ ở cho sướng cái thân. Bực quân tử tưởng nhớ đến pháp luật đặng gìn giữ; còn kẻ tiểu nhơn tưởng nhớ đến ơn huệ để cậy nhờ."

(Phẩm cách của quân tử và tiểu nhơn có khác nhau: Quân tử lo tu thân hành đạo; tiểu nhơn lo vinh thân phì gia. Quân tử giữ theo phép nước; tiểu nhơn chẳng kể pháp luật, rồi chạy đi cầu cạnh, xin xỏ.)

*

12. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ nào nương theo lợi mà thi hành, ắt có nhiều người oán thù."

(Bực quân tử nên dung hòa nhơn nghĩa và tài lợi. Nếu mình chỉ biết lợi ích cho mình, cho nhà mình, cứ lo vơ vét, bóp chẹn, thì làm hại dân, họ sẽ oán hận mình và có thể hại mình.)

*

13. Đức Khổng tử nói rằng: "Nhà cầm quyền nếu biết dùng lễ, nhượng trong cuộc cai trị đất nước, thì cai trị có khó gì? Còn như chẳng biết dùng lễ, nhượng trong cuộc cai trị đất nước, thì làm sao mà có lễ cho được?"

(Lễ đạo và khiêm nhượng đã chẳng biết mà giữ, nói chi đến việc trị nước? Tự người bề trên không có lễ phép, thì người bề dưới há theo lễ phép sao? Như vậy trị nước sao yên?)

*

14. Đức Khổng tử nói rằng: "Chớ lo mình không có chức vị; chỉ lo mình chẳng đủ tài đức đi lãnh lấy chức vị mà thôi.

Chớ lo người ta chẳng biết mình; chỉ cầu cho mình trở nên giỏi giắn và có đạo hạnh đặng đáng cho người ta biết vậy thôi."

(Kẻ học đạo Thánh hiền chớ nên buồn rầu vì mình chẳng được làm quan. Hãy lo cho có tài cán, trí huệ và đức hạnh trước đã, đặng cho khi bực quốc trưởng giao phó chức vụ quan trọng cho mình, thì mình đủ sức mà đảm đương.

Dẫu mình có tài đức mà ít người biết, chớ có buồn. Mình cứ tinh tấn mà tu học luôn, như vậy danh tiếng mình càng ngày càng cao.)

*

15. Đức Khổng tử kêu tên thiệt của ông Tăng tử mà nói rằng: "Sâm ơi! Đạo ta là do nơi một lẽ mà suốt thông tất cả." Ông Tăng tử đáp: "Dạ." - Khi đức Khổng ra rồi, chư

môn đệ của ngài bèn hỏi ông Tăng tử rằng: "Thầy dạy như vậy là nghĩa gì?" Ông Tăng tử đáp: "Đạo của Thầy chỉ gom vào hai cái đức trung và thứ mà thôi."

(Trung: hết lòng hết dạ, thành tâm thật ý, Thứ: suy lòng ta ra lòng người; thương mình như thương người; việc gì mình không muốn, chớ gia vào người. – Đức Khổng đem phương pháp tổng quát mà truyền cho ông Tăng tử, vì ông có bản lãnh cao trổi hơn các môn đệ: muốn suốt thông tất cả, từ nhơn tình thế sự cho tới Thiên lý, nếu bắt một mối mà phăn ra mãi cho đến cùng. Ông Tăng tử lại đem ra phương pháp tuần tự mà chỉ cho các bạn: trước nên hết lòng hết dạ, thành tâm thật ý, - suy lòng ta ra lòng người. Được hai cái đức tánh ấy rồi, mới có thể học phép nhứt quán, tức là bắt từ một mối gần mà hiểu thấu các mối xa.)

*

16. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực quân tử tinh tường về việc nghĩa; kẻ tiểu nhơn rành rẽ về việc lợi."

(Cái tâm thuật của người hiền đức là thế này: Muốn làm việc chi, trước xem xét coi có hạp nghĩa, phải lẽ, rồi mới làm. Còn cái tâm thuật của bọn độc ác, bọn con buôn là như vầy: Miễn có lợi thì làm, mặc dầu có hại người hại nước cũng chẳng kể.)

*

17. Đức Khổng tử nói rằng: "Thấy ai hiền đức, mình nên tư tưởng để cố gắng cho bằng người. Thấy ai chẳng hiền, mình nên tự xét, đừng bắt chước theo họ."

(Kẻ học Đạo nên biết phân biệt người hiền với kẻ dữ: gần với ai mà thấy họ hiền lành tử tế, nên ăn ở như họ. Gặp ai làm hung làm dữ, nên xa lánh họ và tránh những hành vi như vậy.)

*

18. Đức Khổng tử nói rằng: "Làm con thờ cha mẹ, như thấy cha mẹ lầm lỗi thì nên can gián một cách dịu ngọt. Như thấy ý tứ cha mẹ chẳng thuận theo lời khuyên của mình, thì mình vẫn một lòng cung kính và chẳng trái nghịch. Như cha mẹ giận mà khiến mình làm công việc cực khổ, chớ có đem dạ oán hờn."

(Theo trên, đức Khổng khuyên người ta nên thờ cha mẹ một cách sáng suốt. Không phải bất kỳ đều gì mà cha mẹ khiến đều vâng theo, gọi là có hiếu. Người có hiếu nên biết phân biệt những đều lành của cha mẹ mà tuân theo, những đều dữ của cha mẹ mà can gián.)

*

19. Đức Khổng tử nói rằng: "Trong khi cha mẹ còn sanh tiền, phận làm con chớ có đi chơi xa. Như đi chơi đâu thì thưa trước cho cha mẹ biết *đặng cha mẹ an tâm."*

(Làm cha mẹ, ai cũng lo cho con, sợ con phóng túng mà hư thân mất nết, hoặc sợ con

theo bạn xấu mà làm chuyện phi pháp, mắc vòng tù tội. Cho nên đi chơi nhà ai thì nên cho cha mẹ biết trước, phòng khi giao du với kẻ chẳng xứng đáng thì cha mẹ khuyên can.)

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Làm con phải biết tuổi của cha mẹ mình. *Nhớ biết như vậy,* một là để vui mầng *vì cha mẹ được sống lâu,* hai là để lo sợ *cho cha mẹ già yếu."*

(Thế thường, người ta hay nhớ tuổi của con mình, mà hay quên tuổi của cha mẹ. Như vậy, sao đáng gọi là hiếu? Người có hiếu lúc nào cũng nên nhớ tuổi của cha mẹ, trước để để mừng cha mẹ được trường thọ, sau để dự phòng những sự đau yếu, chẳng may có thể xảy đến cho song thân.)

*

21. Đức Khổng tử nói rằng: "Người xưa chẳng dám khinh dể lời nói, vì e chẳng theo kịp lời nói mà hổ ngươi."

(Ở bực quân tử, lời nói và việc làm xứng với nhau. Người quân tử chẳng dám khoe mình, chẳng dám hứa càn, vì nếu hạnh mà chẳng kịp ngôn thì người lấy làm hổ thẹn.)

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: "Người nào biết ước thúc lấy mình, *biết nương theo qui củ mà làm việc,* thì ít hay lầm lạc, thất bại."

(Người quân tử hay cẩn thận, làm việc đúng phép, cho nên ít có dịp mà người ta chê trách. Còn kẻ tiểu nhân thì phóng túng bỏ phép luật, cho nên hay thất bại, thường bị thiên hạ khinh khi.)

*

23. Đức Khổng tử nói: "Người quân tử muốn cho lời nói của mình thì ít oi, chậm lụt, mà công việc của mình thì cần mẫn, siêng năng."

(Tức là người quân tử không ưa những bài diễn văn dài dòng, đầy hứa hẹn; người chỉ thích những sự hành động thiết thực mà thôi.)

*

24. Đức Khổng tử nói rằng: "Người có đức chẳng có lẻ loi; ắt có những kẻ *đồng tâm đồng chí* gần gũi *và ủng hộ* mình."

(Những bực có tài đức, chí hướng chẳng hề bị bỏ rơi. Thế nào cũng được những người trọng mộ, theo mình và nâng đở mình. Vậy con người ta ở đời nên lo bồi bổ chí hướng, tu tập đạo đức.)

*

25. Ông Tử Du, *đệ tử của đức Khổng*, có nói rằng: “Mình làm quan, thấy bực quốc trưởng chẳng hối quá, thế mà nay can mai gián, làm cho bực quốc trưởng chán ghét, thì thân mình phải bị nhục đó thôi. Mình làm bạn, thấy bằng hữu chẳng sửa nết, mà cứ khuyên lơn mãi, làm cho bằng hữu buồn giận, thì tình bè bạn phải xa.”

(Theo ông Tử Du, nếu can mà người trên chẳng nghe thì đừng nói nữa làm chi cho mang hại. Còn đối với bạn, liệu họ chẳng đổi nết thì thôi, đừng nói nữa làm chi cho mất tình bằng hữu.)

*

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN BA

CHƯƠNG THỨ NĂM: CÔNG DẢ TRÀNG

(Chương nầy có tất cả 27 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử nói về ông Công dả Tràng *là học trò cao đệ của ngài* rằng: "Nên gả con cho trò ấy. Tuy hiện nay trò bị giam nơi lao ngục, nhưng chính trò không có phạm tội." Ngài đem con gái mà gả cho *ông Công dả Tràng.*

Đức Khổng tử nói về ông Nam Dung *là một đệ tử của ngài* rằng: "Trong lúc nước nhà yên trị, gã ấy vẫn được giữ chức quan; tới khi nước nhà loạn lạc, gã ấy *nhờ cẩn thận về ngôn hạnh mà tránh khỏi tai họa:* khỏi bị hành hạ và thác oan." Ngài bèn đem cháu gái, con của người anh mà gả cho *ông Nam Dung.*

(Ông Nam Dung ở xứ Nam Cung, tên Đạo, cũng tên Quát, tự Tử Dung, anh của ông Mạnh ý Tử làm quan Đại phu nước Lỗ. (Xem chương thứ nhì (Vi chính), tiết 5)

*

2. Đức Khổng tử nói về ông Tử Tiện, *có khen* rằng: "Người ấy quân tử thay! *Ấy nhờ ở nước Lỗ có thầy hay bạn giỏi mà được như vậy. Chớ* nếu nước Lỗ chẳng có những trang quân tử, thì người lấy đâu mà được đức quân tử?"

(Ông Tử Tiện cũng là đệ tử của đức Khổng, họ Mật, tên Bất Tề, tự Tử Tiện. – Đức Khổng nhơn khen ông Tử Tiện là người có chí đức theo đạo Thánh hiền, cũng khen qua các nhà đạo đức trí thức ở nước Lỗ.)

*

3. Ông Tử Cống hỏi đức Khổng rằng: "Tứ tôi đây, như thế nào?" Ngài đáp: "Ngươi như món đồ." Hỏi tiếp: "Đồ gì?" Đáp: "Đồ hồ liên."

(Đức Khổng tử thường nói rằng mỗi vị đệ tử của ngài có một môn sở trường, tức cũng như một món đồ dùng vào một việc mà thôi. Ở đây, ngài nói rằng ông đệ tử Tử Cống cũng như món hồ liên, tức là một thứ bồn quí để nơi nhà Tông miếu mà bực Thiên tử đựng cơm để dâng cúng Tổ tiên trong dịp tế lễ. Ấy là ngài khen ông Tử Cống có thể làm chính trị, lãnh chức đại phu. Ông là người có tài cán và có ngôn ngữ văn chương, tỷ như đồ hồ liên chạm ngọc để cúng cơm nơi nhà Tông miếu.)

*

4. Có người nói với đức Khổng rằng: "Ung là người có nhân, nhưng chẳng có tài biện luận." Ngài đáp rằng: "Có tài biện luận mà làm gì? Đối với người, nếu mình dùng tài biện luận mà đàn áp họ thì họ oán ghét. Ta chẳng biết ngươi Ung có nhân hay chăng,

nhưng có tài biện luận mà làm gì?"

(Ung là đệ tử của đức Khổng, họ Nhiễm, tự Trọng Cung. - Theo trên, ta thấy rằng đức Khổng trọng lòng nhân đức hơn tài biện luận.)

*

5. Đức Khổng tử khiến ông Tất điêu Khai ra làm quan. Ông từ rằng: "Tôi chưa tự tin ở đức mình." Đức Khổng lấy làm vui dạ.

(Ông Tất điêu Khai, tự là Tử Nhược, là đệ tử của đức Khổng. – Người muốn ra làm chính trị, trước phải chính lấy mình. Bởi xét rằng mình chưa có đủ tài đức để chính lấy mình, cho nên ông Tất điêu Khai chưa muốn lãnh việc trị dân. Cho nên đức Khổng lấy làm vừa ý với lòng thành cầu đạo của ông Tất điêu Khai vậy.)

*

6. Đức Khổng tử than rằng: "Đạo ta, người ta chẳng chịu thi hành. Hay là ta *bỏ hết mà đi,* thả bè lênh đênh trên mặt biển còn hơn? Theo ta, chỉ có một mình trò Do chớ gì?" *Ông Do, tự là* Tử Lộ tưởng thiệt, lấy làm vui vẻ. Nhưng đức Khổng bảo rằng: "Trò Do có tánh dõng cảm hơn ta, nhưng tiếc rằng trò chẳng có trí phán đoán."

(Bậc quân tử cần có đủ ba đức: nhân, trí, dõng. Đức Khổng có đủ ba đức ấy. Còn ông Tử Lộ chỉ được đức dõng mà thôi.)

*

7. Ông Mạnh võ Bá hỏi đức Khổng rằng: "Ông Tử Lộ có phải là người nhân chăng?" Ngài đáp: "Ta không biết." Ông ấy lại hỏi nữa. Ngài đáp: "Trò Do *(Tử Lộ)* có thể điều khiển quân đội cho một nước *chư hầu* có một ngàn cổ binh xa. Chớ ta chẳng biết trò ấy có nhân hay không." Ông *Mạnh võ Bá hỏi tiếp: "*Ông Cầu như thế nào?" Đức Khổng tử đáp: "Trò Cầu *(Nhiễm Hữu)* có thể làm quan Tể cho một ấp (*tức là một thành phố)* có một ngàn nhà, hoặc làm quan Tể cho một bực đại gia có một trăm cổ binh xa. Chớ ta chẳng biết trò ấy có nhân hay không." - "Ông Xích như thế nào?" Đức Khổng đáp: "Trò Xích *(Tử Hoa)* có thể mặc lễ phục, buộc đai mà đứng ở triều đình tiếp chuyện với khách khứa. Chớ ta chẳng biết trò ấy có nhân hay không."

(Mạnh võ Bá là con quan đại phu Mạnh Ý Tử ở nước Lỗ. (Xem lại chương thứ nhì, tiết 6.) Ông muốn biết coi trong những học trò cao đệ của đức Khổng như: Tử Lộ, Nhiễm Hữu, Tử Hoa, ai có đức nhân. Đức Khổng không bảo đảm đức nhân của ba vị ấy. Nhưng ngài chứng nhận cái biệt tài của mỗi Người: 1. Ông Tử Lộ là người dõng cảm, có sức mạnh và chẳng sợ chết, có thể cầm binh cho một nước chư hầu khá lớn. 2. Ông Nhiễm Hữu có tài cai trị, có thể cai quản một thành phố hoặc giúp sức một bực khanh, đại phu. 3. Ông Tử Hoa có lễ tiết, giỏi về ngoại giao, có thể thay mặt vua mà tiếp rước khách khứa. - Còn về đức nhân, trong hàng đệ tử của đức Khổng, chỉ có ông Nhan Hồi được khen là người nhân mà thôi.)

*

8. Đức Khổng tử kêu ông Tử Cống, hỏi rằng: "Ngươi với Hồi, ai hơn?" Tử Cống thưa rằng: "Tứ nầy sao dám sánh với Hồi? Hồi nghe được một, biết đến mười. Tứ nầy nghe được một, chỉ biết đến hai mà thôi." Đức Khổng khen rằng: "Thật ngươi chẳng bằng Hồi vậy. Ta cũng đồng ý mà nhận cho ngươi chẳng bằng.)

(Trong hàng đệ tử của đức Khổng, Nhan Hồi là ugười ân cần học Đạo hơn hết.)

*

9. Ông Tể Dư *có tật* ngủ ngày. *Nhơn đó,* đức Khổng tử nói rằng: "Cây mục không chạm khắc được; vách bằng đất bùn, không tô vẽ được. Ta còn trách ngươi Dư mà làm gì?" Ngài tiếp rằng: "Khi trước, nghe người ta nói, ta tin rằng nết hạnh họ phù hạp với lời nói của họ. Ngày nay, nghe người ta nói, ta phải quan sát coi hành động của họ có phù hạp với lời nói của họ chăng. Tại ngươi Dư làm cho ta đổi ý kiến vậy."

(Ông Tể Dư tự Tể Ngã, là đệ tử đức Khổng (Xem lại quyển nhì, chương thứ ba, tiết 21) là người ít ham học Đạo mà ham ăn nói, hay khoe mình. Lại nữa, ông có tật ngủ ngày thì làm sao siêng cần cho được?)

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Ta chưa thấy người nào có chí cương quyết." Có người đáp rằng: "Có Thân Trành." Ngài cãi rằng: "Trành là người tham dục, làm sao có chí cương quyết được?"

(Thân Trành là đệ tử của đức Khổng. - Người cương quyết tức là người thắng tình dục. Nếu để cho tình dục sai khiến mình, thì chí cương quyết, nghị lực phải tiêu ma.)

*

11. Ông Tử Cống nói rằng: "Việc gì mình không muốn người ta gia cho mình, thì mình cũng không muốn gia cho người ta." Đức Khổng tử *kêu thiệt tên của ông Tử Cống mà* nói rằng: "Nầy Tứ! ngươi chưa tới mức đó đâu."

(Người ta thường có bụng ích kỷ, chớ chẳng có lượng thứ: *suy ta ra người. Dẫu có biết được cái lượng thứ ấy, nhưng tới chừng đối cảnh, cũng không thi hành được.*

Ai thi hành được lượng thứ ấy mới hẳn là người có nhân, có nghĩa, hẳn là bực quân tử vậy.)

*

12. Ông Tử Cống nói rằng: "Văn chương Thầy ta thì chúng ta đều được nghe. Còn về bổn tánh con người cùng Đạo Trời thì chúng ta chẳng được nghe Thầy ta dạy."

(Đức Khổng tử tùy theo trình độ đệ tử mà giáo hóa. Trước ngài dạy về văn từ điển tích cùng cách xử sự, tức là dạy khoa Hình nhi hạ. Sau ngài mới dạy về bổn tánh và

Thiên Đạo, tức là dạy khoa Hình nhi thượng. Số đệ tử được truyền khoa nầy rất kém.)

*

13. Ông Tử Lộ nghe dạy đều chi mà tự mình chưa thi hành nổi, thì chỉ sợ nghe đến đều khác *mà làm không kịp.*

(Ông Tử Lộ là người cường dõng và khảng khái. Hễ nghe đức Khổng dạy điều gì thì ông lui về mà tu tập cho đắc tâm. Chừng thi hành được đều ấy rồi, ông mới đến viếng Thầy mà thỉnh giáo thêm. Như vậy, sở học và sở hành đều đi chung với nhau.)

*

14. Ông Tử Cống hỏi đức Khổng tử rằng: "Ông Khổng Văn tử tại sao được tên thụy là Văn?" Ngài đáp rằng: "Ông ấy đã minh mẫn mà lại háo học, không thẹn mà hỏi bực dưới mình, vì vậy nên được thụy hiệu là Văn."

(Quan đại phu nước Vệ họ Khổng tên Ngữ tự là Trọng Thúc, vốn là người sáng suốt lại ham học hỏi, vã lại hay hỏi những người chức nhỏ hơn mình mà chẳng cho là thẹn. Vì cảm công đức ấy, cho nên khi ông qua đời, người ta gọi ông là Văn, tức Khổng Văn tử.)

*

15. Đức Khổng tử khen ông Tử Sản là người giữ đạo quân tử được bốn đều: 1. đối với người thì tự mình khiêm cung; 2. thờ bực quốc trưởng thì một niềm kính trọng; 3. thường đem ân huệ mà thi thố cho dân; 4. và sai khiến dân một cách phải lẽ.

(Ông Tử Sản họ Công tôn, tên Kiều, tự là Tử Sản, làm quan đại phu nước Trịnh.)

*

16. Đức Khổng tử khen rằng: "Án Bình Trọng thât là người khéo giao tiếp với bằng hữu. Mặc dù đã quen thân lâu ngày, nhưng ông ấy vẫn giữ niềm cung kính."

(Án Bình Trọng: Họ Án, tên Anh, tự Bình Trọng, làm quan đại phu nước Tề. Ông ấy là người khéo giữ lễ: trong chỗ anh em, dẫu quen biết lâu, cũng chẳng hề sổ sàng, chểnh mảng.)

*

17. Đức Khổng tử nói rằng: "Ngươi Tang văn Trọng cất riêng một ngôi nhà để nuôi một con rùa lớn; quanh theo cột nhà có chạm trỗ hình non thế núi; trên rường nhà có vẽ rong rêu. Như vậy, đáng gọi là người trí sao?"

(Tang văn Trọng: họ Tôn, tên Thìn, làm quan đại phu nước Lỗ. Người đương thời bảo rằng ông ấy là người thông minh trí huệ. Nhưng đức Khổng tử cho rằng ông ấy là người dị đoan, không hiểu lý sự. Mu rùa dùng để chiếm quẻ cho biết việc họa phước. Chớ chẳng phải mu rùa có thể đem đều phước lại cho mình. Thế mà ông Tang

văn Trọng kính cẩn dường như thờ rùa để cầu phước. Thì sao được gọi là người trí?)

*

18. Ông Tử Trương, *đệ tử của đức Khổng* thưa *với ngài* rằng: "Ông Tử Văn ba lần được bổ đi làm quan lệnh doãn *(quan huyện) nước Sở,* nhưng không tỏ vẻ hân hoan; ba lần bị phế, nhưng không lộ sắc buồn giận. Ông đem việc chính trị trong địa hạt mình mà chỉ bảo cho quan lệnh doãn mới. Người như vậy thế nào?" Đức Khổng đáp: "Ấy là người có lòng trung *với nước* đó." - "Có thể gọi là nhân chăng?" - "Ta không biết. *Nhưng với lòng trung ấy,* sao được gọi là nhân?"

Ông Tử Trương lại thưa rằng: "Thôi Tử *làm quan đại phu nước Tề,* giết vua *mình là Tề Trang công.* Ông Trần văn Tử *cũng làm quan nước Tề,* có mười cổ xe bốn ngựa, *nhưng thấy sự phản nghịch của Thôi Tử,* bèn bỏ *sự phú quí* mà đi. *"*Quyền thần ở đây cũng chẳng khác nào quan đại phu Thôi Tử ở nước ta." Ông lại bỏ đi. Đến một nước nữa, ông cũng nói: *"*Quyền thần ở đây cũng chẳng khác nào quan đại phu Thôi Tử ở nước ta." Ông lại bỏ đi. Thưa thầy! người như vậy là thế nào?" Đức Khổng đáp: "Ấy là người có đức thanh khiết." – Có thể gọi là nhân chăng?" - Ta chưa biết. Nhưng, với đức thanh khiết ấy, sao được gọi là nhân?"

(Trong chương nầy, ở tiết bảy, đức Khổng tử chẳng nhận những đệ tử cao minh của ngài như Tử Lộ, Nhiễm Hữu, Tử Hoa là nhân. Huống chi với cái đức trung của ông Tử Văn, với cái đức thanh của ông Trần Văn tử mà ngài vội cho rằng hai ông ấy là nhân sao?)

*

19. Ông Quí Văn Tử hay suy đi nghĩ lại, tính tới xét lui nhiều lượt rồi mới chịu làm. Đức Khổng tử nghe được đều ấy, bèn nói rằng: "Hai lượt là được rồi."

(Ông Quí Vân tử tên Hành Phụ, làm quan đại phu nước Lỗ. Trước khi làm việc chi, ông đắn đo cân nhắc một cách lâu lắc rồi mới làm. Đức Khổng tử cho rằng người như vậy không quyết định. Theo ý ngài, có làm việc chi, mình nên suy nghĩ hai lần là được. Nếu xét nét nhiều quá thành ra dụ dự, nghi hoặc mà hư hỏng công việc.)

*

20. Đức Khổng tử khen rằng: "Khi trong nước yên ổn, ông Ninh Võ tử là người trí. Khi trong nước loạn lạc, ông biến thành người ngu. Chỗ trí của ông ấy, người ta còn theo kịp. Chớ chỗ ngu của ổng, không ai theo nổi."

(Ông Nink Võ tử họ Ninh, tên Du, làm quan đại phu nước Vệ. Theo truyện Xuân thu, ông thờ hai đời vua ở nước Vị: Vua Văn công và vua Thành công. Vua Văn công trị nước khéo léo, nơi nơi đều được an ninh trật tự, nên ông Võ tử vẫn làm quan như thường. Cái chỗ trí đó thì ai làm cũng được. Đến đời vua Thành công, vua cai trị vụng về cho đến đổi mất ngôi. Bấy giờ ông Võ tử tận tâm kiệt sức mà lo việc vua việc

nước, chẳng ngại nguy nan mà đi vận động. Đương thời, hạng trí thức đều cho ông là ngu muội. Việc người ta chẳng dám làm, ông đảm đương một cách khéo léo, bảo tồn được thân mình, mà lo tròn việc vua việc nước. Cái chỗ ngu của ông, tkật không ai theo kịp!)

*

21. Đức Khổng tử ở nước Trần, nói rằng: "Ta nên về chăng? Ta nên về chăng? Những hàng môn sanh của ta ở nước Lỗ là những trang cuồng sĩ, *tức là những người có chí khí cao*, họ lại là những kẻ giản lược, *không câu nệ tiểu tiết*; lại nữa, họ là những người rõ ràng có văn thể. Nhưng họ chẳng biết sửa mình *theo Đạo Trung dung."*

(Đức Khổng đi khắp các nước mà truyền Đạo, nhưng thấy người ta chẳng thực hành theo Đạo ngài, nên ngài chán mà định trở về nước Lỗ. Ở đó, tuy hàng môn đệ của ngài chưa tấn tới mức Trung dung, nhưng họ có chí cao thượng, có nết giản ước, có hạnh nghiêm trang, vậy ngài có thể kềm dạy họ được. Cho nên ngài quyết bỏ nước Trần mà trở về với môn sanh mình.)

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: "Ông Bá Di, ông Thúc Tề không nhớ đến việc xấu đã qua của người ta, cho nên ít ai oán ghét hai ông ấy."

*

23. Đức Khổng tử nói rằng: "Ai bảo Vi sanh Cao là người ngay thẳng? Có người hỏi anh ta mà xin giấm. Anh ta bèn chạy xin bên nhà láng diềng đặng cho."

(Vị sanh Cao là người nước Lỗ. Đức Khổng tử chê cách làm ơn như vậy, bảo rằng đó không phải là nết của người chánh trực. Người ta xin mình, có thì cho, chẳng có thì thôi. Cần gì phải bưng bợ bằng cách xin chỗ khác mà cho?)

*

24. Đức Khổng tử nói rằng: "Trau chuốc lời nói, sửa dọn sắc diện, cung kính thái quá, *những cử chỉ ấy*, ông Tả khâu Minh lấy làm hổ thẹn; mà Khâu nầy cũng lấy làm hổ thẹn. Trong bụng oán ghét người, nhưng ngoài mặt giả đò làm bạn với người, *nết ấy* ông Tả khâu Minh lấy làm hổ thẹn; mà Khâu nầy cũng lấy làm hổ thẹn."

(Tả khâu Minh là một bực hiền nhơn thời xưa. Cũng như ông Tả khâu Minh, đức Khổng tử cho là bất lương, giả dối, sâu độc, sỉ ố, những kẻ ăn nói xảo quyệt, làm bộ làm tịch hoặc loè lẹt, những kẻ khiếp nhược hạ mình thái quá cùng là những kẻ oán người mà giả đò thân đặng tầm mưu phá hại).

*

25. Ông Nhan Uyên *(Nhan Hồi)* và ông Quí Lộ *(Tử Lộ)* hầu theo đức Khổng, ngài hỏi

rằng: “Sao chẳng nói ý chí của các ngươi cho ta nghe?”

Ông Tử Lộ thưa: “Tôi nguyện có xe mà đi, có ngựa mà cỡi, có áo lông chiên mịn mà mặc và để cho chúng bạn cùng hưởng những vật ấy với tôi; dẫu họ có xài đến hư nát, tôi cũng chẳng buồn.”

Ông Nhan Uyên nói rằng: “Chí nguyện của tôi là không khoe khoang những đều thiện của tôi và không tâng bốc công lao của tôi.”

Ông Tử Lộ bèn thưa rằng: “Tôi muốn được nghe chí nguyện của Thầy.”

Đức Khổng tử đáp: “Ta muốn cho người già cả đều được an vui, *khỏi cực khổ*; cho bằng hữu đem lòng tin cậy nơi ta; và ta muốn *đùm bọc,* bảo hộ những kẻ thiếu niên.”

*

26. Đức Khổng tử than rằng: “Thôi thì thôi! Ta chưa thấy người nào biết được đều lỗi của mình mà trong lòng tự trách, ăn năn!”

*

27. Đức Khổng tử nói rằng: “Trong một xóm mười nhà, ắt có người trung bậu, tín thật như Khâu này; nhưng chẳng có ai ham học như Khâu nầy vậy.”

(Đức Khổng có ý khuyên người ta nên mở mang sự học vấn của mình: nhờ học tập đạo lý mà người ta dự hàng Thánh hiền; chớ đã có sẵn những tánh tốt như trung hậu, tín thật mà chẳng luyện tập thêm thì trọn đời chẳng qua là kẻ quê mùa, thô kịch mà thôi.)

*

CHƯƠNG THỨ SÁU: UNG GIÃ

(Chương nầy có tất cả 28 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử nói rằng: "Trò Ung *(Trọng Cung)* có thể ngồi day mặt về hướng Nam." *(Có đủ tài đức mà làm một bực quốc trưởng.)*

Ông Trọng Cung bèn hỏi đức Khổng về ông Tử Tang bá tử. Ngài đáp rằng: "Người ấy cũng khá, vì có tánh giản dị." Ông Trọng Cung thưa rằng: "Tự mình ăn ở thì cung kính, nhưng trị dân thì thi hành những phép giản tiện, *không quá gắt với dân,* như vậy cũng là khá chăng? Còn như tự mình cư xử đã giản dị, mà trong phép trị dân lại xí xoá, dễ dàng nữa, như vậy chẳng là giản dị thái quá chớ gì?" Đức Khổng tử khen rằng: "Trò Ung nói phải đó."

(Đức quân tử đối với mình thì nghiêm trang kính cẩn, đối với người thì tỏ lượng khoan hồng, dân ắt cảm đức. Còn tự mình thì đơn sơ và trị dân thì dễ dãi, ắt dân chẳng kính, kẻ dưới chẳng siêng cần. Ông Tử Tang bá tử, người nước Lỗ, ở nhà không mặc áo, không đội mũ, cử chỉ ấy có lần bị đức Khổng chê là quá cẩu thả, trách rằng ông ấy muốn làm gương cho người ta ăn ở như bò, ngựa.)

*

2. Vua Ai công *nước Lỗ* hỏi đức Khổng tử rằng: "Trong hàng đệ tử của ngài, có những vị nào ham học tập đạo lý hơn hết?" Ngài đáp rằng: "Có. Nhan Hồi là người háo học. Trò ấy khi phải việc mà giận ai, thì không giận lây qua kẻ khác; rủi có lầm lỗi, chẳng hề tái phạm. Nhưng chẳng may, trò đã sớm thác. Hiện nay, chẳng có ai được như vậy, tôi chưa nghe nói ai là người háo học."

*

3. Đức Khổng tử làm quan Tư khấu (Tổng trưởng bộ Hình) nước Lỗ, phái ông Tử Hoa đi sứ nước Tề. Ông Nhiễm Dư, *bạn của Tử Hoa,* đến xin thóc cho mẹ Tử Hoa. Đức Khổng tử dạy: "Hãy cấp cho một hũ." *(Một hũ bằng 6 đấu 4 thăng, 10 thăng thành 1 đấu, một thăng vừa bằng một lít bây giờ.)* Nhiễm Dư xin thêm. Ngài dạy: "Hãy cấp cho một dũ." *(Một dũ = 16 đấu.)* Nhiễm Dư bèn tự lệnh cấp cho bà mẹ Tử Hoa năm bỉnh (1 *bỉnh = 80 đấu, 5 bỉnh = 400 đấu.)* – Đức Khổng tử quở rằng: "Trò Xích *(Tử Hoa)* đi sứ sang Tề, cỡi ngựa mập, mặc áo long chiên mịn. (*Ấy là người giàu.)* Ta từng nghe rằng: Người quân tử cứu giúp cho kẻ nghèo, chớ chẳng nối thêm cho kẻ giàu."

(Đức Khổng tử làm quan Tư khấu nước Lỗ, cất ông Nguyên Tư *là một vị đệ tử lên* làm quan tể cai quản việc gia thần. Ngài phát cho chín trăm học thóc. Nguyên Tư chẳng nhận *(có lẽ cho là số lượng rất hậu.)* Ngài dạy rằng: "Sao lại không nhận? Lấy để phân phát cho bà con quen biết nghèo trong làng trong xóm chẳng được sao?"

*

4. Đức Khổng tử nói về ông Trọng Cung rằng: "Con bò tơ, con của con bò lang, tuy sắc lông nó đỏ và sừng nó đều đặn, tốt đẹp, nhưng người ta hiềm vì mẹ nó (hoặc cha nó) lang, nên chẳng muốn dùng nó mà tế; nhưng thần sông núi đâu có bỏ mà chẳng hưởng."

(Đức Khổng nói ra lời thí dụ. Ngài thấy ông Trong Cung là người có tài đức, nhận rằng ông ấy xưng đáng lãnh trách nhiệm làm quan. Nhưng nhà cầm quyền vì thấy cha của ông chẳng lành, nên có ý chẳng muốn dùng ông. Ngài so sánh ông Trọng Cung với con bò tơ đỏ, có cặp sừng tốt, cha của ông ví như con bò mẹ (hoặc con bò cha) lang. Con bò lang thì người ta chẳng dùng mà tế thần, chớ con bò tơ đỏ thì thần sông núi đất đai rất thích. Cũng như thế, đành rằng cha ông Trọng Cung là người chẳng ra gì, chớ chính ông là người hiền tài, có thể giúp nước rất đắc lực, nếu chẳng dùng thì uổng lắm vậy.)

*

5. Đức Khổng tử nói rằng: "Trò Hồi trong ba tháng, lòng chẳng lìa khỏi đều nhân. Còn các đệ tử khác của ta kẻ thì giữ được một ngày, người thì giữ được một tháng là cùng."

*

6. Ông Quí Khương tử hỏi đức Khổng tử rằng: "Ông Trọng Do *(Tử Lộ)* có thể dự việc chính trị, *làm chức đại phu* chăng?" Đức Khổng đáp: "Do là người quả quyết, làm quan có khó gì?" Lại hỏi: "Ông Tứ *(Tử Cống)* có thể dự việc chính trị, *làm quan đại phu* chăng?" Đáp: "Tứ là người thông đạt sự lý, làm quan có khó gì?" Lại hỏi nữa: "Ông Cầu *(Nhiễm Hữu)* có thể dự việc chính trị, *làm chức đại phu* chăng?" Đức Khổng đáp: "Cầu là người có nhiều tài nghề, làm quan có khó gì?" *(Kẻ làm quan tùy tài đức mình mà thi thố cho dân nhờ, chớ chẳng buộc phải có đủ hết các tài các đức. Người có ăn học mà có chí quả quyết, có trí sáng suốt hoặc có tài nghề riêng, đều có thể đứng ra giúp nước được hết.)*

*

7. Họ Quí *nước Lỗ* sai người đến mời ông Mẫn tử Khiên ra làm quan tể ấp Phí. Ông Mẫn tử Khiên nói với sứ giả rằng: "Ông về dùng lối khéo léo mà nói việc từ tạ giùm tôi. Nếu còn sai ai đến triệu tôi nữa, ắt tôi sẽ lên miền sông Vấn mà ở."

(Mẫn tử Khiên là học trò cao đệ của đức Khổng, họ Mẫn, tên Tổn, tử Tử Khiên. - Phí là một thành phố riêng của họ Quí. - Sông Vấn ở về ranh giới nước Lỗ, ném về phương Bắc; phía bên kia sông là nước Tề. Vì thấy họ Quí tức Quí Khương tử là một nhà chuyên quyền, chẳng kể vua nước Lỗ và dùng ấp Phí mà chống cự với vua, nên ông Mẫn tử Khiên chẳng chịu làm quan tể cho họ Quí, e thất danh tiết của mình. Nếu

họ Quí còn nài ép thì ông đi ở ẩn.)

*

8. Ông Bá Ngưu mang bệnh. Đức Khổng tử đến thăm. Ngài đứng phía ngoài cữa sổ, cầm tay Bá Ngưu mà than rằng: "Trò sắp mất vậy. Chẳng qua mạng vận đó thôi! Than ôi! người như vậy mà mang bệnh như vậy! Người như vậy mà mang bệnh như vậy."

(Bá Ngưu là đệ tử của đức Khổng, họ Nhiễm, tên Canh, tự Bá Ngưu. Những nhà tiên nho cho rằng ông mắc bệnh cùi (lại). Theo phong tục, người mắc bệnh phải nằm gần cữa sổ phía Bắc. Khi có vua đến thăm, người nhà nên để người bệnh nằm gần cữa sổ day về hướng Nam. Như vậy đặng vua đến thăm cũng day mặt về hướng Nam. Người nhà ông Bá Ngưu muốn giữ lễ ấy đối với đức Khổng. Nhưng ngài chẳng dám nhận. Ngài chẳng vào nhà, đứng phía ngoài cữa sổ, cầm tay mà tỏ lời vĩnh quyết.)

*

9. Đức Khổng tử nói rằng: "Hiền thay cho trò Hồi! Người ở trong ngõ hẹp với một giỏ cơm, một bầu nước. Ở cảnh ấy, người ta không ai chịu ưu khổ cho nổi. Thế mà trò Hồi chẳng đổi chí vui thích của mình. Hiền thay cho trò Hồi!"

(Ông Nhan Hồi (Tử Uyên) thật là người có chí vì Đạo: mảng lo tu học nên quên sự nghèo cùng; thỏa thích về tinh thần mà bỏ về vật chất.)

*

10. Ông Nhiễm Cầu thưa với đức Khổng rằng: "Chẳng phải tôi không ham mộ Đạo của Thầy. Những tại sức tôi theo chẳng nổi." Đức Khổng đáp rằng: "Kẻ không đủ sức, đi được nửa đường thì bỏ. Còn ngươi chẳng phải không đủ sức, tại ngươi vạch sẵn mức đường, đến mức đó thì ngươi chẳng lướt tới nữa."

*

11. Đức Khổng tử khuyên ông Tử Hạ rằng: "Ngươi nên làm nhà nho quân tử; chớ làm nhà nho tiểu nhơn."

(Người học rộng mà có khí tiết, kêu là quân tử nho; người học rộng mà không liêm sỉ, kêu là tiểu nhơn nho. Người học đạo Thánh hiền mà ăn ở theo bậc Thánh hiền, kêu là quân tử nho; người học đạo Thánh hiền mà ăn ở theo phường phàm tục, kêu là tiểu nhơn nho.)

*

12. Ông Tử Du làm quan tể ấp Võ Thành *(một thành phố ở nước Lỗ)*. Đức Khổng tử hỏi rằng: "Ngươi có được những người cọng sự nào xứng đáng chăng?" Ông Tử Du đáp: "Có Đam đài Diệt Minh. Người ấy không đi đường tắt ngõ hẻm; và nếu chẳng phải việc công thì không hề đến nhà Yển nầy vậy."

(Bực quan chức minh chánh chẳng đi đường tắt ngả hậu, chẳng đến nhà một công chức khác mà cầu cạnh một việc gì.)

*

13. Đức Khổng tử khen rằng: "Ông Mạnh chi Phản chẳng khoe mình. Lúc binh thua mà chạy, thì ông ở lại sau. Khi vào cữa thành, ông giơ roi quất ngựa, vừa nói rằng: "Chẳng phải ta dạn dĩ gì mà dám ở lại sau, tại con ngựa ta chẳng lướt tới mà thôi."

(Ông Mạnh chi Phản làm đại phu nước Lỗ. Đến năm thứ mười một đời vua Ai công, biên giới phía Bắc nước Lỗ bị nước Tề xâm lấn. Binh Lỗ xông ra đương cự với binh Tề. Nhưng đánh thua, các tướng Lỗ đều đua nhau kéo binh chạy về kinh thành. Duy có ông Mạnh chi Phản vừa rút lui vừa chống cự với binh Tề, để cứu binh Lỗ. Ông thật là người có công. Khi ông vào thành, mọi người đều nhìn ông. Song ông khiêm nhượng, nói rằng tại con ngựa ông đi chậm, chứ chẳng phải ông gan dạ hơn mấy vị tướng khác.)

*

14. Đức Khổng tử than rằng: "Nếu chẳng có cái tài khẩu biện như quan chúc tên Đà cùng cái sắc đẹp như *công tử* Triều nước Tống, thì khó mà tránh khỏi người đời nay ghét bỏ."

(Ông Đà tự là Tử Ngư, làm quan đại phu giữ việc chúc tụng trong các cuộc lễ ở tôn miếu nước Vệ, vì vậy người ta gọi là Chúc Đà. Tống Triều là con trai vị vua Chư hầu nước Tống. Hai người ấy kẻ có tài chúc tụng, dua nịnh, người có sắc diện đẹp đẽ, nên người đời rất ưa, rất thích. Thiên hạ đời Xuân thu chỉ mộ những kẻ a dua chớ chẳng trọng mến những người chánh trực, chỉ ham sắc đẹp chớ chẳng trọng đức hạnh; vì vậy nên đức Khổng than đời!)

*

15. Đức Khổng tử nói rằng: "Có ai ra khỏi nhà mà chẳng do nơi cữa chăng? Thế mà tại sao không ai do nơi đạo mà làm?"

(Ai nấy đều biết rằng muốn ra khỏi nhà, cần phải đi qua cữa. Và họ vẫn do nơi cữa mà đi ra. Họ lại cũng biết rằng: muốn ăn ở hành động cho đúng cách, cần phải noi theo đạo lý. Thế mà họ chẳng chịu do nơi đạo đặng giữ mình và xử đời!)

*

16. Đức Khổng tử nói rằng: "Người nào chất phác thât thà thái quá mà kém phần văn vẻ, thì thành ra quê mùa thô kệch. Người nào văn vẻ trau chuốc thái quá mà kém phần chất phác, thì giống như vị quan chép sử. Có văn có chất bằng nhau mới nên người quân tử."

(Bực quân tử giữ được mức trung, hòa: bề trong thì thành thật, ngay thẳng; bề ngoài

thì đủ lễ nhượng, văn thể.)

*

17. Đức Khổng tử nói rằng: "Con người ta khi sanh ra, cái bẩm tánh vốn ngay thật. Nếu họ tà khúc mà sống được, đó là họ may mắn mà khỏi chết đó thôi."

*

18. Đức Khổng tử nói rằng: "Biết đạo chẳng bằng ưa đạo; ưa đạo chẳng bằng vui với đạo."

(Nhà đạo đức phải trải qua đủ ba thời kỳ: trước hoc đạo cho biết. Biết rồi thì ưa thích. Ưa thích suông thì chưa đủ. Cần phải vui vẻ mà hành đạo, tận tụy vì đạo, khổ nhọc vì đạo, mà trong bụng lúc nào cũng vui! Đó mới là nhà đạo đức chân chính.)

*

19. Đức Khổng tử nói rằng: "Từ người bực trung sắp lên, mới nên dạy đạo lý chỗ cao. Từ người bực trung trở xuống, chứ nên giảng giải đạo lý chỗ cao siêu."

(Dạy đạo cho đệ tử, đức Khổng tùy tư chất, tài năng của mỗi người. Đạo lý của ngài có hai khoa: 1. hình nhi hạ học (hiển giáo, exotérisme) để dạy người bực thấp đến bực vừa; 2. hình nhi thượng học (mật giáo, ésotérisme) để dạy người bực vừa đến bực cao, nhứt là để dạy bực mộ về Thiên lý.)

*

20. Ông Phàn Trì, *đệ tử của đức Khổng*, hỏi ngài về đức trí. Khổng tử đáp rằng: "Chuyên làm việc nghĩa giúp người; kính trọng quỉ thần, nhưng không hay gần, *tức là không ưa cầu thỉnh vái van quỉ thần*; như vậy có thể gọi là trí."

Phàn Trì lại hỏi về đức nhân. Ngài đáp: "Người nhân trước phải làm những việc khó; sau thì thâu hoạch cuộc thành tựu của mình; như vậy mới có thể gọi là nhân."

*

21. Đức Khổng tử nói rằng: "Người trí ưa nước; người nhân ưa núi. Người trí hay lưu động (*như nước lưu thông);* người nhân hay yên tĩnh *(như núi đứng vững một chỗ*). Bởi vậy cho nên người trí thường được vui sướng; còn người nhân thì hay sống lâu."

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu nước Tề *đã sẵn hùng cường, biến* cải lên một bực nữa, thì bằng trình độ nước Lỗ. Nếu nước Lỗ *đã sẵn lễ kính, biến* cải lên một bực nữa, thì đến mức Đạo đức của Thánh hiền."

(Bực quân tử cầm vận mạng của nước nhà, hay quan sát mà làm cho nước mình được tấn bộ. Nếu nước mình nhược tiểu thì đưa lên địa vị hùng cường. Nước được hùng cường thì đưa lên mức lễ giáo, văn hóa. Nước được lễ giáo văn hóa thì nên đưa lên

đến mức Đạo đức.)

*

23. Đức Khổng tử nói rằng: "Cái bình đựng rượu có khía, có gốc kêu là "cô". Ngày nay, người ta xài cái bình rượu chẳng có khía, chẳng có gốc, thế mà cũng gọi là "cô" sao?"

(Đó là ngài thấy trong đời nhiều việc hữu danh vô thật, nên cảm động mà thở than. Giả như làm con thì phải có hiếu với cha, làm tôi thì phải hết lòng với nước; nay những kẻ làm con bất hiếu, làm thần bất trung, thì đâu có đáng gọi là con, là tôi?)

*

24. Ông Tể Ngã hỏi đức Khổng rằng: "Như có người đến báo với nhà nhân đức rằng: Có kẻ té xuống giếng. Nhà nhân đức có nhảy xuống giếng mà cứu chăng?" Đức Khổng đáp: "Sao lại vậy? Người quân tử nên đến đó mà tầm cách cứu, chớ chẳng nên nhảy xuống giếng mà hại thân mạng mình. Người quân tử có thể bị gạt bỡi những lời nói có lý, chớ chẳng bị mê hoặc bằng những lẽ vô lối, ám độn."

*

25. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử *trước* học văn chương *(như Kinh Thi, Kinh Thơ)* đặng mở *rộng* trí thức mình; *kế đó,* người nương theo lễ giáo mà kềm giữ lấy nết mình; nhờ vậy mà khỏi trái đạo lý."

*

26. Khổng tử viếng nàng Nam tử. Ông Tử Lộ chẳng bằng lòng. Ngài bèn thề rằng: "Nếu ta có làm đều gì chẳng phải thì Trời hại ta! Trời hại ta!"

(Nam tử, vợ vua Linh Công nước Vệ, là người đàn bà có nết dâm. Đức Khổng tử đến nước Vệ, nàng Nam tử thỉnh ngài vào viếng mình. Ngài đã từ tạ, song chẳng được. Cực chẳng đã, ngài mới vào viếng nàng. Ấy là theo phong tục nước ấy từ xưa, ai lên làm quan, phải đến ra mắt vợ vua. Vì Tử Lộ chưa biết tục lệ nước ấy, nên cho rằng đức Khổng viếng nàng Nam tử là đều chẳng phải.)

*

27. Đức Khổng tử nói rằng: "Trung dung là cái đức bạnh tốt cực điểm. Nhưng tiếc rằng lâu nay ít người đạt tới mức ấy."

*

28. Ông Tử Cống hỏi đức Khổng tử rằng: "Ví như có người thi ân bố đức cho khắp cả dân gian, lại hay cứu tế cho đại chúng, thì nên nghĩ cho người ấy ra thế nào? Có nên gọi là người nhân chăng?" Đức Khổng tử đáp: "Sao chỉ gọi là người nhân thôi? Ắt gọi là bực Thánh mới xứng. Vua Nghiêu, vua Thuấn cũng khó mà làm xong

những việc ấy. Nầy, người nhân hễ muốn tự lập lấy mình thì cũng lo mà thành lập cho người; hễ muốn cho mình thông đạt thì cũng lo làm cho người được thông đạt; hễ xử với mình thế nào thì cũng xử với người chung quanh mình thế ấy. Đó là những phương pháp phải thi hành để trở nên người nhân đức vậy.”

*

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN TƯ

CHƯƠNG THỨ BẢY: THUẬT NHI

(Chương nầy có tất cả 37 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử nói rằng: "Ta đem kinh sách của Thánh hiền *(Tức như Lục kinh: Thi, Thơ, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân thu)* mà truyền lại cho đời sau, chớ ta chẳng có làm ra. Ta tin tưởng và ham mộ đạo lý người xưa. Ta trộm ví ta với ông Lão Bành của chúng ta."

(Lão Bành: Ông họ Tiền, tên Kiên, làm quan đại phu xứ Đại Bành và sống đến bảy trăm tuổi. Vì vậy nên người ta gọi ông là Lão Bành hay Bành Tổ.)

*

2. Đức Khổng tử nói rằng: "Trầm mặc suy nghĩ đạo lý đặng ghi nhớ trong lòng, học đạo mà không biết buồn chán, dạy người mà không biết mệt mỏi; ba cái đức ấy có đủ nơi ta chăng?"

*

3. Đức Khổng tử nói rằng: "Đức hạnh chẳng trau giồi, học vấn chẳng giảng cứu cho tinh tường, nghe biết đều nghĩa mà chẳng làm theo, tự mình có đều chẳng phải mà không hay sửa đổi, đó là những việc mà ta lấy làm lo vậy."

*

4. Đức Khổng tử lúc nhàn cư thì cốt cách ngài thơ thái, sắc diện ngài hòa vui.

(Đó là lời chư môn đệ nói về cái hạnh của ngài lúc bình thuờng ở tại nhà.)

*

5. Đức Khổng tử than rằng: "Ta đã suy lắm rồi! Đã lâu rồi, ta chẳng còn nằm mộng thấy ông Châu Công."

(Ông Châu công, con vua Văn vương, em vua Võ vương. Khi vua Võ vương diệt Trụ mà dựng nhà Châu, ông Châu công giúp anh mình trong việc cai trị, định chế độ lễ nhạc và đặt ra nghi thức các việc quan, hôn, tang, tế. Hồi đương thạnh thời, đức Khổng có chí muốn làm theo nghi pháp ông Châu công, vì chỗ chí khí tương đồng ấy, ngài thường thấy ông Châu công trong giấc chiêm bao. Đến lúc già, ngài chẳng còn chí hướng ấy nữa, nên ngài chẳng còn mộng thấy ông Châu công. Vì vậy nên ngài than thở bằng mấy lời trên.)

*

6. Đức Khổng tử nói rằng: "Nên để tâm chí về đường đạo lý; nên giữ gìn đức hạnh; nên nương theo đều nhân; còn có chơi thì nên chơi theo lục nghệ (*lễ, nhạc, xạ (bắn), ngự (đánh xe), thơ (viết chữ), số (toán pháp)"*

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ nào xin nhập môn, tự mình làm lễ dâng lên một thúc *(mười chiếc)* nem; thì chẳng bao giờ ta *chê lễ mọn mà* chẳng dạy."

(Ngày xưa, ai muốn đi học, nên sắm lễ mà dâng lên thầy. Lễ bạc hơn hết là một thúc nem, tức là mười chiếc nem. Đức Khổng lúc nào cũng vui lòng thâu nhận đệ tử, miễn ai biết giữ lễ thì ngài cho vào học, chẳng cần lễ hậu hay lễ bạc.)

*

8. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ nào chẳng phấn phát lên để hiểu thông, thì ta chẳng giúp cho hiểu thông được. Kẻ nào chẳng rán lên để tỏ ý kiến mình, thì ta chẳng khai phát cho được. Kẻ nào đã biết rõ một góc, nhưng chẳng chịu căn cứ vào đó để biết luôn ba góc kia, thì ta chẳng dạy kẻ ấy nữa."

(Trong việc học, kẻ đệ tử phải rán sức mà hiểu biết, biện bạch, dò xét; chớ ông thầy chẳng tài gì làm cho mình thông đạt trong khi mình không cần mẫn.)

*

9. Đức Khổng tử ăn tại nhà người có tang thì ngài *buồn thảm mà* ăn chẳng no.

Hôm nào ngài đi điếu khóc, thì hôm ấy ngài *thương xót mà* chẳng đờn ca.

*

10. Đức Khổng tử nói với ông Nhan Uyên rằng: "Nếu người ta dùng mình làm quan, thì mình đem Đạo lý ra mà thi hành; bằng chẳng dùng mình, thì mình ở ẩn với Đạo lý. Chỉ có ta với ngươi là được như vậy mà thôi."

(Ông Nhan Uyên (Nhan Hồi) từng được đức Khổng khen là vị đệ tử có trí thức hơn hết, hiền đức hơn hết, nhân hậu hơn hết, một lòng vì Đạo, cho nên đức Khổng mới thốt ra mấy lời trên. Tức là bực quân tử, phải lúc thì ra làm quan để hành Đạo; chẳng phải lúc thì ẩn dật mà tu thân. Như vậy, Đạo đức của mình càng ngày càng cao.)

Ông Tử Lộ hỏi rằng: "Như Thầy đem ba quân ra trận, thầy sẽ chọn ai theo giúp Thầy?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Như kẻ tay không mà bắt hổ, chơn không mà lội qua sông cái, chết không biết tiếc thân, ta chẳng để cho kẻ ấy theo giúp ta. Ta chọn kẻ vào việc mà biết lo sợ dè dặt, biết mưu tính cho đặng thành công."

(Ngày xưa, một quân là 12.500 binh. Ba quân có 37.500 binh Một nước lớn mới có ba quân. Đức Khổng tử có ý chê cái dõng về khí huyết của ông Tử Lộ. Nếu người ta ỷ

mình có sức mạnh mà không biết phòng bị, không sắp đặt công việc trước khi lâm trận, thì chẳng những công việc thất bại, mà chính mình cũng bị hại. Bực quân tử nên có đủ Tam đức: Trí, Nhân, Dõng.

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu muốn làm giàu mà được, dẫu cho làm kẻ cầm roi đánh xe hầu người, ta cũng làm. Còn như muốn mà chẳng được, thì ta cứ theo chí thích của ta."

(Đó là đức Khổng muốn nói rằng giàu nghèo đều do nơi số mạng, chớ chẳng phải hễ ai muốn giàu thì được giàu. Giàu có, sang trọng ai lại không muốn? Nếu muốn mà được, dẫu làm nghề hạ tiện là nghề đánh xe, ngài cũng không từ. Còn muốn mà chẳng được, nên đuổi theo chí thích, theo đường đạo lý tốt hơn.)

*

12. Có ba việc mà đức Khổng thận trọng hơn hết: trai giới, chiến tranh và bệnh tật.

(Đó là lời chư môn đệ thuật lại. Ngài giữ gìn trai giới tinh nghiêm để cúng tế thần minh, vì ngài nhận có thần minh ở quanh theo mình. Ngài rất dè dặt trong cuộc chiến tranh, mưu tính cho được thành công mà cứu dân cứu nước. Ngài cũng cẩn thận không để vướng bệnh, rủi có mang bệnh thì ngài lo điều trị một cách sốt sắng.)

*

13. Đức Khổng tử ở tại nước Tề mà nghe nhạc Thiều. Trong ba tháng ngài nghiên cứu nhạc ấy, ngài thích cho đến đỗi chằng biết mùi thịt. Ngài khen rằng: "Ta không ngờ vua Thuấn làm ra nhạc ấy được *tận thiện tận mỹ* đến thế!"

*

14. Ông Nhiễm Hữu hỏi ông Tử Cống rằng: "Thầy ta giúp vua nước Vệ chăng?" Tử Cống đáp: "Vâng, để tôi đi hỏi." Bèn bước vào, thưa rằng: "Bá Di, Thúc Tề là người thế nào?" Đức Khổng đáp: "Là người hiền đời xưa." - "Hai ông ấy có ý oán trách *vì mình chẳng được làm vua chăng*?" - "Cầu đều nhân, được đều nhân, còn oán trách gì nữa?" Tử Cống trở ra, nói với Nhiễm Hữu rằng: "Thầy ta chẳng giúp vua nước Vệ."

(Lúc ấy đức Khổng ở nước Vệ. Ông Nhiễm Hữu nghi rằng Thầy mình có ý giúp vua nước Vệ là Triếp. Số là trước đây, vua Linh công nước Vệ trục xuất con trai mình là thế tử Khoái Quí. Chừng vua Linh công thác, đình thần lập Triếp là con của Khoái Quí lên ngôi. Khoái Quí đương ở nước Tấn, người nước Tấn bèn đưa Khoái Quí về Vệ và ủng hộ Khoái Quí. Triếp bèn cất binh đánh cha. - Ông Tử Cống hỏi xa để dọ ý đức Khổng về hạnh hai Ông Bá Di và Thúc Tề. Nếu ngài hoan nghênh hai ông ấy, tức là ngài không có ý giúp vua Triếp là người vì ngôi vua mà gây chiến tranh chống cha. - Ông Bá Di, ông Thúc Tề là hai người con của vua nước Cô trúc: Bá Di là con

trưởng, Thúc Tề là con thứ ba, con Út. Vua sắp chết, ra di mạng lập con út là Thúc Tề. Vua thác rồi, Thúc Tề chẳng chịu lên ngôi, nhường cho anh cả là Bá Di. Ông Bá Di từ đi, nói rằng: "Lệnh cha đã truyền lập em ta." Rồi ông Bá Di bỏ đi xứ khác, ông Thúc Tề cũng bỏ đi. Sau khi ấy, đình thần tôn người con giữa của vua nước Cô trúc lên ngôi.)

*

15. Đức Khổng tử nói rằng: "Ăn cơm thô, uống nước lã, co cánh tay mà gối đầu, ở trong cảnh *đơn bạc như vậy*, nhà đạo đức cũng lấy làm vui. Chớ do nơi những cuộc hành vi bất nghĩa mà trở nên giàu có và sang trọng, thì ta coi cảnh ấy như mây nổi."

(Mây nổi (phù vân) là chòm mây tựu nơi không trung, chẳng mấy chút mà tan rã. Kẻ giàu có, sang trọng mà chẳng có đạo nghĩa, thì hưởng chẳng bền.)

*

16. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu Trời cho ta sống thêm ít tuổi nữa đặng ta học xong đạo Dịch, thì ta có thể không phạm lỗi lớn nữa."

(Dịch là đạo lý vận chuyển trong trời đất, làm cho vạn vật từ lớn chí nhỏ đều biến hóa; người học Dịch thì biết trước các việc kiết hung họa phước. Do nơi sự học Dịch, đức Khổng soạn kinh Dịch là một bộ trong Lục kinh (Ngũ Kinh). Đức Khổng đã già, ngài ước được sống thêm để học đạo Dịch, nhưng ngài khiêm tốn, nói là để khỏi phạm lỗi lớn. Học Dịch cho thông thì biết rõ Mệnh Trời, đâu có dám phạm tội, ở sái Mạng Trời? Đó là bực Thánh rồi vậy.)

*

17. Đức Khổng tử thường hay giảng luận về kinh Thi, kinh Thơ và kinh Lễ dạy giữ phép tắc. Đó là ba thứ kinh mà ngài thường hay giảng luận."

(Kinh Thi rất có công hiệu để giúp cho nhà học giả suy xét mà mở thông trí đức. - Kinh Thơ dạy việc trị quốc, dạy rất minh bạch. - Kinh Lễ dạy người ở đời cho có qui củ.)

*

28. Ông Diệp công hỏi ông Tử Lộ: đức Khổng tử là người thế nào? Tử Lộ chẳng đáp. Hay được, đức Khổng nói với Tử Lộ rằng: "Sao ngươi không đáp như vầy: ấy là người phấn phát *mà suy gẫm đạo lý* cho đến quên ăn; *khi được đạo lý thì* vui sướng cho đến quên các nỗi lo buồn; *và mảng chuyên tâm về Đạo cho đến* chẳng hay cái già nó sắp đến cho mình?"

(Diệp công là vị tướng công cai trị huyện Diệp, nước Sở. Ông tên là Trầm chư Lương, tự là Tử Cao. Người ta kêu tâng ông là Diệp Công. - Đức Khổng là người trọn đời học Đạo và hành Đạo. Ngài tận tụy vì Đạo cho đến lắm khi quên ăn, quên lo

và quên già.)

*

19. Đức Khổng tử nói rằng: "Chẳng phải ta sanh ra là tự nhiên hiểu biết Đạo lý. Thật ta là người ham mộ Kinh thơ của Thánh hiền đời xưa, cho nên ta cố gắng mà tầm học Đạo lý."

(Người đương thời và chư đệ tử đều xưng ngài là Thánh, nhưng đức Khổng tự khiêm, có ý nói rằng: Ta chưa phải là Thánh, vì ta còn phải học hỏi. - Nhưng hẳn ngài là Thánh, vì dẫu cho chẳng học, ngài cũng chẳng hề lỗi đạo làm người, trọn đời ngài ở đúng theo Ngũ luân (đạo vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bậu bạn) và Ngũ thường (Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín). Còn như về văn chương, sử ký, địa dư, toán pháp, âm nhạc cùng là nghiệp võ thì dẫu Thánh hay phàm cũng đều phải học mới biết. Song Thánh hiền thì học mau, phàm phu thì học chậm.)

*

20. Đức Khổng tử không giảng luận về bốn việc nầy: quái dị, dõng lực, phản loạn, quỉ thần.

(Bàn việc quái dị, ắt làm cho người ta bỏ lẽ thường. Nói việc dõng lực, tức xúi người ta gây gỗ tranh đấu. Luận việc phản loạn, thì khiến người sanh tâm bội nghịch. Đàm luận việc quỉ thần, việc huyền bí, ắt làm cho người mê hoặc.)

*

21. Đức Khổng tử nói rằng: "Trong ba người đi đường, mình với hai người nữa, ắt có người là thầy của mình. Mình chọn đều lành đều phải của người nầy đặng làm theo; mình xét đều dữ đều quấy của người kia đặng sửa đổi lấy mình."

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: "Trời sanh ta vốn người có đức; Hoàn Khôi làm gì được ta?"

(Đức Khổng đến nước Tống, giảng lễ với chư đệ tử dưới một cây đại thọ. Quan tư mã (tổng trưởng bộ binh) nước Tống là Hoàn Khôi ghét ngài, bèn sai người đốn cây đại thọ. Bọn đệ tử lấy làm sợ sệt và lo cho ngài. Nhưng ngài tin ở Trời, vì biết rằng Trời chở che, đùm bọc người có đức, thì Hoàn Khôi chẳng dám nghịch Mạng Trời mà hãm hại ngài.)

*

23. Đức Khổng tử nói rằng: "Các trò ngỡ rằng ta có đều giấu giếm với các trò sao? Không, ta chẳng có giấu giếm đều chi hết. Ta chẳng có làm đều chi mà chẳng cho các trò hay. Khâu nầy là vậy đó."

(Có ít vị đệ tử nghi rằng đức Khổng giấu đạo mà chẳng truyền. Ngài chẳng hề có lòng hẹp hòi ấy. Theo ý của kẻ dịch giả nầy, đức Khổng tùy theo căn tánh của mỗi vị đệ tử mà giảng lý truyền đạo: với người sơ cơ và với người vừa vừa, ngài dạy cho phép sửa mình để trở nên người xứng đáng, đó là khoa **Hình nhi hạ học.** *Với người thuần thục, mộ lý cao siêu, thì ngài giảng cho nghe phép tinh vi, đó là khoa* **Hình nhi thượng học.** *Vì vậy mà mấy người nóng nảy muốn biết ngỡ rằng ngài giấu đạo lý.)*

*

25. Đức Khổng tử dạy chư môn đệ về bốn khoa nầy: văn chương lục nghệ, nết na đức hạnh, trung trực hết tình và tín thật chẳng ngoa.

*

25. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực Thánh nhơn thì ta không được thấy; nhưng nếu thấy được bực quân tử, như vậy cũng khá rồi. Bực thiện nhơn thì ta không được thấy; nhưng nếu thấy được bực hữu hằng, như vậy cũng khá rồi. Kẻ nào tự mình không có mà xưng rằng có, tự mình trống lổng mà xưng rằng đầy đủ, tự mình tằn tiện mà xưng rằng rộng rãi, kẻ ấy không đáng gọi là bực hữu hằng."

(**Thánh nhơn** *là hạng người hoàn toàn, dứt lầm lỗi, rõ thông Thiên lý;* **thiện nhơn** *là hạng người không làm ác, đầy lòng nhân. Hai hạng ttgười ấy chẳng có ở đời, cho nên đức Khổng chẳng thấy. Kém hơn hai hạng trên, có hạng* **quân tử** *là bực có tài có đức, cố học đạo Thánh và hạng* **hữu hằng** *là bực bền chí theo đường lành. Nhưng muốn theo đường lành, trước hết nên thành thật với mình, chớ đừng có khoe khoang những tài đức mà mình chẳng có.)*

*

26. Đức Khổng tử chỉ câu cá mà thôi, chớ ngài chẳng đánh lưới. Ngài chỉ bắn con chim đương bay nhảy, chớ ngài chẳng bắn con chim đương ngủ.

(Vì lòng nhân, ngài chẳng nỡ dùng chài lưới mà bắt hết cá và chẳng đành bắn con chim chẳng có cách tự vệ. Song câu cá và bắn chim là sự giải trí thỉnh thoảng lúc tuổi trẻ mà thôi.)

*

27. Đức Khổng tử nói rằng: "Có những kẻ không biết mà cũng làm càn; ta không phải như họ vậy. Sau khi nghe nhiều, ta chọn những đều phải mà theo; sau khi thấy nhiều, ta ghi nhớ lấy *những đều ta chú ý*. Nhờ vậy ta trở nên bực thứ tri."

(Thứ tri: Bực biết hạng nhì, đối với Thánh là bực hiểu biết tự nhiên. Bực thứ tri thông hiểu đạo lý, thi hành trúng phép, nhờ nghe nhiều, thầy rộng.)

*

28. Người làng Hỗ hương *có tiếng là ác nghịch,* khó mà giảng đều lành lẽ phải cho

họ nghe. Có một chàng trai trẻ làng ấy đến yết kiến *đức Khổng để xin vào học;* chư môn nhơn lấy làm nghi hoặc về chàng. Đức Khổng tử bèn dạy rằng: "Người ta có lòng tinh khiết mà đến với mình, thì mình vì lòng tinh khiết ấy mà thâu nhận người, chớ mình không bảo lãnh những việc đã qua của người. *Lại nữa, ngày nay* người ta đến với mình thì mình thâu nhận, chớ mình chẳng bảo đảm người khi người thôi ra. Chỉ có thế thôi, cần gì phải nghiêm khắc thái quá?"

*

29. Đức Khổng tử nói rằng: "Đều nhân có phải ở xa ta chăng? Nếu ta muốn đều nhân, thì đều nhân ấy đến liền nơi ta vậy."

(Cái bổn tánh, bổn tâm của mỗi người vốn là nhân, là đạo rồi (xem lại chương 1, sách Trung Dung). Nhưng vì con người quen theo thói đời, mê vật dục, ngỡ rằng mình còn phải tu tập lâu dài mới đến mức nhân.)

*

30. Quan tư bại *(tổng trưởng bộ hình)* nước Trần hỏi đức Khổng tử rằng: "Vua Chiêu công *(nước Lỗ)* biết lễ chăng?" Ngài đáp: "Biết lễ." Đức Khổng tử lui vào. Quan tư bại chắp tay xá ông Vu mã Kỳ *là đệ tử của đức Khổng*, đến trước mặt ông ấy và nói rằng: "Tôi nghe rằng quân tử chẳng có thiên vị, té ra nay quân tử cũng thiên vị sao? *Số là* vua *nước Lỗ* cưới gái nước Ngô một họ với mình, bèn kêu trại ra là bà Mạnh tử nước Ngô. Vua nước Lỗ mà biết lễ thì còn ai chẳng biết lễ?" Ông Vu mã Kỳ đem những lời ấy thuật lại với đức Khổng. Ngài nói rằng: "Ta may mắn lắm; nếu ta có lỗi ắt mỗi người đều biết."

(Theo lễ, người một họ không được cưới gả nhau. Mà vua Chiêu công nước Lỗ cưới gái nước Ngô đồng họ, vậy là vua trái lễ. Đức Khổng vẫn biết như vậy, nhưng ngài không nỡ khai lỗi vua nước mình.

Đến khi quan tư bại nước Trần chê sự thất lễ của vua nước Lỗ thì đức Khổng chẳng cãi mà cùng chẳng bênh, ngài chỉ cảnh tỉnh lấy mình: "May cho ta chẳng sái lễ; nếu ta lỗi lầm thì thiên hạ sẽ chê cười!"

*

31. Đức Khổng tử cùng ca hát với người, mà nghe người ta ca hay thì ngài khiến ca trở lại, rồi ngài phụ họa theo.

(Đó là cái tính tiêm tất của ngài. Muốn khảo cứu một môn học nào, quyết tới chỗ châu đáo mới nghe.)

*

32. Đức Khổng tử nói rằng: "Về văn chương học thuật, hoặc giả ta cũng bằng người; nhưng về đạo quân tử, thì ta chưa thi hành cho trọn được."

(Đó là ngài vừa nói khiêm mà cũng vừa nói thật. Vì trong đạo quân tử có hai phần: phần học và phần tu. Chính phần tu thân hành đạo, như giữ cho được mức Trung dung mới khó. Chớ về chữ nghĩa và lục nghệ thì nhiều người làu thông.)

*

33. Đức Khổng tử nói rằng: "Như làm bực Thánh và bực Nhân thì ta há dám? Nhưng làm mà không chán, dạy người mà không mỏi, ta chỉ có thể gọi được như vậy mà thôi." Ông Công tây Hoa nói rằng: "Chính hai việc đó mà bọn đệ tử chúng tôi chẳng học tập bằng Thầy."

(Bực Thánh có đủ trí huệ học thức, bèn đứng ra dạy người. Bực Nhân hay Thiện nhơn có đủ lòng lành, bèn đứng ra mà thi ân bố đức cho đời. Đức Khổng vẫn dạy người và giúp đời, nhưng khi người ta gọi ngài là bực Thánh và bực Nhân, thì ngài khiêm tốn chẳng nhận.)

*

34. Đức Khổng tử mang bệnh nặng. Ông Tử Lộ thỉnh ngài làm lễ cầu đảo. Ngài hỏi rằng: "Có lệ ấy chăng?" Ông Tử Lộ đáp rằng: "Có. Trong sách Lụy *(sách chép các bài văn tế hồi đời vua Văn vương nhà Châu)*, có câu nầy: chúng tôi cầu đảo với trên Trời và dưới Đất, Thiên thần và Địa kỳ." Đức Khổng tử bèn nói: "Ta đây cầu đảo đã lâu rồi."

(Tuy ở trong cơn bệnh nặng, đức Khổng vẫn giữ tâm trí sáng suốt, ngài không mê tín. Thế thường, con người ta cả đời bôn ba theo danh lợi, chẳng kể đạo đức; đến khi đau nặng, sắp chết thì cầu khẩn với thần minh: quyết ăn năn sám hối để các ngài hộ niệm. Còn đức Khổng thì trọn đời vẫn theo đạo đức: ăn năn đều lỗi và làm thêm đều lành. Như vậy hạp với thần minh: tức là ngài đã từng cầu đảo rồi. Cho nên dẫu ngài chẳng làm lễ cầu đảo mà thần minh cũng gia hộ.)

*

35. Đức Khổng tử nói rằng: "Thói xa xỉ làm cho con người trở nên phách lối, chẳng tốn thuận. Thói kiệm ước làm cho con người trở nên cố lậu. Thà chịu tiếng cố lậu còn hơn là mang tiếng chẳng tốn thuận."

*

36. Đức Khổng từ nói rằng: "Bực quân tử thì thản nhiên, lồng lộng; còn kẻ tiểu nhơn thường hay lo lắng, ưu sầu."

(Bực quân tử ở thuận theo lẽ Trời, chẳng có lòng tư dục cho nên tâm ý và sắc diện thường hay an nhiên, thơ thái. Kẻ tiểu nhơn vì tham vọng làm càn, ích kỷ hại nhơn, cho nên lúc nào cũng lo lắng, phiền hận, buồn rầu.)

39. Đức Khổng tử có vẻ ôn hòa mà nghiêm trang, oai vệ mà không bạo tợn, cung kính mà an nhàn.

CHƯƠNG THỨ TÁM: THÁI BÁ

(Chương này có tất cả 21 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử nói rằng: "Ông Thái Bá thật đáng gọi là bực có chí đức đó. Ông đã quyết định nhường thiên hạ, xử sự một cách kín nhẹm chẳng để cho dân xưng tụng công đức mình."

(Thuở xưa, vua Thái vương nhà Châu còn làm một vị vua chư hầu tước công, ngài có ba người con trai: con trưởng là Thái Bá, con thứ hai là Trọng Ung và con thứ ba là Quí Lịch. Ông Quí Lịch sanh ra một trai tên Xương tức là vua Văn vương. Vua Thái vương biết rằng ông Văn vương có đức chí cực của bực Thánh đế, ngài muốn truyền ngôi cho con trai thứ ba là Quí Lịch đặng cho Quí Lịch truyền cho Văn vương. Ông Thái Bá biết ý cha, bèn rủ em thứ hai là Trọng Ung mượn tiếng đi hái thuốc mà ra khỏi nước. Hai người bèn đến ở miền Bắc, xứ Kinh man. Trong khi ấy, ông Thái vương truyền ngôi cho con thứ ba là Quí Lịch. Ông Quí Lịch truyền cho con là Văn vương. Ông Văn vương truyền cho con là Võ vương. Vua nầy diệt vua Trụ nhà Thương mà dựng thiên hạ nhà Châu, tức là từ tước ***công*** *mà lên địa vị* ***Thiên tử.*** *Vì vậy cho nên đức Khổng mới nói: ông Thái Bá nhường* ***thiên hạ.*** *Chớ lúc đương thời thì chỉ nhường* ***quốc*** *mà thôi.)*

*

2. Đức Khổng tử nói rằng: "Cung kính quá lễ thành ra lao nhọc thân hình; cẩn thận quá lễ thành ra nhát gan; dõng cảm quá lễ thành ra loạn nghịch; ngay thẳng quá lễ thành ra gắt gỏng, cấp bách."

(Lễ tiết là qui, củ, chuẩn, thằng của con người. Không nên khiếm khuyết, cũng chẳng nên thái quá. Nhưng các tánh tốt, như: cung, thận, dõng, trực mà chẳng trúng lễ tiết, đều thành ra những tật xấu.)

*

3. Đức quân tử ở ngôi trên nếu giữ trọn bề đối với cha mẹ bà con, thì ở dưới dân chúng sẽ cảm động mà phát khởi lòng nhân ái; nếu mình chẳng bỏ bạn bè xưa, bộ hạ cũ, thì dân chúng sẽ bắt chước mình, chẳng ăn ở bạc bẻo.

(Đó là lời của ông Tăng tử. Nhà cầm quyền muốn cho bá tánh giữ đạo nghĩa thì tự mình nên làm gương trước.)

*

4. Ông Tăng tử phải bệnh nặng, sắp chết, bèn cho vời các đệ tử của ông đến và dạy rằng: "Hãy dỡ tay ta ra xem. Hãy dở chơn ta ra xem (Đó là ta giữ gìn toàn vẹn cái thân thể do cha mẹ sanh ra). - Trong kinh Thi có nói rằng: "Phải nơm nớp, chăm

chăm như đi xuống vực sâu, như đi trên giá (nước đặc) mỏng." (Cũng như thế, trọn đời ta, ta bảo tồn chân thân ta một cách dè dặt, cẩn thận.) Từ đây về sau, ra mới biết rằng ta giữ được thân ta khỏi các đều hư hỏng, tàn tật, đó các trò!"

(Làm con có hiếu, như cha mẹ sanh mình ra đủ cả tay chơn thân thể, thì khi mình thác cũng nên giữ toàn vẹn thân hình. Cho nên trọn đời, khá giữ thân hành đạo, đừng phạm tội lỗi để cho thân thể hư hoại mà làm nhục cho cha mẹ tông môn.)

*

5. Ông Tăng tử bệnh nặng, sắp chết. Ông Mạnh Kính tử đến viếng. Tăng tử bảo rằng: "Con chim sắp chết, kêu lên tiếng bi ai; con người sắp chết, nói ra lời hiền lành. Bực quân tử ở ngôi trên, quí trọng đạo đức có ba đều:

1. cử chỉ dung mạo nên tránh lối bạo ngược, khinh lờn;

2. dáng mặt nên sửa cho thành tín ngay thật;

3. lời nói ra nên tránh lối thô bỉ, bội nghịch.

Còn về việc sắp đặt đồ đựng các món cúng tế, thì có quan hữu tư chăm nom, mình khỏi phải quan tâm."

(Mạnh Kính tử làm quan đại phu nước Lỗ, họ Trọng tôn, tên Tiệp.)

*

6. Ông Tăng tử nói rằng: "Mình giỏi mà đi hỏi người dở, mình có nhiều tài đức mà đi hỏi người kém thiếu, tự mình có tài đức mà dường như không, tự mình đầy đủ mà dường như trống lỏng, bị xúc phạm mà chẳng so đo, ngày xưa bạn ta thường làm theo hạnh ấy."

(Ông Tăng tử nhắc khen đức hạnh của người bạn học quá cố của mình là Nhan Uyên.)

*

7. Ông Tăng tử nói rằng: "Như có bực đại thần mà người ta có thể giao phó cho một hoàng tử mồ côi chừng sáu gang (năm sáu tuổi) để bảo hộ, và người ta có thể giao cho vận mạng một nước trăm dặm để giữ gìn, trong cơn nguy biến loạn lạc mà vị đại thần ấy chẳng để cho ai đoạt cái tiết tháo của mình, thì vị ấy có phải là bực quân tử chăng? Hẳn là bực quân tử vậy."

*

8. Ông Tăng tử nói rằng: "Kẻ sĩ cần phải có chí khí rộng lớn và cương nghị. Là vì, gánh thì nặng mà đường thì xa. Đức nhân là cái trách nhậm mà mình phải gánh lấy, há không nặng sao? Đã làm đều nhân thì mình phải làm cho đến chết mới thôi, như vậy con đường chẳng phải là xa sao?"

*

9. Đức Khổng tử nói rằng: "Người ta hưng khởi lòng lành là nhờ đọc kinh Thi; lập lấy ý chí, không sa ngã theo vật dục là nhờ đọc kinh Lễ; thành tựu được đức hạnh của bực quân tử là nhờ ở âm nhạc và kinh Nhạc."

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Đối với dân, chuyện nào cần làm thì nên khiến họ làm, chứ không nên giảng giải nghĩa lý sâu xa, vi diệu với họ."

(Câu nầy, có phải đức Khổng nói chăng? Hay là cường hào hậu thế gắn cho đức Khổng đặng dễ sai dân?)

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ nào ưa thích sự dõng cảm mà không an phận, ghét cảnh bần cùng, ắt làm chuyện loạn nghịch. Người bất nhân mà bị ghét bỏ thái quá, tất sanh chuyện loạn nghịch."

*

12. Đức Khổng tử nói rằng: "Dẫu người có tài hay nghiệp giỏi như ông Châu công mà có tánh ngạo nghễ và biển lận, thì những tài hay nghiệp giỏi của người ấy không còn đáng coi ra gì nữa."

(Bực quân tử không nên tự thị nơi tài mình, mà phải lo bồi dưỡng đức mình. Nếu ỷ mình ăn học giỏi, địa vị cao mà khinh khi người, lường công người, thì những hàng trí thức đức hạnh chẳng giúp mình, rồi công cuộc mình phải hư hỏng.)

*

13. Đức Khổng tử nói rằng: "Học đạo Thánh trong ba năm mà chẳng có chí cầu lợi lộc, dễ được mấy người!"

(Nhà hiền triết họ Dương nói rằng: "Hiền như ông Tử Trương mà còn muốn học để làm quan, huống là những kẻ thường?" Mục đích của nhà Nho là học tập để trở nên bực quân tử, chớ chẳng phải để làm quan. Nhưng có nhiều người hoặc vì muốn phụng dưỡng cha mẹ, hoặc muốn đem sở tu học của mình mà thi hành ra cho dân nhờ, nên chờ dịp để xuất sĩ.)

*

14. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu đốc hậu, tín thật và ham học đạo lý; thà chịu chết để giữ tròn đạo lý, tiết nghĩa của mình. Nước nguy, chớ nên vào; Nước loạn, chớ nên ở. Thiên hạ có đạo, tức là được an ninh trật tự, thì mình nên ra làm quan; còn như thiên hạ vô đạo, mình nên ở ẩn mà tu học. Như Nước nhà yên trị mà mình chịu phận bần cùng, đê tiện, đó là sự hổ. Còn như Nước nhà loạn lạc mà mình hưởng phần giàu

có, sang trọng, đó là đều đáng hổ.”

*

15. Đức Khổng tử nói rằng: “Nếu mình chẳng có chức vị trong một xứ, thì chẳng cần mưu tính chính sự của xứ ấy.”

*

16. Đức Khổng tử nói rằng: “Ông Chí, quan giữ việc âm nbạc ở nước Lỗ, khi mới lãnh chức ấy, ông tấu đoạn cuối cùng bản “Quan thơ”, nghe vui thích, đầy đặn thay!”

(Quan thơ: cặp chim thơ. Thơ (mouette) là loài chim sống theo sông rạch. Chim nầy hay ở từng cặp: trống và mái có vẻ yêu mến nhau một cách khắn khít, nhưng không có vẻ lả lơi, cặp chim ấy lại rất tương trợ nhau, đồng ý nhau, vì vậy nên gọi là Quan thơ. Người ta cũng lấy chim ấy mà so sánh với bậc quân tử khi thành gia thất. "Quan thơ”lại là tiết đầu trong thi quốc phong ở Kinh Thi. Nhạc "quan thơ” chẳng có vẻ dâm, ai nhã mà chẳng đau thương.)

*

17. Khổng tử nói rằng: “Kẻ cuồng phóng cầu cao nhưng chẳng ngay thẳng, mờ mịt mà chẳng trung hậu, dại dột mà không tín thật, thì ta chẳng nhìn biết kẻ ấy vậy.”

(Ngài không nhìn nhận hạng người như vậy là đệ tử, ngài cũng chẳng biết hạng người ấy sẽ làm được trò gì.)

Đức Khổng tử nói rằng: “Phải rán sức mà học, dường như mình theo chẳng kịp người, chỉ sợ mình giải đãi mà phải bị bỏ rơi.”

(Học đạo lý của Thánh hiền thì cần phải mỗi ngày mỗi tấn; ngày nào mình không tấn, tức là ngày ấy mình thối vậy.)

*

18. Đức Khổng tử khen rằng: “Tâm chí cao lớn vọi vọi thay! Vua Thuấn và vua Vũ có thiên hạ, làm bực Thiên tử, nhưng lòng chẳng dự.”

(Ông Thuấn có đức cả, được vua Nghiêu nhường ngôi cho, cai trị thiên hạ trong 50 năm (2.255-2.205 trước Dương lịch). Ông Thuấn chẳng truyền ngôi cho con, mà truyền cho một ông hiền tên Vũ. Ông nay lập ra nhà Hạ, ở ngôi 8 năm (2.2005-2197). Hai ông ấy được làm Thiên tử, nhưng chẳng ham trọng địa vị giàu sang bực nhứt ấy.)

*

19. Đức Khổng tử khen rằng: “Ông Nghiêu làm vua, đức nghiệp lớn thay! Vọi vọi thay! Chỉ có Trời là lớn thôi; chỉ có vua Nghiêu có thể sánh với Trời thôi. Lộng lộng thay! Dân chúng chẳng có thể khen tặng đức nghiệp của ngài cho xiết. Vọi vọi thay

những sự thành công của ngài! Lễ, nhạc và pháp độ của ngài rỡ ràng thay!”

(Vua Đế Nghiêu tên Phóng Huân, con thứ vua Đế Cóc, chư hầu tôn lên làm Thiên tử, ở ngôi 101 năm (2.356-2.255) trước Dương lịch. Chính ông đem con gái mà gả cho ông Thuấn và truyền ngôi cho, dẫu rằng ông có con trai.)

*

20. Vua Thuấn có năm vị hiền thần, mà thiên hạ được thái bình. Đến đời nhà Châu, vua Võ vương nói rằng: “Ta có mười vị đại thần giúp ta mà bình trị thiên hạ.” Đức Khổng tử nói rằng: “Người xưa có nói: Bực nhơn tài khó được. – Lời ấy há chẳng đúng sao? Đời Đường của vua Nghiêu và đời Ngu của vua Thuấn là khoảng đời thạnh trị hơn bây giờ, thế mà vua Thuấn chỉ được có năm bực nhơn tài thôi. Đến đời nhà Châu của chúng ta, nhà vua khởi thủy là Võ vương chỉ được có mười bực nhơn tài thôi, mà trong đó có một nữ nhơn tài, thế thì nam nhơn tài chỉ còn có chín vị mà thôi.

Vua Văn vương nhà Châu, cha vua Võ vương được hai phần ba thiên hạ theo mình, thế mà vẫn phục sự triều nhà Ân, vẫn giữ ngôi chư hầu chớ chẳng giành ngôi Thiên tử, đó là đức của ngài; đức ấy có thể gọi là chí cực đó.”

(Năm vị hiền thần của vua Thuấn là: 1. Vũ, 2. Tắc, 3. Tiết, 4. Cao Dao, 5. Bá ích. – Mười vị đại thần của vua Võ là: 1. Châu công, 2. Triệu công, 3. Khương thượng, 4. Tất công, 5. Vinh công, 6. Thái Điên, 7. Hoành Yêu, 8. Tán nghi Sanh. 9. Nam cung Quát, 10. và bà Ấp Khương, vợ vua Võ vương. Tức là chín nhơn tài với một phu nhơn - Hai phần ba thiên hạ: Hồi vua Văn vương còn ở địa vị vua chư hầu, nước Trung hoa gồm có chín châu. Trong chín châu ấy, sáu châu theo vua Văn vương, vì ngài có nhân. Kế đến, vua Võ vương tiếp nối, thống nhứt Trung hoa.)

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: “Vua Vũ nhà Hạ, ta chẳng chê trách được. Trong việc ăn uống hằng bữa, ngài giữ đạm bạc; nhưng trong việc cúng tế thần, lễ vật ngài dâng lên rất trọng hậu. Y phục ngài thường mặc thì xấu, nhưng áo mão ngài trang sức trong dịp cúng tế thì rất đẹp. Cung thất của ngài thì nhỏ hẹp, nhưng ngòi lạch trong nước, ngài tận lực mà sửa san cho dân nhờ. Vua Vũ nhà Hạ, ta chẳng chê trách được.”

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN NĂM

CHƯƠNG THỨ CHÍN: TỬ HÃN

(Chương nầy có tất cả 29 tiết dưới dây)

1. Đức Khổng tử ít giảng về việc lợi, về Mạng Trời và về đức nhân.

(Nếu kể đều lợi thì hại đều nghĩa, như vậy khiến người ta bỏ đều cao thượng mà theo việc thấp thường, cho nên ngài ít giảng về viêc lợi. Mạng Trời thì huyền ảo, giảng chẳng cùng, nếu nói nhiều thì làm cho kẻ mới học bối rối, cho nên ngài ít giảng với hàng đệ tử tầm thường. Còn đức nhân là mức đạo rất cao, ít người theo nổi, nói ra thì khiến người chán ngán, cho nên ngài cũng ít khi nhắc tới.)

*

2. Có một người ở xóm Đạt hạng nói rằng: "Ông Khổng tử thật là một bực đại nhơn. Ông ấy học rộng, nhưng tiếc vì chẳng có danh phận, chức nghiệp rõ ràng." Nghe được lời ấy, đức Khổng nói với chư đệ tử rằng: "Ta nên làm nghề gì? Nghề đánh xe chăng? Nghề bắn cung chăng? Ta sẽ làm nghề đánh xe vậy."

(Trong lục nghệ: lễ, nhạc, thư, số, xạ, ngự, nghề đánh xe (ngự) học cho biết thì tốt, chứ học mà chuyên làm lấy nghề, tức đánh xe mướn cho người, thì hèn. Đức Khổng vừa nói khiêm, nhưng cũng ngụ ý cao: là vì các bực Thánh hiền đều là bực thầy dắc đường cho đời, tức là dùng xe giáo pháp mà đưa người đời đến mức đạo lý cao viễn vậy.)

*

3. Đức Khổng tử nói rằng: "Đội mũ bằng gai là theo lễ xưa. Nhưng đời nay người ta đều dùng mũ bằng tơ rẻ tiền hơn. Vậy ta làm theo đại chúng. Còn trong việc bái yết vua, mình ở bực thềm dưới mà bái là theo lễ xưa. Nhưng đời nay, các quan đều ở bực trên mà bái; như vậy là kiêu thái đó. Tuy ta trái với đại chúng, chớ ta vẫn theo lễ xưa là ở bực thềm dưới mà chiêm bái vậy."

(Đức Khổng là người dung hòa, tùy tiện. Nhưng ngài không để cho trái lễ.)

*

4. Đức Khổng tử chẳng hề có bốn đều lỗi này:

a. vô ý: ngài không có ý riêng, không có lòng tư dục.

b. vô tất: ngài không có kỳ tất, là ngài tùy cảnh mà sửa đổi.

c. vô cố: ngài không cố chấp, tức là ngài có lượng dung thứ.

d. vô ngã: ngài chẳng có lòng ích kỷ, vì mình mà bỏ người.

*

5. Đức Khổng tử phải cơn sợ sệt ở đất Khuông, ngài nói với đệ tử rằng: "Vua Văn vương đã thác rồi, nền văn chương (lễ, nhạc, chế độ) do ngài nắm giữ chẳng truyền lại nơi ta đây sao? Nếu Trời muốn để mất nền văn chương ấy, thì sau khi vua Văn vương thác, đâu có dự phó cho ta. Bỡi Trời chưa để mất nền văn chương ấy, thì người đất Khuông làm gì được ta?"

(Khuông là một ấp trong nước Vệ. Trước đây, gia thần họ Quí là Dương Hổ từng làm nhiều việc khắc bạc, cho nên dân oán ghét. Nay thấy đức Khổng dáng mạo giống Dương Hổ, họ lầm nên túa ra vây ngài với chư đệ tử và toan hảm hại. Cho nên ngài thốt ra mấy lời trên. Kẻ đó, nhận biết rằng họ lầm, họ bèn xin lỗi và thả ngài.)

*

6. Một vị quan thái tể hỏi ông Tử Cống rằng: "Đức Phu tử có phải là Thánh chăng? Sao ngài có nhiều tài quá vậy?" Ông Tử Cống đáp rằng: "Ấy nhờ Trời buông rộng cho ngài đó. Chẳng những ngài là Thánh, ngài lại còn có nhiều tài." Đức Khổng tử nghe thuật lại mấy lời của quan thái tể, bèn nói rằng: "Quan thái tể biết ta chăng? Hồi còn nhỏ, ta cam phận hèn, cho nên phải làm những việc quê tiện. Nhưng bực quân tử có cần biết nhiều nghề không? Không cần chi nhiều." Ông Lao nói rằng: "Thầy ta từng nói: "Ta chẳng được dùng làm quan, cho nên phải biết nhiều nghề."

(Lao là đệ tử của đức Khổng, họ: Cầm, tự Tử Khai, cũng tự: Tử Trương.)

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Ta có biết rộng chăng? Ta chẳng có biết rộng. Nhưng nếu có kẻ thô bỉ đến hỏi ta, dầu là kẻ tối tăm mờ mịt đến đâu, ta cũng đem hai bề từ đầu chí đuôi mà giải cho thật tường tận mới nghe."

*

8. Đức Khổng than rằng: "Chim Phụng chẳng đến; bức Đồ tám quẻ chẳng hiện ra nơi mặt sông. Ôi thôi! Đạo ta chẳng thi hành được rồi!"

(Phụng là thứ chim linh. Hồi đời vua Thuấn, người ta có dâng lên ngài một con. Kế đến đời vua Văn vương, chim Phụng hay lại ca ở núi Kỳ. Còn Đồ là bức họa có hình tám quẻ (Bát quái). Hồi đời vua Phục Hy (2.852-2.737 trước Dương lịch), có con Long mã chở bức Đồ ấy trên lưng, hiện ra trên sông Hoàng hà. Chim Phụng và bức Đồ hiện ra là điềm lành báo cho biết có Thánh vương ra đời. Đức Khổng chẳng thấy chim Phụng, cũng chẳng thấy bức Đồ hiện ra, ngài biết chẳng có Thánh vương ra đời, cho nên chẳng có thể hành Đạo một cách đắc lực. Vậy ngài thở than một cách thất vọng.)

*

9. Đức Khổng tử thấy người mặc đồ tang, hoặc người đội mũ mặc áo nhà quan, hoặc người mù, dẫu còn nhỏ tuổi, ngài cũng đứng dậy liền; còn như có đi qua mặt mấy người ấy thì ngài đi rất mau.

(Đó là vì lòng thương xót kẻ nguy khổ và vì lòng tôn kính người có chức tước.)

*

10. Ông Nhan Uyên ngậm ngùi khen rằng: "Đạo của Thầy ta, càng trông lên thì thấy càng cao; càng dùi vào thì biết là càng kiên cố, mới nhìn thấy trước mặt, bỗng hiện lại sau lưng. Thầy ta tuần tự mà dẫn dụ người một cách khéoléo. Ngài dùng văn học mà mở mang trí thức ta, đem lễ tiết mà ước thúc thân tâm ta. Dầu ta muốn thôi, cũng không thôi được. Ta đã đem hết tài lực để thông suốt thì dường như có vật chi cao lớn đứng chận trước ta; và dẫu ta muốn theo cho cùng, cũng không làm sao theo cho nổi."

*

11. Đức Khổng tử phải bệnh nặng; ông Tử Lộ khiến những đệ tử của ngài làm những gia thần hộ tang phòng khi ngài mãn phần, làm như ngài còn tại chức. Tới chừng bệnh thuyên giảm, ngài kêu Tử Lộ mà trách rằng: Ta phải bệnh nặng lâu dữ a! Mà ngươi Do thì cứ làm chuyện lừa dối. Hiện nay ta không có gia thần, mà làm ta có gia thần. Như vậy, ta dối ai? Ta dối Trời sao? Vã lại, dầu ta có chết, chết trong tay kẻ gia thần, há bằng chết trong tay hàng đệ tử sao? Lại nữa, ví như ta chẳng được lễ đại táng (vì trước đây ngài làm tới bực Tể tướng nhiếp chính nước Lỗ), thì ta há phải chết bỏ nơi đường sá sao?"

*

12. Ông Tử Cống hỏi rằng: "Giả như có một hột ngọc tốt tại đây, thì nên bỏ nó vào hộp mà giấu chăng? Hay là cầu cho được phải giá mà bán đi chăng?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Nên bán đi! Nên bán đi! Nhưng ta còn đợi giá."

(Ông Tử Cống thấy đức Khổng là người có đủ tài đức, nhưng chẳng đi làm quan, ông bèn dùng tỷ dụ mà ướm hỏi. Tức như hỏi rằng: "Người có tài đức như Thầy thì nên mai một với tài đức mình chăng? Hay là đem tài đức ra mà làm quan hưởng lộc vị?" Đức Khổng tử đáp lại có ý nghĩa nầy: Nên ra làm quan chớ! Nên ra làm quan chớ! Nhưng bực quân tử để cho bực quốc trưởng đến vời mình theo lễ tiết, chớ không nên đem tài đức ra cung phụng người chẳng biết giá trị mình.)

*

13. Đức Khổng tử buồn chán, muốn đến ở với chín đoàn rợ ngoài ranh giới miền Đông nước Tàu. Có người thưa với ngài rằng: "Phong tục họ thô lỗ, làm sao ngài ở

với họ được?" Ngài đáp rằng: "Bực quân tử ở với họ thì giáo hóa họ, làm sao họ còn thô lỗ được?"

(Ông Khổng chán vì Đạo ngài chẳng thi hành được, nên có khi ngài muốn bỏ hết mà đi. Ở tiết 6, chương 5 (Công dã tràng) đã có chép rằng: Đạo ta, người ta chẳng chịu thi hành. Hay là ta bỏ hết mà đi, thả bè lênh đênh trên mặt biển còn hơn? - Ấy là ngài buồn chán mà nói vậy thôi, chớ thật ngài chẳng có đi. Lại nữa, ta thấy cái chí cao thượng của bực Thánh nhơn không ngớt dạy đời: ở với người văn minh thì nâng cao trình độ của họ thêm lên; ví dầu ở với kẻ dã man thì cũng quyết lòng khai hóa họ.)

*

14. Đức Khổng tử nói rằng: "Sau khi ta từ nước Vệ mà trở về nước Lỗ, ta chỉnh đốn kinh Nhạc; rồi thiên Nhã và thiên Tụng trong kinh Thi cũng đều được sắp đặt có lớp lang"

(Ở nước Vệ, ngài trở về nước Lỗ nhằm mùa đông năm thứ 11 đời vua Ai công nước Lỗ. - Kinh Nhạc là một trong Lục kinh; nhưng vào thế kỷ thứ ba trước Dương lịch, kinh ấy bị vua Thủy hoàng nhà Tần đốt hết, chẳng ai nhớ mà chép lại, thành ra còn Ngũ kinh: Thi, Thơ, Dịch, Lễ, Xuân thu).

*

15. Đức Khổng tử nói khiêm rằng: "Ra ngoài thì thờ trọng bực công khanh; về nhà thì thờ kính hàng cha anh; trong việc tang chế, cố gắng mà giữ tròn lễ tiết; trong việc ăn uống, chẳng đến nỗi say sưa mà mang khốn. Trong bốn đều ấy, ta có làm được đều nào chăng?

(Thuở xưa, dưới quyền vua Thiên tử và chư hầu thì có năm tước: công, hầu, bá, tử, nam, - Các quan thì có ba cấp: khanh, đại phu, sĩ. Đó là bắt từ trên kể xuống.)

*

16. Đức Khổng tử đứng trên bờ sông nói rằng: "Cũng như nước nầy chảy đi, mọi vật đều đi qua. Ngày và đêm, không có vật chi ngừng nghỉ."

(Đó là ngài muốn dạy cho đệ tử hiểu rằng: Thể theo Mạng Trời, mọi vật trong vũ trụ đều biến hóa. Dầu ngày dầu đêm, dầu trong phút chút, không vật gì ngừng nghỉ một chỗ. Vậy kẻ học Đạo nên đắc lý ấy mà tấn lên trên đường đạo lý: mỗi ngày nên cải hóa lấy mình.)

*

17. Đức Khổng tử than rằng: "Ta chưa từng thấy ai háo đức bằng háo sắc."

(Đức Khổng đến nước Vệ. Vua Linh công rất mến đức ngài. Một bữa nọ, Linh công mời ngài cùng dạo phố. Nhưng vua Linh công với phu nhơn là nàng Nam tử đồng ngồi xe trước, đức Khổng ngồi xe sau. Xe chạy qua chợ, dân chúng chỉ theo cười

rằng: "Nhà đạo đức chạy theo sắc đẹp." Nhơn đó, ngài buồn ý thốt rằng: "Ta chưa từng thấy ai mộ đức hạnh bằng ưa sắc đẹp."

*

18. Đức Khổng tử nói rằng: "Tỷ như đắp đất cho thành núi, chỉ còn một giỏ nữa là xong, nhưng mình lại thôi, đó là tại mình bỏ vậy. Lại tỷ như lấp một vực sâu cho thành đất bằng, dẫu cho mình mới đổ xuống một giỏ, nhưng mình tinh tấn đổ thêm, đó là mình đi đến chỗ thành công vậy."

(Đức Khổng dùng hai tỷ dụ ấy mà khuyên đệ tử: nên ra công, bền chí mà tu học, chớ có ngơi nghỉ mà bỏ dở. Ấy là "tích thiểu thành đa" (góp ít thành nhiều). Nếu nửa đường mà thôi, ắt công phu trước đành để mất.)

*

19. Đức Khổng tử nói rằng: "Nghe ta giảng dạy mà thi hành chẳng trễ nhác, đó là trò Hồi (Nhan Uyên) chớ ai!"

*

20. Đức Khổng tử nhắc nhở ông Nhan Uyên rằng: "Tiếc thay cho trò ấy! Ta chỉ thấy trò tấn lên đường đạo lý, chớ chưa thấy trò ngưng lúc nào."

(Ông Nhan Uyên đã có học thức lại có đủ đức hạnh, song chưa đầy 32 tuổi thì thác, làm đức Khổng thương tiếc và nhắc nhở mãi.)

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: "Lúa thì có thứ mọc lên coi rườm rà, nhưng chẳng trỗ bông; lại có thứ trỗ bông, nhưng chẳng có hột."

(Đó là đức Khổng chỉ những kẻ học mà chẳng gắng sức nên chẳng được thành công, kết quả. - Lại có nghĩa: Học có mòi tấn phát, nhưng giữa chừng lại bỏ, thì luống công. Còn như học giỏi, nhưng chẳng có đức hạnh thì cũng vô ích.)

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: "Những kẻ sanh ra sau mình là hạng đáng sợ. Biết đâu sau nầy họ sẽ hơn mình bây giờ? Nhưng đến chừng họ được bốn mươi, năm mươi tuổi mà mình chẳng nghe biết danh tiếng của họ, chừng ấy mình chẳng còn sợ họ nữa rồi."

(Bây giờ mình lớn tuổi, khó bề học hành thêm nhiều. Phải coi chừng, chớ khinh dể bọn thiếu niên. Họ còn trẻ, rộng thì giờ học tập, họ đương sung sức; nếu họ có chí, họ sẽ hơn mình bây giờ. Nhưng con người ta lúc còn trai trẻ chẳng chịu học đạo tu thân; đến bốn mươi, năm mươi tuổi thì chẳng làm gì hơn được.)

*

23. Đức Khổng tử nói rằng: "Như người ta lấy lời phép tắc mà chỉ bảo cho mình, mình há không nghe theo sao? Chẳng những mình nghe theo, mà mình phải sửa lỗi mới quí. Như người ta dùng lời tốn thuận mà khuyên dạy mình, mình há không vui lòng sao? Chẳng những mình vui lòng, mà mình phải suy xét mới quí. Vui lòng mà chẳng suy xét, nghe theo mà chẳng sửa lỗi, người như thế ấy, ta chẳng có cách nào đối với họ nữa."

*

24. Đức Khổng tử nói rằng: "Một vị nguyên soái thống lãnh ba quân, người ta còn bắt được; chớ cái chí khí của một kẻ tầm thường thì không ai đoạt nổi."

(Người ta cần phải lập chí về chánh trị hoặc về đạo đức. Cái chí ấy đã vững vàng, cao thượng rồi thì nó chẳng khuất phục trước cảnh nghèo đói, trước lằn gươm mũi súng.)

*

25. Đức Khổng tử nói rằng: "Mặc áo dài bằng vải cũ rách, đứng chung với những người mặc áo lông hồ và lông lạc, nhưng mà chẳng hổ thẹn, đó là trò Do chớ ai!" Ngài bèn đọc tiếp hai câu trong kinh Thi rằng: "Chẳng ố kỵ, chẳng tham cầu; - Sao lại chẳng tử tế với người?"

Ông Tử Lộ nghe Thầy khen thì rất thích, trọn đời thường đọc đi đọc lại hai câu thơ ấy. Đức Khổng tử mới dạy rằng: "Với cái đạo pháp ấy, tức là với hai tánh chẳng ố kỵ và chẳng tham cầu, mình đủ trở nên người tử tế sao?"

*

26. Đức Khổng tử nói rằng: "Mỗi năm đến mùa đông lạnh lẽo, các loài thảo mộc đều khô héo và rụng lá; chỉ có cây tùng, cây bá vẫn tươi xanh và còn đủ cành lá mà thôi. Chừng hết mùa đông, lần lượt lá nó mới rụng."

(Cũng như thế, ở đời trong lúc bình trị, ai cũng xưng mình là quân tử, có tiết tháo thanh cao. Nhưng đến thời loạn, thì ai nấy đều đổi tiết tháo, chạy theo thời thế để kiếm ăn. Chỉ có bực quân tử chơn chánh mới cầm vững được chí hướng, tiết tháo của mình thôi!)

*

27. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực **trí** chẳng mê hoặc, nghi lầm; bực **nhân** chẳng lo rầu; bực **dõng** chẳng sợ sệt."

(Người trí thì sáng suốt, biết từ lý đến sự, cho nên chẳng nghi bậy; người nhân thì thương tất cả mọi người, làm các việc nghĩa, chẳng mưu tính cho mình, cho nên chẳng lo rầu. Người dõng thì có đủ sức lực, đủ gan dạ mà đối phó với nghịch cảnh, cho nên chẳng sợ bậy. Bực quân tử cần có ba đức: trí, nhân, dõng.)

*

28. Đức Khổng tử nói rằng: "Có hạng người mình có thể cùng học đạo với họ, nhưng chưa có thể cùng đi vào đạo với họ. Có hạng người, mình có thể cùng đi vào đạo với họ, nhưng chưa có thể cùng đứng vững trong cõi đạo với họ. Có hạng người, mình có thể cùng đứng vững trong cõi đạo với họ, nhưng chưa có thể cùng thi hành phép quyền nghi với họ."

(Đó là ba hạng người học đạo và hành đạo: 1. có hạng ham học đạo mà chưa vào đạo; 2. có hạng vào đạo, đắc nhập nghĩa lý, nhưng chưa đứng vững trong cõi đạo; 3. có hạng đứng vững trong cõi đạo, có học thức và có đức hạnh, nhưng chưa biết phép phương tiện để thi hành cho hạp thời hạp cảnh. Cần phải có đủ đạo đức và quyền nghi mới có thể trở nên bực Thầy chung của người đời).

*

29. Đức Khổng tử đọc lên bốn câu thơ trong Kinh Thi:

Cây đường lệ đơm hoa,

Dường như nó cảm động mà cho hoa nghiêng và lay động theo chiều gió;

Tôi (vốn có tình cảm) há chẳng nhớ tưởng người sao?

Ngặt nỗi ở xa mà không tới đó thôi."

Đức Khổng tử bèn nói tiếp rằng: "Như vậy là chưa thật nhớ tưởng đó, chớ nếu thật nhớ tưởng, thì có quản ngại gì nỗi đường xa?"

(Cũng như thế, người học đạo vì chưa thật lòng ham mộ nên mới nói đạo là khó, rồi chẳng gắng công. Nếu thật lòng mộ đạo, thì chẳng thấy khó, chẳng hề chán ngán.)

CHƯƠNG THỨ MƯỜI: HƯƠNG ĐẢNG

(Chương này có tất cả 17 tiết dưới đây)

1. Đức Khổng tử khi ở trong làng xóm, quê hương thì ngài là thật thà, dường như ngài chẳng biết ăn nói. Nhưng đến chừng ra nơi tông miếu, triều đình, thì ngài biện luận rất rành rẽ và cẩn thận.

(Tông miếu là nhà tế tự các vua nước Lỗ. Triều đình là chỗ nhà vua thi hành chính sự.)

*

2. Ở triều đình, nói chuyện với quan đại phu bực dưới, ngài giữ vẻ cương nghị; nói chuyện với quan đại phu bực trên, ngài giữ niềm hòa khí. Như có vua ngự ra, thì ngài có vẻ kinh sợ, chăm chăm chẳng cho thất lễ.

*

3. Khi vua nước Lỗ vời ngài tiếp khách, sắc diện ngài hơi đổi, ngài bước đi run run. Đứng chào khách, ngài chắp hai tay đưa về phía tả mà xá khách bên tả, đưa về phía hữu mà xá khách bên hữu; còn áo ngài thì phía trước phía sau đều tề chỉnh. Khi đưa khách vào, ngài đi mau, đưa thẳng hai cánh tay, tựa hồ như chim duỗi cánh bay. Đến chừng khách lui rồi, ngài trở vào tâu với vua rằng: "Khách không còn ngảnh mặt lại nữa"

*

4. Khi đức Khổng tử bước vào cữa đền vua nước Lỗ, ngài cúi mình, dường như cữa thấp nhỏ chẳng đủ cho ngài vô; ngài chẳng đứng giữa cữa; và khi đi, chẳng đạp trên ngạch cữa. Khi ngài đi ngang qua ngôi vua, dầu là ngôi trống, thì sắc mặt ngài hơi đổi, chơn ngài hơi run, tiếng nói ngài dường như chẳng ra lời. Khi ngài vén áo mà bước lên công đường, thì ngài cúi mình, nín hơi dường như không thở được. Chừng lui ra, bước xuống một bực, thì sắc mặt ngài hòa huởn, ngài trở nên vui vẻ thư thái. Chừng xuống đến bực dưới chót, ngài đi mau, đưa hai tay ra như chim duỗi cánh. Kế ngài trở lại chỗ ngồi thì lại có vẻ kính sợ.

*

5. Khi đức Khổng tử lãnh mạng vua mà đi sứ đến nước ngoài, hai tay ngài cầm lấy thẻ ngọc Khuê, cúi mình, dường như bưng chẳng nổi. Ngài nâng ngọc Khuê lên tới đầu, dường như vái chào; ngài đưa xuống tới ngực, dường như trao ra. Gương mặt ngài đổi sắc, dường như khiếp sợ. Chơn ngài ren rén bước đi, dường như noi dấu một vật gì. Chừng ngài đem lễ vật của vua nước mình mà tặng cho vua nước ngoài, thì dáng mạo ngài ôn hòa. Đến chừng ngài đem lễ vật riêng của mình mà kính tặng, thì

gương mặt ngài lại vui vẻ hơn.

*

6. Quân tử (đức Khổng) chẳng dùng đồ trang sức màu hám (xanh da trời) và màu trâu (xanh chim én), là vì đồ màu hám để dùng khi ăn chay và tế tự, đồ màu trâu để dùng lúc có tang. Về đồ mặc ngày thường, ngài chẳng dùng màu hường và màu tía, vì hai thứ màu ấy chẳng phải là chính sắc, vã lại đờn bà thường dùng. Trong mùa nực, ngài mặc áo đơn bằng vải mỏng ở ngoài, có áo lót mồ hôi phía trong. Qua mùa lạnh, ngài mặc áo dài đen ở ngoài, áo cừu lông cao (dê con màu đen) ở trong; hoặc áo dài trắng ở ngoài, áo cừu lông nghê (lộc con màu trắng) ở trong; hoặc áo dài vàng ở ngoài, áo cừu lông hồ (chồn màu vàng) ở trong. Áo cừu mà ngài thường mặc thì dài, nhưng tay áo bên mặt thì vắn hơn tay áo bên trái một chút, như vậy đặng tiện làm công việc. Ở tại nhà, ngài hay mặc áo dày bằng lông hồ, lông lạc đặng cho ấm áp. Nhằm lúc chẳng có tang, ngài hay mang theo dây lưng những vật dụng lặt vặt. Áo xiêm mà ngài mặc để đi chầu hoặc để dự lễ thì dài rộng, còn đồ mặc bình thường thì ngài thâu bớt lại. Ngài không mặc áo cừu lông cao (dê con màu đen) và đội mão đen mà đi phúng điếu, vì là đồ cát phục. Đến ngày mồng một mỗi tháng, ngài mặc triều phục đi chầu vua, lúc về hưu thì ngài day về hướng Bắc mà triều bái.

*

7. Đến kỳ trai giới, đức Khổng mặc áo trắng tinh khiết bằng vải; chừng đi ngủ, ngài mặc một cái áo khác dài một thân rưởi đặng phủ kín mình. Trong khi trai giới, ngài đổi đồ ăn uống và đổi chỗ ở.

(Đức Khổng cũng ăn chay giữ giới đặng giữ mình tinh khiết mà tế tự thần minh. Trong lúc ấy, ngài mặc áo riêng, cử thịt cá với rượu và ngài cũng ở riêng, chỗ thanh tịnh.)

*

8. Đức Khổng tử thích ăn cơm gạo giã trắng tinh; ngài ưa ăn gỏi thái nhỏ. Cơm hẩm và thiu, cá ươn, thịt bở nát, thì ngài chẳng ăn. Món chi có màu xấu, mùi hôi, ngài cũng chẳng ăn. Đồ nấu chẳng vừa: chưa chín hay là rục quá, thì ngài chẳng ăn. Và ngài chẳng để vào miệng những vật sái mùa. Món chi cắt chẳng đều, thì ngài chẳng ăn. Khi ăn thì cần có đồ chấm.

Dẫu bữa ăn có nhiều thịt, ngài cũng không ăn thịt nhiều hơn cơm. Duy có rượu là không hạn lượng, nhưng ngài chẳng uống đến say. Rượu bán ngoài hàng, nem mua trong chợ thì ngài không dùng. Hằng bữa, ngài hay ăn gừng. Ngài ăn vừa phải, chớ chẳng ăn quá no.

Trong khi làm quan trợ tế ở công miếu, vua kiến phần thịt, thì ngài phân phát ra ngay, chẳng để cách đêm. Thịt cúng tế tổ tiên, ngài chẳng để quá ba hôm; quá ba hôm thì

ngài chẳng ăn.

Khi ngồi ăn, ngài chẳng đàm luận; khi nằm ngủ, ngài chẳng nói chuyện.

Dẫu cơm thô, canh rau, nhưng trước khi ăn, ngài chẳng quên cúng vái với một tấm lòng trai kính.

(Đó là cách ăn uống rất có vệ sinh và hạp đạo lý của Quân tử. Gạo giã trắng và gỏi thái nhỏ, ăn đã ngon, lại dễ tiêu hóa. Còn cơm hẩm và thiu, cá ươn, thịt bở nát với những món mất màu và có mùi hôi, nếu ăn vô thì khó tiêu và sanh bệnh. Đồ nấu chưa chín, nếu ăn vào thì sình ruột; còn nấu rục quá thì mất chất bổ, ăn chẳng ngon. Vật sái thời tiết, ăn vào hay sanh bệnh. Cho đến trong bữa ăn, đức Khổng cũng không bỏ đạo trung chánh, cho nên món ăn cắt chẳng đều dặn thì ngài không ăn. Ăn có đồ chấm như tương, nước tương v.v... thì vừa miệng. Cơm là món ăn chánh, nên ngài ăn cơm nhiều hơn thịt. Rượu thì uống cho vui, nhất là trong bữa ăn đông người, nhưng bực quân tử nên tránh cái say nó làm cho mình loạn tâm trí. Rượu bán ngoài hàng, nem mua trong chợ e ăn chẳng tinh khiết, nên ngài không dùng. Gừng trừ được uế khí, khử đàm, nên ngài thích ăn luôn. Thịt cúng ở miếu đường, làm đã lâu, nếu đem về để cách đêm nữa e ăn chẳng tốt. Thịt cúng ông bà, để lâu đến vài đêm, ăn cũng sanh bệnh. Khi ăn và khi ngủ, chẳng có thể nói chuyện nghiêm trang, cho nên ngài chẳng nói. Bực quân tử hằng nhớ ơn Trời Đất, Tổ Tiên cùng chư Tổ đã tạo ra cách trồng lúa, cho nên trước khi ăn thì nâng chén cơm lên mà cúng vái.

*

9. Chiếu trải chẳng chính, ngài chẳng ngồi.

(Kẻ trải chiếu chẳng ngay ngắn, chẳng đều đặn, là người thất lễ, thất giáo. Đức Khổng chẳng thân thiện với hạng người ấy.)

*

10. Khi dự tiệc rượu với người làng, ngài chờ cho mấy ông lão chống gậy ra trước, rồi ngài mới ra sau.

(Ấy là ngài kính nhường người tuổi tác.)

Khi người làng làm lễ Na, tức là cúng tế để tống ôn dịch, thì đức Khổng vận đồ triều phục đứng ở bực thềm phía Đông mà tiếp lễ.

(Ngày xưa, ở bên Tàu, vào tháng chạp, từ bực thiên tử nơi kinh đô cho đến hàng thứ dân nơi hương lý đều làm lễ Na, tống thần ôn dịch. Đức Khổng tử khi về hưu, cũng mặc triều phục ra dự tế với người chức việc ở quê hương.)

*

11. Đức Khổng tử có sai ai đến nước khác mà hỏi thăm bà con hay bằng hữu của ngài, thì khi tiễn hành, ngài lễ hai lạy.

Ông Quí Khương tử, đại phu nước Lỗ, sai người đưa thuốc đến tặng ngài, đức Khổng tử lễ bái mà lãnh thuốc, rồi nói với sứ giả rằng: "Khâu nầy chưa rõ tánh thuốc thế nào, nên chẳng dám nếm lấy."

(Đó là tánh sáng suốt của ngài, ngài biết rõ ai thương ai ghét mình.)

*

12. Tàu ngựa của ngài cháy, đức Khổng tử ở triều về, hỏi rằng: "Có ai bị hại chăng?" Ngài chỉ hỏi thăm người, chớ chẳng hỏi thăm ngựa.

(Ngài trọng người hơn vật, dẫu rằng ở thời ấy, xe với ngựa là món ưa thích của hàng phong lưu.)

*

13. Khi vua ban cho món ăn đã nấu chín, thì đức Khổng ngồi lên giữa chiếu mà ăn thử. Khi vua ban cho món thịt tươi, thì ngài cho nấu chín, kế dâng cúng tổ tiên rồi mới ăn. Khi vua ban cho con vật sống, thì ngài nuôi, chớ chẳng vô cố mà ăn thịt.

Khi ngài ăn cơm trong đền gần bên vua, lúc vua rót rượu cúng tổ tiên, thì ngài nếm thử đồ ăn, dường như ngài là người có trách nhiệm săn sóc món ăn.

Khi ngài có bệnh mà vua đến viếng, thì ngài nằm day đầu về hướng Đông, mặt ngó ra cửa sổ hướng Bắc, trên mình có để bộ đồ triều phục với sợi đái thắt lưng ở trên.

Khi có lệnh vua vời ngài vào đền, ngài đi bộ trước, chẳng đợi xe.

*

14. Khi có bằng hữu ngài thác, mà chẳng có ai là thân thuộc để đưa người thác ấy về, thì đức Khổng nói rằng: "Để ta lo liệu việc chôn cất cho."

Bằng hữu tặng lễ vật cho ngài, nếu chẳng phải là thịt cúng tổ tiên, dẫu món chi quí trọng như xe và ngựa, thì ngài cũng chẳng bái tạ.

(Ngài bái tạ vì trọng tấm lòng thờ phụng tổ tiên của bạn, chớ chẳng trọng vật tặng như thịt, hoặc xe và ngựa.)

*

15. Khi nằm, ngài chẳng duỗi tay chơn ra như kẻ chết. Ở tại nhà, ngài chẳng làm dáng mạo.

Khi thấy người mặc đồ tang, dẫu quen biết, ngài cũng đổi sắc diện, tỏ lòng thương xót. Thấy người đội mũ mặc áo nhà quan cùng người đui mù, dẫu ở nhà riêng, ngài cũng đối đãi có lễ mạo. *(Vì ngài trọng kẻ trí đức có chức tước và ngài thương xót người tàn tật.)*

Ngồi trên xe, thấy người mặc đồ tang, ngài liền nắm lấy cái thức xe và cúi đầu chào;

và khi thấy người công chức mang sổ kê khai dân số thì ngài cũng vịn lấy cái thức xe và cúi đầu chào.

Khi thấy chủ nhơn dọn lên mâm cao cỗ đầy để đãi mình, thì ngài đổi sắc, đứng dậy cảm tạ lòng trịnh trọng của chủ nhơn.

Khi có sấm dậy, gió to thì mặt ngài biến sắc, vì ngài kính trọng Mạng Trời.

*

16. Khi ngài lên xe, ngài đứng chính chắn, tay nắm lấy sợi dây để vịn mà bước lên. Khi ngồi vào xe, ngài chẳng ngoái đầu ngó lại phía sau, ngài chẳng nói tía lia và ngài chẳng đưa tay ra mà chỉ.

*

17. Con chim kia khi nó thấy người có khí sắc dữ tợn, thì nó cất cánh bay đi. Chừng đáp xuống, nó liệng vòng tròn đặng xem chừng, rồi nó mới đậu. Thấy vậy, đức Khổng tử khen rằng: "Kìa con chim trĩ mái kia đương đậu trên cầu trong núi, nó biết thời cơ lắm thay! nó biết thời cơ lắm thay!" Ông Tử Lộ chực vồ bắt, nó liền kêu lên ba tiếng mà bay đi.

(Tiết nầy là tiết chót trong chương Hương đảng. Đức Khổng tuy khen con chim, mà có ý khuyên đời. Như ở gần nhà quyền thế, mình thấy người ta muốn hại mình, thì nên lánh trước đi. Còn thấy ai trọng mộ mình, mình nên đến với họ. Như vậy là biết thời cơ. Người ta há chẳng bằng chim sao?)

*

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN SÁU

CHƯƠNG THỨ MƯỜI MỘT: TIÊN TẤN

(Chương nầy có tất cả 25 tiết dưới đây.)

1. Đức Khổng Tử nói rằng: "Về lễ và nhạc, người đời xưa bị chê là quê mùa. Cũng về lễ và nhạc, mà người đời nay được khen là quân tử. Nhưng ta đây có dùng lễ, nhạc, thì ta chỉ theo xưa thôi."

(Thuở xưa, trước đức Khổng, lễ, nhạc nước Tàu chuộng cả hai bề: chất và văn. Rồi đến đời nhà Châu mạt, người ta chuộng văn thái hơn chất thật, họ bèn chê lễ, nhạc của cổ nhơn là hủ lậu, và khen lễ, nhạc của mình là "cải lương'', toàn thiện. Đức Khổng vốn người chuộng chất và văn song song, nên ngài cam chịu tiếng quê mùa mà theo lễ, nhạc của người xưa.)

*

2. Đức Khổng Tử nói rằng: "Những đệ tử từ khi theo ta qua nước Trần và nước Thái, chia xẻ với ta mọi bề cay đắng hoạn nạn, đến nay chẳng còn ai theo học cữa ta nữa. *(Người thì về nhà, kẻ đi buôn bán, người ra làm quan, có kẻ chết mất.)* Có đức hạnh hơn hết là Nhan Uyên, Mẫn tử Khiên, Nhiễm Bá Ngưu, Trọng Cung. Thiện trường về ngôn ngữ là Tể Ngã với Tử Cống. Có tài về chính trị là Nhiễm Hữu và Quí Lộ. Trổi hơn hết về văn học, thì có Tử Du và Tử Hạ."

(Theo trên, ta thấy cùng học đạo nơi đức Khổng, mỗi vị đệ tử có một sở trường: hoặc về đức hạnh, hoặc về ngôn ngữ, hoặc về chính trị, hoặc về văn học. Riêng đức Khổng gồm đủ bốn khoa ấy.)

*

3. Đức Khổng tử khen rằng: "Trò Hồi chẳng giúp cho ta nói vậy. Là vì, không có đều gì ta giảng luận mà trò chẳng đẹp lòng."

(Ông Nhan Uyên là người rất mẫn ngộ. Đức Khổng giảng đều chi là ông hiểu ngay, làm theo lời dạy ngay, chẳng có chỗ nghi, nên còn hỏi đi hỏi lại mà làm gì?)

*

4. Đức Khổng tử nói rằng: "Hiếu thay trò Mẫn tử Khiên! Trong nhà thì cha mẹ, anh em đều khen là hiếu, mà người ngoài cũng chẳng nói khác."

(Mẫn tử Khiên là một trong 27 vị hiền trong sách '"Nhị thập tứ hiếu". Mẹ ruột ông mất sớm. Cha bèn cưới vợ sau và sanh được hai con. Bà kế mẫu trông nom hai con mình mà chẳng kể đến Mẫn tử Khiên. Nhơn mùa đông, Mẫn tử Khiên mặc áo đơn mà

đẩy xe cho cha, còn hai em thì mặc áo kép, dày dặn ấm áp. Lạnh quá, ông sút tay, xe đổ. Cha nhìn thấy, tỉnh ngộ, muốn để vợ. Ông Mẫn tử xin cha đừng để: "Mẹ còn chịu một thân con; mẹ đi luống để cơ hàn cả ba!" "Cha trông xuống cũng sa giọt tủi, mẹ nghe rồi cũng đổi lòng xưa". Con người ta, khi được người nhà khen, thì ở ngoài còn ai chê?)

*

5. Ông Nam Dung, đệ tử của đức Khổng, ưa đọc đi đọc lại thơ Bạch khuê. Đức Khổng bèn đem con gái của anh mình mà gả cho.

(Trong kinh Thi, ở thiên Đại nhã có bốn câu thơ: Bạch khuê chi điếm, Thượng khả ma giã; Tư ngôn chi điếm, Bất khả vi giã. Nghĩa là: Chỗ tỳ của ngọc khuê trắng, Người ta có thể mài mà bỏ đi! Chớ chỗ ố trong lời nói, Người ta chẳng sửa được. Ông Nam Dung ưa đọc đi đọc lại bốn câu thơ ấy để nhớ mà giữ gìn ngôn hạnh của mình. Thấy ông cẩn thận về lời nói, đức Khổng mới đem cháu gái của ngài, con của Mạnh Bì mà gả cho.)

*

6. Ông Quí Khương tử, đại phu nước Lỗ, hỏi đức Khổng Tử rằng: "Trong hàng đệ tử của ngài, ai là người ham học Đạo lý hơn hết?" Ngài đáp rằng: "Có Nhan Hồi là người háo học. Nhưng bất hạnh, trò ấy đã sớm thác rồi. Ngày nay, chẳng còn ai đáng gọi là háo học."

(Quí Khương tử là con của Quí Hoàn tử, kế nghiệp cho cha. Đức Khổng làm quan Trủng tể (Thủ tướng) ở nước Lỗ hồi còn Quí Hoàn Tử. Chừng Quí Khương tử kế vị, đức Khổng trở về nước Lỗ sau khi đã châu du 13 năm, ngài an dưỡng thanh nhàn.)

*

7. Ông Nhan Uyên chết, ông Nhan Lộ, cha của Nhan Uyên đến hỏi đức Khổng mà xin cỗ xe của ngài đặng bán mà mua quách chôn con. Đức Khổng quở rằng: "Dầu cho nó có tài hoặc bất tài, nó cũng chỉ là con mà thôi. Con ruột của ta là Lý (tự Bá Ngư) đã thác, ta chỉ tẩn liệm bằng một cái quan, chớ chẳng có cái quách bao ngoài. Không lẽ ta đi bộ, bán xe mà mua quách sao? Bởi ta theo sau hàng đại phu, nên chẳng lẽ đi bộ."

(Ông Nhan Lộ lạm dụng lòng thương của đức Khổng đối với Nhan Hồi. Con ruột của ngài đã thác mà ngài chỉ chôn bằng quan, chớ không dùng tới quách. Dẫu ngài coi Nhan Hồi như con, không lẽ ngài bán xe mà mua quách, vì với cái quan thì đủ tẩn liệm rồi. Vã lại, tuy ngài thôi làm quan lớn, chớ ngài còn hàng phẩm đại phu, đâu có lẽ ngài bán xe mà đi bộ. Ngài nói ngài theo sau hàng đại phu, đó là ngài nói khiêm.

*

8. Ông Nhan Uyên chết, đức Khổng than rằng: "Ôi thôi! Trời hại ta rồi! Trời hại ta rồi!"

(Bởi Nhan Uyên là người có đủ đạo lý và đức hạnh, đức Khổng định truyền Đạo cho Nhan Uyên để nối chí ngài. Té ra Nhan Uyên chết, nên ngài vì Đạo, than tiếc như trên.)

*

9. Ông Nhan Uyên chết, đức Khổng khóc rất bi ai. Những đệ tử theo hầu ngài bèn thưa rằng: "Thầy khóc bi ai thái quá!" Ngài đáp rằng: "Ta bi ai lắm sao? Ta chẳng vì người ấy mà bi ai, thì lại vì ai?"

*

10. Ông Nhan Uyên chết, chư đệ tử của đức Khổng muốn làm lễ mai táng trọng hậu. Ngài dạy rằng: "Không nên". Nhưng các môn nhơn vẫn chôn cất một cách trọng thể. Sau đó, đức Khổng nói rằng: "Trò Hối coi ta như cha. Nhưng theo lễ, ta chẳng được coi trò như con. Sự chôn cất trò một cách trọng thể, không phải do nơi ta chủ lễ. Đó là tại các học trò của ta vậy."

*

11. Ông Quí Lộ hỏi đức Khổng về đạo thờ quỉ thần. Ngài đáp rằng: "Đạo thờ người còn chưa biết, sao biết được đạo thờ quỉ thần?" - "Dám hỏi về sự chết." Ngài đáp: "Sự sống còn chưa biết, sao biết được sự chết?"

(Ông Tử Lộ vì làm gia thần cho họ Quí là đại phu ở nước Lỗ, cho nên người ta gọi là Quí Lộ. Đức Khổng biết rằng ông Tử Lộ xử chưa xong đạo làm người, cho nên ngài chưa dạy đạo Thần Tiên; lại lo chưa tròn lẽ sống, nên ngài chưa dạy tới lẽ chết. Đó là ngài tùy căn cơ mà dạy Đạo, chớ ngài không bài bác sự thờ trọng quỉ thần cùng sự khảo cứu cùng cõi thế giới u minh. Hai chỗ ấy thuộc về Hình nhi thượng học trong Khổng giáo.)

*

12. Ngày nọ, ông Mẫn tử Khiên đứng hầu bên đức Khổng, vẻ mặt hoà duyệt; ông Tử Lộ thì có khí sắc cang cường; còn ông Nhiễm Hữu và ông Tử Cống thì dung mạo cương nghị. Đức Khổng lấy làm vui vẻ. Nhưng ngài khuyên chừng ông Tử Lộ rằng: "Như trò Do đây, phải giữ gìn, kẻo chết bất thường."

(Ông Tử Lộ hay tự cao về sức khỏe của mình, cho nên đức Khổng phải dặn trước đặng ông phòng hờ. Nhưng đó cũng là lời tiên tri: về sau, ông Tử Lộ chết một cách vô lý ở Tích thành, nước Vệ.)

*

13. Các quan nước Lỗ định cất kho Trường phủ mới. Ông Mẫn tử Khiên nói rằng:

"Nhơn cái cũ mà tu bổ lại, chẳng đặng sao? Can gì bỏ mà làm cái khác cho phí công và của?" Đức Khổng khen rằng: "À! người không hay nói; mà hễ nói thì trúng."

*

14. Đức Khổng tử quở rằng: "Tiếng đờn sắt của ngươi Do sao lại trổi lên ở cửa ta? Các đệ tử của ngài bèn chẳng đem lòng kính mến ông Tử Lộ. Đức Khổng mới giải rằng: "Trò Do, với sức học đạo của mình, đã lên đến thềm rồi; nhưng chưa vào nhà đó mà thôi."

(Ông Tử Lộ là người có tánh cang cường, tánh ấy phổ cập vào tiếng đờn sắt là thứ đàn có 25 dây, nghe ra dường như tiếng sát phạt của các đoàn giặc miền Bắc. Như vậy chẳng hạp với mức Trung hòa của đạo Khổng. Ngài chỉ quở chỗ đó mà thôi. Chính ra, Tử Lộ đã là bực chánh đại, cao minh rồi; nhưng tiếc vì chưa đạt đến mức tinh vi của Đạo là mức Trung hòa mà thôi. Ấy là người vào đến bệ cửa, mà chưa vào trong nhà.)

*

15. Ông Tử Cống hỏi rằng: "Trong hai người, Sư (Tử Trương) và Thương (Tử Hạ), ai hơn? Đức Khổng đáp: «Sư thì thái quá; còn Thương thì chẳng kịp." – "Như vậy, ắt Sư hơn chớ gì?" Ngài đáp: "Thái quá cũng như chẳng kịp."

(Về đạo Nho, nên đạt mức Trung dung; cố giữ mãi cho được thì mới quí. Kẻ ỷ mình tài cao chí cả, thì làm quá lố; còn người cần cù chấp nệ, thì đi không tới. Đó là hai lối cực đoan mà nhà học đạo cần phải tránh.)

*

16. Họ Quí giàu hơn ông Châu Công, thế mà trò Cầu (Nhiễm Hữu) lại làm gia thần thâu thuế bóp chẹn dân chẳng qua là giúp của cho nhà giàu. Cho nên đức Khổng truyền rằng: "Gả ấy chẳng phải là môn đồ ta nữa. Các trò nên kêu nhau mà công kích va."

(Ngày xưa, ông Châu công, em vua Võ vương là bực thượng tướng trong thiên hạ, có công khai sáng nhà Châu cho nên hưởng phần giàu có là phải. Vào đời đức Khổng, họ Quí chẳng qua là một vị quan đại phu của một nước chư hầu là nước Lỗ, thế mà giàu có hơn ông Châu công, đó là do sự bóp chẹn nhân dân. Thế mà ông Nhiễm Hữu lãnh phần thâu thuế cho họ Quí một cách gắt gao, há đáng là đệ tử của đức Khổng sao?)

*

17. Đức Khổng để lời phê bình bốn vị đệ tử của ngài rằng: "Trò Sài (Cao Sài, tự Tử Cao) thì kém thông minh [1]; trò Sâm (Tăng Tử) chậm lụt thật thà; trò Sư (Tử Trương)

[1] Cũng có nghĩa: Kém học thức.

thì hay chưng diện bề ngoài; còn trò Do (Tử Lộ) thì thô tục kém văn nhã."

*

18. Đức Khổng tử nói rằng: "Trò Hồi (Nhan Uyên) thì sức tu học gần chí mức Đạo; trò thường ở trong cảnh nghèo, nhưng vẫn yên phận vì Đạo. Trò Tứ (Tử Cống) chẳng yên chịu với số phận, bèn đi buôn bán mà trở nên giàu; nhưng liệu lượng đều chi thì thường hay trúng lý."

*

19. Ông Tử Trương hỏi: "Người có tánh lành tự nhiên thì ra thế nào?" Đức Khổng đáp: "Ấy là người chẳng học tập theo cổ nhơn, nhưng cũng trở nên người lành; tuy vậy chẳng đạt đến mức tinh vi của Đạo Thánh."

(Như ai sanh ra sẵn tánh hiền lành, chẳng nhiễm theo thói tục thì rất tốt. Người ấy dẫu chẳng theo gương Thánh hiền xưa, cũng ăn ở chẳng trái nghịch. Nhưng cần phải tu học thêm để mở rộng trí và đức, thì mới trở nên bực Thánh hiền.)

*

20. Đức Khổng tử nói rằng: "Như ai đàm luận đạo lý một cách dày dặn rành mạch, mình khoan nhận họ là nhà đạo đức. Hãy quan sát coi họ có phải là bực quân tử chăng, hay chỉ là kẻ có cái lốt khéo léo bề ngoài mà thôi."

*

21. Ông Tử Lộ hỏi rằng: "Như tôi nghe được đều phải thì nên làm liền chăng?" Đức Khổng tử đáp: "Ngươi còn cha anh, phải hỏi lại đã, lẽ nào nghe được mà làm liền."

Ông Nhiễm Hữu hỏi rằng: "Như tôi nghe được đều phải thì nên làm liền chăng?" Đức Khổng đáp: "Nghe được thì nên làm liền đi."

Ông Công tây Hoa hỏi: "Anh Do (Tử Lộ) hỏi: Như tôi nghe được đều phải thì nên làm liền chăng? Thầy đáp: Ngươi còn cha anh. - Anh Cầu (Nhiễm Hữu) hỏi: như tôi nghe được đều phải thì nên làm liền chăng? Thầy lại đáp: Nghe được thì nên làm liền đi. Xích (Công tây Hoa) nầy lấy làm nghi hoặc về hai cách trả lời khác nhau như vậy, dám xin Thầy giải cho."

Đức Khổng đáp: "Tánh trò Cầu thì thối nhược, nên ta phải đôn tới cho. Còn tánh trò Do thì cường thắng, nên ta phải triệt thối lại."

*

22. Đức Khổng tử phải cơn sợ sệt ở đất Khuông; ông Nhan Uyên lạc lại phía sau. Tới chừng hội kiến, đức Khổng nói rằng: "Ta ngỡ rằng ngươi đã chết rồi." Ông Nhan Uyên đáp: "Thầy còn sống, Hồi này sao dám chết?"

(Ở tiết 5, chương 9, trương 35 đã có nói đức Khổng bị người đất Khuông vây bắt, vì

lầm ngài là Dương Hổ, người thù của bá tánh. Kế họ thả ngài đi. Chừng Nhan Uyên theo kịp, ngài có ý nói rằng: Ta ngỡ rằng ngươi đánh với người đất Khuông mà chết rồi. Nhan Uyên đáp có ý nói rằng: Tôi biết Thầy còn, tôi đâu có liều mạng, tôi cần phải sống để hầu Thầy và học Đạo nơi Thầy.)

*

23. Ông Quí tử Nhiên hỏi rằng: "Ông Trọng Do và ông Nhiễm Cầu có xứng làm chức đại thần chăng?" Đức Khổng đáp: "Ta tưởng hỏi ai lạ, chẳng dè hỏi gã Do và gã Cầu. Nầy, hễ làm đại thần thì đem đạo lý mà thờ vua; bằng chẳng được thì thôi. Nay Do và Cầu có thể gọi là đủ hạnh đức để làm quan vậy thôi." - "Như họ Quí dùng hai ông ấy thì hai ông có theo chăng?" Đức Khổng đáp: "Nếu là nhà quyền thần thí vua giết cha thì hai gã ấy chẳng theo."

(Quí tử Nhiên là con em nhà quyền thần họ Quí ở nước Lỗ. Còn Quí Bình tử, em Quí Hoàn tử. Quí tử Nhiên có ý muốn cho hai ông Tử Lộ và Nhiễm Hữu làm gia thần cho cánh họ mình. Nhưng đức Khổng dùng lời bóng bãi mà nhắc chừng họ Quí.)

*

15. Ông Tử Lộ làm gia thần cho họ Quí, bổ Tử Cao đi làm quan tể cai trị ấp Phí. Đức Khổng tử trách rằng: "Đó là ngươi hại con người ta." Tử Lộ thưa rằng: "Làm quan tể thì cai trị bá tánh và sĩ nhơn; lo việc cúng tế thần đất đai, thần mùa màng; can chi phải đọc thơ, phải có sẵn học thức? "Đức Khổng quở rằng: "Thế nên ta ghét những kẻ lợi khẩu cượng lý."

(Ở tiết 17, đức Khổng đã có nói rằng Tử Cao (Sài) là người kém học thức.)

*

25. Ông Tử Lộ, ông Tăng Tích (cha của Tăng Sâm), ông Nhiễm Hữu và ông Công tây Hoa, bốn đệ tử ấy ngồi hầu đức Khổng. Ngài dạy rằng: "Các ngươi ngại vì ta lớn tuổi hơn mà chẳng dám nói rõ chí mình, nhưng đừng ngại chỗ đó. Bình thường ở nhà, các ngươi hay nói rằng: "Thiên hạ chẳng biết ta." Ví như thiên hạ biết mà dùng các ngươi, thì các ngươi sẽ trổ tài như thế nào?"

Ông Tử Lộ bỗng đứng dậy đáp rằng: "Ví như một nước có một ngàn cỗ binh xa, bị ép giữa hai nước lớn, lại thêm có nạn chiến tranh, nhơn đó mà dân chúng đói khó. Do nầy nếu lãnh quyền cai trị nước ấy, kịp đến ba năm thì làm cho người trong nước trở nên dõng cảm và biết nghĩa vụ."

Đức Phu tử mỉn cười. Ngài hỏi ông Nhiễm Hữu rằng:

"Còn trò Cầu, trò sẽ làm gì?"

Ông Nhiễm Hữu đáp: "Như có một địa phương vuông vức sáu, bảy chục dặm hay là năm, sáu chục dặm. Cầu nầy lãnh quyền cai trị, kịp đến ba năm thì có thể làm cho

dân chúng được no đủ. Còn về lễ và nhạc thì tôi chẳng đủ sức chấn chỉnh, xin đợi bực quân tử."

Đức Khổng hỏi Công tây Hoa rằng: "Trò Xích, trò sẽ làm gì?"

Công tây Hoa đáp: "Vì lễ và nhạc, tôi cũng chẳng có tài, song cũng muốn học tập. Trong những dịp tế tự nơi nhà tông miếu, trong những cuộc hội nghị của các vua chư hầu, tôi sẽ mặc áo lễ "huyền đoan", đội mũ lễ "chương phủ", tình nguyện dự phần tiểu tướng vậy thôi."

Đức Khổng lại hỏi ông Tăng Tích rằng: "Còn trò Điểm, trò sẽ làm gì?"

Tăng Tích đương khảy cây đờn sắt, nghe đức Khổng hỏi tới mình thì ngưng tay, nhưng tiếng đờn còn ngân. Ông bỏ đờn, dứng dậy và đáp rằng: "Chí tôi khác hẳn với sở nguyện của ba anh bạn tôi."

Đức Khổng nói: "Có hại gì? Mỗi người cũng đều nói ra cái chí của mình vậy thôi."

Ông Tăng Tích thưa rằng: "Về cuối xuân tiết tháng ba, bấy giờ áo mỏng và nhẹ trong mùa đã may xong, cùng với năm, sáu người cỡ hai mươi tuổi, sáu, bảy cậu trai lối mười sáu tuổi, dắc nhau đi tắm ở sông Nghi, hứng gió ở đàn Vũ vu, rồi trên đường về cùng nhau ca vịnh cho vui. Đó là chí của tôi vậy."

Đức Phu tử ngậm ngùi than rằng: "Ta khen cái chí cao thượng của trò Điểm vậy." [1]

Khi ba vị đệ tử kia ra rồi, ông Tăng Tích còn ở lại với đức Khổng. Ông hỏi rằng: "Đối với lời nói của ba anh bạn kia. Thầy nghĩ thế nào?" Đức Khổng đáp: Cũng đều cho biết cái chí của mình vậy thôi." Hỏi: "Nhưng tại sao nghe anh Do nói mà Thầy mĩn cười?" Đáp: "Bực trị quốc cần phải có lễ nhượng; mà trong lời nói của trò Do, chẳng có một điểm lễ nhượng. Vì vậy cho nên ta mĩn cười."

Tăng Tích lại hỏi: "Còn anh Cầu chẳng phải nói việc trị Nước sao?" - "Một địa phương dẫu vuông vức sáu, bảy mươi dặm hay năm, sáu mươi dặm, đó chẳng phải là một Nước nhỏ, chớ là gì?"

Ông Tăng Tích hỏi nữa: "Còn anh Xích chẳng phải nói việc trị nước sao?" - "Việc tế tông miếu và việc hội đồng, đó chẳng phải là việc của Nước chư hầu, chớ là việc của ai? Trò Xích khiêm nhượng xin dự làm tiểu tướng, vậy chớ ai có thế làm đại tướng?"

---

[1] Chí cao thượng của ông Điểm (Tăng Tích) là như vầy: Ví như có bực quốc trưởng biết tài ông mà mời ông ra dự việc chính trị, ông cũng không ra. Thà vui thú với các bạn trẻ, khi tắm sông, khi hứng gió, rồi ca hát mà về, còn hơn đưa mình vào nơi cương tỏa, chốn thù hiềm! Ông Tăng Tích và con ông là Tăng tử (Tăng Sâm) đều là đệ tử của đức Khổng. Mà ông Tăng tử lại được sở truyền của đức Khổng hơn các đệ tử.

CHƯƠNG THỨ MƯỜI HAI: NHAN UYÊN

(Chương nầy có tất cả 23 tiết dưới đây)

1. Ông Nhan Uyên hỏi về đức nhân. Đức Khổng đáp rằng: "Làm nhân là khắc kỷ, phục lễ, *tức là chế thắng lòng tư dục, vọng niệm của mình và theo về lễ tiết.* Ngày nào mà mình khắc kỷ, phục lễ, ngày đó mọi người trong thiên hạ tự nhiên cảm hóa mà theo về đức nhân. Vậy làm nhân là do nơi mình, chớ há do nơi ai sao?"

Ông Nhan Uyên thưa tiếp: "*Thầy mới vừa chỉ chỗ cương, yếu của đức nhân, vậy* tôi xin hỏi qua điều mục." Đức Khổng bèn giải rằng: *"Sắc chi* chẳng hạp lễ thì mình đừng ngó, *tiếng chi* chẳng hạp lễ thì mình đừng nghe, *lời chi* chẳng hạp lễ thì mình đừng nói, *việc chi* chẳng hạp lễ thì mình đừng làm. *Bốn điều ấy là điều mục của đức nhân đó."*

Ông Nhan Uyên thưa rằng: "Hồi nầy dẫu chẳng minh mẫn, nhưng cũng xin ở theo mấy lời mà Thầy mới vừa dạy."

*

2. Ông Trọng Cung, *học trò cao đệ của đức Khổng* hỏi ngài về đức nhân. Đức Khổng đáp rằng: "Khi ra khỏi nhà, *mình phải giữ cho nghiêm trang kính cẩn* dường như sắp gặp khách quí; khi sai dân làm việc công, *mình sốt sắng thận trọng* dường như thừa hành một cuộc cúng tế lớn. Trong nước, chẳng ai oán mình; ở nhà, chẳng ai ghét mình. *Đó là hạnh của người nhân."*

Ông Trọng Cung thưa rằng: "Ung nầy dẫu chẳng minh mẫn, nhưng cũng xin ở theo mấy lời mà Thầy mới vừa dạy."

*

3. Ông Tư mã Ngưu, *đệ tử của đức Khổng,* hỏi ngài về đức nhân. Đức Khổng đáp rằng: "Người có nhân phải biết nhịn nói." *Tư mã Ngưu* hỏi nữa rằng: "Chỉ biết nhịn nói đủ thành người có nhân sao?" Ngài đáp: "*Nói là dễ,* làm là khó; vậy chẳng nên nhịn nhục ngay trong khi mình muốn nói sao?"

(Nhân là lòng thương người, hay cứu giúp người. Nhưng muốn đạt đến mức ấy, mỗi nhà học đạo phải tùy căn tánh mình mà thi hành. Bởi vậy, với ông Nhan Uyên, đức Khổng dạy thống trị lấy mình và cư xử theo lễ. Với ông Trọng Cung, ngài dạy nên giữ gìn lấy cử chỉ mình từ trong gia đình cho đến ngoài xã hội. Còn với ông Tư mã Ngưu, ngài dạy nên giữ gìn lời nói đừng có khinh suất.)

*

4. Ông Tư mã Ngưu hỏi thế nào là quân tử. Đức Khổng đáp rằng: "Bực quân tử thì chẳng lo, chẳng sợ." *Tư mã Ngưu* hỏi tiếp: "Chẳng lo, chẳng sợ, đủ gọi là quân tử

sao?" Ngài đáp: "Tự xét lấy mình, thấy mình chẳng có *một mảy tà ác* thì còn lo, sợ nỗi gì?"

*

5. Ông Tư mã Ngưu lo rầu than rằng: "Người ta đều có anh em, chỉ có một mình tôi thì không." Ông Tử Hạ, *bạn học,* khuyên rằng: "Thương nầy từng nghe *Phu tử dạy rằng:* chết sống có Số Mạng, giàu sang do ở Trời. Bực quân tử lúc nào cũng thành kính *tự tu,* không phạm đều lỗi lầm; đối với người thì giữ khiêm cung và xử hạp lễ. Người ta trong bốn biển đều là anh em với mình hết. Vậy bực quân tử cần chi phải lo ngại chẳng có anh em?"

(Ông Tư mã Ngưu có anh là Hoàn Khôi làm quan nước Tống, nhưng làm phản, hai người em của Tư mã Ngưu là Tử Kỳ và Tử Quân cũng ủng hộ Hoàn Khôi trong cuộc phản loạn. Tư mã Ngưu lo sợ cho anh và hai em phải chết, cho nên tỏ ra mấy lời than thở trên. Vì vậy cho nên ông Tử Hạ mới khuyên "tử sanh hữu Mạng, phú quí tại Thiên. Luôn dịp, ông Tử Hạ có ý giải rằng hễ làm người quân tử thì tự mình kính cẩn, đừng phạm tội; với người thì cung khiêm, cư xử phải lẽ, tức là không nên làm chuyện phản nghịch. Còn về tình anh em thì với cách cư xử trên, người ta trong thiên hạ đều trở nên anh em với mình, cần chi sự thương mến nhỏ nhen của anh em trong nhà?

Ở tiết 22*, chương 7 (Thuật nhi) trương 109 có chép: Khi đức Khổng với các đệ tử đến nước Tống, Hoàn Khôi, anh của Tư mã Ngưu có ý muốn hại ngài.)*

*

6. Ông Tử Trương, *đệ tử của đức Khổng* hỏi: "Thế nào gọi là người *có trí* minh *bạch, sáng suốt*?" Đức Khổng đáp rằng: "Những lời gièm pha *của kẻ độc hiểm* thấm thía về lâu, những lời vu cáo *của kẻ hung ác* làm cho đau đớn dường như banh da xẻ thịt; *trước những lời ấy,* mình đừng cảm động mà nghe theo, đó gọi là người *có trí* minh *bạch, sáng suốt.* Những lời gièm pha *của kẻ độc hiểm,* thấm thía về lâu, những lời vu cáo *của kẻ hung ác* làm cho đau đớn dường như banh da xẻ thịt; *trước những lời ấy,* nếu mình chẳng càm động mà nghe theo, thì chẳng những mình là người *có trí* minh *bạch, sáng suốt,* mình lại còn thấy xa, *hiểu rộng* nữa."

*

6. Ông Tử Cống hỏi về cách cai trị. Đức Khổng đáp rằng: "Nhà cầm quyền cần phải có *ba điều kiện nầy*: lương thực cho đủ *nuôi dân,* binh lực cho đủ *bảo vệ dân,* lòng tin cậy của dân đối với mình." Tử Cống hỏi tiếp: "Trong ba điều ấy, bất đắc dĩ mà phải bỏ bớt, thì bỏ ra điều nào trước?" Đáp: "Bỏ binh lực." Tử Cống hỏi nữa: "*Còn lại hai điều là lương thực và lòng tin,* bất đắc dĩ mà phải bỏ bớt, thì bỏ ra điều nào trước?" Đáp: "Bỏ lương thực. Là vì từ xưa *cho đến nay, trong nước* nếu thiếu lương thực thì

xảy ra nạn chết đói; chớ dân mà không tin *nhà cầm quyền* thì chính phủ phải đổ."

*

8. Ông Cức tử Thành, *đại phu nước Vệ, vì thấy người đời chuộng văn vẻ loà loẹt bề ngoài mà bỏ tư chất thành thật bề trong, bèn* nói *với ông Tử Cống* rằng: "Bực quân tử cần cái chất là đủ rồi. Cần chi tới cái văn?" Ông Tử Cống đáp. "Tiếc thay! ngài có bụng quân tử *muốn cứu đời* mà nói vậy. Nhưng một lời đã thốt, xe bốn ngựa khó theo! Nầy, văn cũng như chất, chất cũng như văn, *người quân tử phải chuộng cả hai bề như nhau. Kìa người ta phân biệt da cọp, da beo với da chó, da dê là bởi có cái lớp lông ở ngoài*; nếu tẩy hết cái lớp lông *ấy* đi, thì da cọp, da beo cũng giống như da chó, da dê *vậy thôi."*

(Bực quân tử vừa chuộng cái tánh chất tốt của mình, cũng không bỏ lễ tiết và lối trang sức. Giả như bực sĩ phu mà chẳng ăn mặc, nói năng theo hàng sĩ phu thì ai biết mình là bực sĩ phu? Nhà đạo đức mà chẳng ăn vận theo nhà đạo đức, thì khi mình ra đường, ai biết mình là nhà đạo đức.)

*

9. Vua Ai công *nước Lỗ* hỏi ông Hữu Nhược *(Hữu tử) đệ tử của đức Khổng* rằng: "Năm nay thất mùa, thuế ta thâu vào chẳng đủ *xài*, phải làm sao?" Ông Hữu Nhược đáp: "Sao ngài chẳng dùng phép Triệt, tức là thâu một phần mười huê lợi của dân?" Vua nói: "Ta đã thâu hết hai phần mười mà còn chẳng đủ, huống chi là một phần?" Ông Hữu Nhược đáp rằng: "Dân được no đủ, thì vua thiếu thốn với ai? Nếu dân chẳng no đủ thì vua giàu có với ai?"

(Dân chúng phú túc, tức là nước nhà phú túc. Dân chúng đói kém tức là nước nhà nghèo khó. Vậy bực quốc trưởng nên vì dân vì nước, chớ dùng hoang phí mà hại dân.)

*

10. Ông Tử Trương hỏi cách tôn sùng đức tánh và biết rõ mối lầm. Đức Khổng đáp rằng: "Lấy sự trung hậu, tín thật làm chủ và làm theo việc nghĩa, đó là cách tôn sùng đức tánh. Khi thương, muốn cho người ta sống; khi ghét, muốn cho người ta chết; trước đã muốn cho người ta sống, sau lại muốn cho người ta chết, đó là mối lầm *cần phải biết rõ đặng xa lánh vậy."*

(Con người ta sống chết đều có số mạng, thương muốn cho người ta sống lâu, ghét muốn cho người ta chết phứt, đó là người mê muội chẳng hiểu Mạng Trời.)

*

11. Vua Cảnh công nước Tề hỏi đức Khổng Tử về cách cai trị. Ngài đáp rằng: "*Phải làm sao cho mỗi người đều làm tròn chức vụ mình:* vua ở hết phận vua, tôi ở hết

phận tôi, cha ở hết phận cha, con ở hết phận con." Vua Cảnh công khen rằng: "Ngài nói phải thay! Nghĩ như vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, ở *trong tình cảnh hổn loạn như thế,* dầu ta có lúa đầy kho, có chắc được ngồi yên mà ăn chăng?"

*

12. Đức Khổng tử khen rằng: "Với nửa câu nói, trò Do có thể giải quyết xong một vụ kiện." Ông Tử Lộ hứa với ai đều chi thì làm ngay, chẳng chần chờ.

(Ông là người trung tín, minh quyết, ai có giao thiệp với ông đều đem lòng tin phục.)

*

13. Đức Khổng Tử nói rằng: "Xử kiện, ta cũng biết xử như người: *ta cũng biết xét đoán ai phải ai quấy và trừng trị kẻ phạm.* Nhưng nếu dạy cho dân *biết nghĩa vụ, biết nhường nhịn, biết luật pháp mà giữ gìn, đặng họ* chẳng đem nhau đến tụng đình, như vậy chẳng hay hơn sao?"

(Đức Khổng từng làm chức Tư khấu (tổng trưởng bộ Hình) ở nước Lỗ, cho nên về việc thẩm phán, thì ngài rất rành. Nhưng trong thời kỳ làm quan, ngài khéo giáo hóa dân, khiến trong nước ít sanh ra việc kiện cáo.)

*

14. Ông Tử Trương hỏi về cách cai trị. Đức Khổng đáp rằng: "Trong tâm mình lúc nào cũng lo việc dân việc nước, chẳng biết mệt chán, và thi hành việc chi thì vẫn giữ niềm trung chính, hết tình."

*

15. Đức Khổng Tử nói rằng: "Người quân tử giúp người làm việc tốt, chẳng giúp người làm việc xấu. Còn kẻ tiểu nhơn thì khác hẳn."

*

16. Ông Quí Khương tử, *đại phu nước Lỗ,* hỏi đức Khổng tử về việc chính, *tức là cách cai trị.* Đức Khổng tử đáp rằng: "Chữ chính 政 (cai trị) do nơi chữ chính 正 (ngay thẳng) mà ra: cai trị (chính) tức là săn sóc cho dân trở nên ngay thẳng, chính đính. Nay đại phu là bực dẫn đầu trong dân chúng mà tự mình chính đính thì còn ai dám ăn ở bất chính?"

*

17. Ông Quí Khương tử lo rầu, vì ở nước Lỗ có rất nhiều kẻ trộm, bèn đến hỏi đức Khổng tử *về cách làm cho dứt nạn ăn trộm.* Đức Khổng tử đáp rằng: "Ở *trên, nhà cầm quyền giữ đức thanh liêm thì ở dưới, dân chúng sẽ cảm hóa mà trở nên trong sạch.* Nay ông là nhà cầm quyền bá tánh, nếu ông chẳng có lòng tham dục, dẫu cho

thưởng họ, họ cũng không đi ăn trộm."

*

18. Ông Quí Khương tử hỏi đức Khổng tử về cách cai trị, rằng: "Tôi muốn ra lệnh giết mấy đứa độc ác đặng cho bá tánh *sợ mà* ăn ở lương thiện, ngài nghĩ có nên chăng?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Ông muốn cai trị, cần chi phải dùng sự chém giết? Nếu tự ông muốn làm thiện, thì dân chúng sẽ trở nên thiện hết cả. *Nầy,* đức vị của người quân tử *tức là nhà cầm quyền* tỷ như gió; địa vị của kẻ tiểu nhơn *tức là dân chúng* tỷ như cỏ. Gió thổi qua thì cỏ rạp xuống."

(Mỗi khi gió thổi, thì những ngọn cỏ nghiêng theo chiều gió; cũng như thế, nhà cầm quyền có lòng nhân, thi thố phép chính trị tốt, thì dân chúng bắt chước theo mà ăn ở nhân hậu, tốt lành.)

*

19. Ông Tử Trương hỏi rằng: "Người học đạo, phải làm thế nào mới đáng gọi là đạt?" Đức Khổng tử hỏi lại rằng: "Ngươi bảo đạt là ra thế nào?" Tử Trương đáp: "Trong nước thì được tiếng khen, mà trong nhà cũng được tiếng khen." Đức Khổng cải rằng: "Như vậy kêu là văn *(được tiếng khen, có danh tiếng),* chớ chẳng phải là đạt. Nầy, người đạt thì chơn chất ngay thẳng mà ưa việc nghĩa; *đối diện vớt người thì* gióng lời ăn tiếng nói và xem xét sắc mặc của họ mà *hiểu tâm ý của họ;* biết liệu thế để nhường nhịn người. Người như vậy thì thông đạt trong nước mà cũng trót lọt nơi nhà nữa. Còn người văn thì ngoài mặt chỉ giữ đều nhân, nhưng hành động lại trái đều nhân; thế mà vẫn quyết định rằng mình là người nhân. Người như vậy, trong nước thì được tiếng khen, mà trong nhà cũng được tiếng khen.

(Người có danh tiếng (văn) cần phải học tập, tu thân thêm mới tấn lên mức đạt, như chơn chất ngay thật, hiểu người và ăn ở theo đạo nhân.)

*

20. Ông Phàn Trì *đệ tử của đức Khổng,* theo ngài dạo chơi dưới đàn Vũ vu ở *nước Lỗ, nhân* hỏi ngài rằng: "Dám hỏi Thầy về cách tôn sùng đức tánh, sửa trị đều lỗi và biết rõ mối lầm." Đức Khổng đáp rằng: "Phải thay câu hỏi ấy! Trước hết, mình phải làm đều lành; rồi sau mới nói rằng mình được đều lành; đó chẳng phải là cách tôn sùng đức tánh sao? Mình phải công phá đều lỗi của mình, chứ đừng công phá đều lỗi của người; đó chẳng phải là cách sửa trị đều lỗi sao? Trong một lúc giận cùn, mình làm hại thân mình, lại làm hại luôn đến cha mẹ nữa; đó chẳng phải là lầm sao? *Vậy cần phải biết rõ mối lầm ấy đặng xa lánh."*

*

21. Ông Phàn Trì hỏi về đức nhân. Đức Khổng đáp: "Nhân là thương người." Hỏi về trí. Ngài đáp: "Trí là biết người." Ông Phan Trì chưa hiểu thấu. Đức Khổng giải rằng:

"Cử người chính trực, bỏ kẻ cong vạy; *với phương pháp ấy,* người ta có thể khiến kẻ cong vạy hóa ra chính trực" Ông Phan Trì lui ra, đến viếng ông Tử Hạ, nói rằng: "Trước đây, tôi có viếng Thầy mà hỏi về trí. Thầy đáp: cử người chính trực, bỏ kẻ cong vạy; *với phương pháp ấy,* người ta có thể khiến kẻ cong vạy hóa ra chính trực. – Thầy nói vậy có ý nghĩa gì?" Ông Tử Hạ đáp rằng: "Lời nói ấy nghĩa lý rộng thay! Kìa vua Thuấn (*2.255-2.205 trước Dương lịch)* khi có thiên hạ tức là ở ngôi Thiên tử, thì ngài tuyển chọn trong dân chúng, cử dùng ông Cao Dao; những kẻ bất nhân đều tránh xa. Kế vua Thành Thang *(1.766-1.753 trước Dương lịch)* khi lên ngôi Thiên tử, thì ngài tuyển chọn trong dân chúng, cử dùng ông Y Doãn; những kẻ bất nhân đều tránh xa."

(Đó là phép cai trị của bực quốc trưởng, vừa có đức nhân, vừa có trí sáng. Bởi có đức nhân, thương dân cho nên mới cử dùng người hiền lương, chính trực giúp mình mà trị nước, đem sự phúc hậu lại cho dân. Bởi có trí, biết phân biệt kẻ chính, người tà, nên bỏ kẻ tà mà lựa người chính, khiến ai nấy đều quay về nẻo chính, đường lành.)

*

22. Ông Tử Cống hỏi về tình bậu bạn. Đức Khổng đáp rằng: *"Như bạn có lỗi,* mình nên hết lời can gián, mà phải nói một cách khéo léo dịu ngọt. Như bạn không nghe, thì mình nên thôi, đừng nói dai mà mang nhục."

*

23. Ông Tăng tử nói rằng: "Người quân tử nhờ văn chương học vấn mà hội hiệp bằng hữu, và nhờ bằng hữu giúp sức mà tấn lên đức nhân."

(Những người mộ văn chương, đạo lý thường đi lại với nhau, nhơn đó mà trở nên bậu bạn. Đã là bạn lành với nhau, thì khuyến khích nhau, tương trợ nhau, cùng nhau càng ngày càng tấn đức.)

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN BẢY

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BA: TỬ LỘ

(Chương nầy có tất cả 30 tiết dưới đây.)

1. Ông Tử Lộ hỏi về cách cai trị. Đức Khổng đáp rằng: "*Nhà cầm quyền* tự mình nên làm lành làm phải trước *đặng làm gương cho dân;* và *nhà cầm quyền* phải chịu khó mà lo liệu giúp đỡ cho dân." *Ông Tử Lộ* xin *đức Khổng* giải thêm. Ngài nói rằng: *"Cứ giữ làm hai đều ấy cho siêng cần,* chẳng biết mệt mỏi thì đủ."

*

2. Ông Trọng Cung làm quan tể cho họ Quí, hỏi về cách cai trị. Đức Khổng dạy rằng: "*Nhà cầm quyền nên thi hành ba việc nầy:* 1. Trước hết nên phân phát công việc cho các vị hữu tư, *tức là những quan chức phụ thuộc với mình, họ làm xong thì mình xem xét lại*; 2. những ai phạm lỗi nhỏ thì dung thứ cho họ; 3. cử dùng những người hiền đức và tài cán." Ông Trọng Cung hỏi tiếp rằng: "Làm sao biết được những người hiền đức và tài cán mà cử dùng?" Đức Khổng đáp: "Những người mà ngươi biết, hãy cử dùng trước đi. Còn những người mà ngươi không biết, người ta há bỏ mà chẳng chỉ cho sao?"

*

3. Ông Tử Lộ hỏi rằng: "Nếu vua nước Vệ đợi Thầy về đặng giúp ngài cai trị, Thầy sẽ làm gì trước hết?" Đức Khổng đáp: "Ắt là ta sẽ làm cho ra chính danh chính phận." Tử Lộ lại nói: "Có vậy sao? Thầy nói vu khoát đó. Lẽ gì chỉ sửa cho chính danh chính phận thôi sao?" Đức Khổng giải rằng: "Trò Do *(Tử Lộ)* quê mùa lắm thay! Người quân tử hễ đều gì chẳng biết thì bỏ qua mà chẳng nói.

Nầy, nếu danh mà chẳng chính, *chẳng hạp nghĩa,* thì lời nói chẳng thuận; lời nói chẳng thuận, thì công việc chẳng thành; công việc chẳng thành, thì lễ tiết và âm nhạc chẳng thạnh vượng, *tức là chẳng có sự kính trọng và niềm hòa khí*; nếu lễ tiết và âm nhạc chẳng thạnh vượng, *tức là người trong nước không biết kính trọng nhau và chẳng có niềm hòa khí,* thì sự hình phạt chẳng đúng phép; nếu sự hình phạt chẳng đúng phép, thì dân biết chỗ nào mà đặt tay chơn.

Cho nên người quân tử, *tức là nhà cầm quyền* xưng danh thì đúng với phận, với nghĩa, đã xưng đúng với danh phận, thì phải tùy theo đó mà làm. Cho nên người quân tử rất dè dặt trong việc xưng danh gọi phận."

(Đức Khổng từ nước Sở mà đến nước Vệ. Ngài chẳng có ý giúp vua nước Vệ, vì vua ấy đánh với cha. Song nếu ngài dự vào cuộc chính trị, ắt ngài phải cải cách, làm cho

cha ra cha, con ra con v.v.. mới được.

Số là thế tử nước Vệ, Khoái Quí hổ thẹn vị mẹ mình là Nam tử có tánh dâm loạn, bèn định giết mẹ. Công việc ấy chẳng thành, cha là vua Linh công bèn đày Khoái Quí và tước chức thế tử. Vua Linh công định lập công tử Dĩnh làm thế tử. Công tử Dĩnh chẳng nhận. Vua Linh công thác, nàng Nam tử tôn Dĩnh lên ngôi. Công tử Dĩnh cũng từ. Nam tử bèn tôn công tử Triếp là con của Khoái Quí, là muốn dùng Triếp chống cự với Cha. Khoái Quí đem binh về đòi ngôi, Triếp tranh cự. Lúc ấy, Triếp làm vua nước Vệ. Nếu đức Khổng tử được lãnh quyền cai trị, ngài sẽ thương thuyết với Thiên tử và các vua mà đặt công tử Dĩnh lên ngôi. Thế là danh thuận. Rồi con chẳng còn nghịch với mẹ, cha chẳng còn tranh với con. Ngay từ bực trên, danh phận đã chính thì trong nước làm sao chẳng được yên? Cho nên trước hết ngài làm cho chính danh là phải.)

*

4. Ông Phàn Trì xin đức Khổng dạy nghề làm ruộng. Ngài đáp rằng: "Ta chẳng như lão nông phu *rành việc cày cấy*." Ông Phàn Trì xin dạy cách trồng cây. Ngài đáp: "Ta chẳng như lão làm vườn *quen nghề trồng trọt.*" Khi Phàn Trì ra rồi, đức Khổng trách rằng: "Gã Phàn Tu *(Phàn Trì)* chí khí nhỏ hẹp lắm thay! Nầy, nếu người bề trên chuộng lễ, thì dân chẳng dám bỏ niềm cung kính. Nếu người bề trên háo nghĩa, thì dân chẳng bội lẽ công chính. Nếu người bề trên biết tín thật, thì dân chẳng dám sai ngoa trong tình giao ước. Nếu nhà cầm quyền *ở đủ lễ, nghĩa, tín* như vậy, thì dân chúng từ bốn phương xa sẽ đai con đến *để phục dịch mình.* Cần chi phải học nghề cày cấy?"

*

5. Đức Khổng tử nói rằng: "Như có ai đã đọc thuộc hết ba trăm thiên trong kinh Thi, được *bực quốc trưởng* trao quyền hành chính cho mình, nhưng cai trị chẳng xuôi; được phái đi sứ đến các nước ở bốn phương, nhưng tự mình chẳng có tài ứng đối; người ấy đâu học nhiều, nhưng có biết dùng tài học của mình chăng?"

(Trước học, sau hành; đó là mục đích của nhà Nho. Nhứt là người học Kinh Thi, thì rành việc tề gia trị quốc; thế mà chẳng biết dùng sở học mình trong khi thay mặt bực quốc trưởng về nội trị hoặc về ngoại giao, thì tài học của mình có ích gì?)

*

6. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu *nhà cầm quyền* tự mình giữ theo chính đạo, chẳng đợi ra lịnh, dân cũng ăn ở trúng phép; còn như tự mình chẳng giữ theo chính đạo, dẫu mình có ra lệnh buộc dân theo, họ cũng không theo."

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Chính sự nước Lỗ và nước Vệ giống nhau như anh em."

(Hồi đời đức Khổng, tình hình chính trị ở nước Lỗ và nước Vệ suy loạn như nhau. Vua nước Lỗ và vua nước Vệ cũng do một gốc mà ra: hồi nhà Châu mới dựng lên, ông Châu công lãnh phần cai trị nước Lỗ, ông Khương Thúc, lãnh phần cai trị nước Vệ, hai ông ấy là anh em ruột.)

*

8. Đức Khổng khen công tử Kinh, đại phu nước Vệ là người lúc nào cũng vui về gia thế mình. Lúc ông mới có chút đỉnh, ông nói rằng: "Ta thâu góp như vậy cũng đủ dùng." Kế ông được khá thêm, ông nói rằng: "Như vậy cũng đầy đủ rồi." Sau ông trở nên giàu, ông nói rằng: "Như vầy cũng khá tốt rồi."

*

9. Đức Khổng tử đến nước Vệ, ông Nhiễm Hữu đánh xe hầu ngài. Đức Khổng khen rằng: "Dân nước Vệ đông thay!" Ông Nhiễm Hữu hỏi: "Dân đã đông, nhà cầm quyền phải làm gì cho họ nhờ?" Đáp: "Phải giúp cho họ giàu có." Hỏi: "Họ đã giàu có rồi, nhà cầm quyền phải làm gì nữa cho họ nhờ?" Đáp: "Phải giáo hóa họ."

(Đó là ba phương pháp liên tiếp mà nhà cai trị nên dùng: trước, nên mở mang y tế và vệ sinh, đặng giúp cho dân số trở nên đông. Kế, nên mở mang kinh tế (canh nông, thương mãi, kỷ nghệ) trong nước cho dân no đủ giàu có. Sau, mở mang sự giáo dục và văn hóa để dạy dân, khiến họ có học thức, biết lễ, nghĩa, liêm, sỉ.)

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu *có bực quốc trưởng* dùng ta trong việc cai trị, trong một năm, ta sắp đặt qui mô đã khá rồi; được ba năm, *chính sách* ta sẽ thành tựu hoàn toàn."

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: "*Cổ ngữ có câu*: nếu bực thiện nhơn nối nhau mà trị nước được trăm năm, thì đủ khiến những kẻ tàn bạo hóa ra hiền lương và chính phủ chẳng dùng đến phép xử giết nữa. – Lời ấy thành thật lắm thay!"

*

12. Đức Khổng tử nói rằng: "Như có bực Thánh nhơn vâng mạng Trời mà cai trị thiên hạ, thì sau ba chục năm, nền nhân chính phổ cập khắp cả."

*

13. Đức Khổng tử nói rằng: "Như người nào đã sửa trị lấy mình, thì đứng ra cai trị có khó gì? Nhược bằng mình chẳng có thể sửa trị lấy mình, làm sao cai trị nhơn dân cho được?"

*

14. Ông Nhiễm Hữu *làm gia thần cho họ Quí,* từ nơi tư triều lui về. Đức Khổng tử hỏi rằng: «Tại sao trò về trễ vậy?" Nhiễm Hữu đáp: "Tại mắc bàn về chính sự." Đức Khổng nói: "Đó chỉ là gia sự của họ Quí mà thôi. Nếu hẳn là chính sự trong nước, tuy ngày nay ta chẳng còn làm quan, chớ vua cũng mời ta đến dự nghe."

(Từ khi đức Khổng bỏ chức Trủng tể (Thủ tướng) nước Lỗ mà đi châu du, thì quyền vua càng ngày càng suy, như họ Quí làm quan đại phu mà lấn quyền vua, lập triều đình nơi dinh mình, bàn việc quốc sự với gia thần, chớ chẳng mời các quan tân cựu.)

*

15. Vua Định công *Nước Lỗ* hỏi rằng: "Một lời nói có thể làm cho hưng thạnh Quốc gia, có chăng?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Một lời nói không có được sức mạnh lẹ làng đến thế. Nhưng người đời thường nói câu nầy: Làm vua khó, làm quan chẳng phải dễ. - Như biết rằng làm vua khó, *thì vua phải chịu khó mà sửa nền chính trị của mình hầu đem sự hạnh phúc lại cho dân,* như vậy một lời nói há không có sức đưa đến cảnh hưng thạnh Quốc gia sao?"

Vua Định công lại hỏi rằng: "Một lời nói có thể làm cho mất nước chăng?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Một lời nói không có được sức mạnh lẹ làng đến thế. Nhưng người đời thường nói câu nầy: Ta không vui mà được làm vua, nhưng miễn ta nói ra mà đừng ai cãi thì ta vui vậy. - Như vua phán đều phải, mà chẳng có ai trái nghịch, há không phải sao? Còn như vua nói quấy, mà chẳng có ai dám can ngăn, như vậy một lời nói há không có sức đưa đến cảnh mất nước sao?"

(Nhà cầm quyền nếu biết rằng trị dân là khó, bèn đem hết đức hạnh tài trí mình mà lo cho dân, thì Nước được thạnh vượng. Còn như nhà cầm quyền độc tài, tự quyền ăn nói và hành động, chẳng nghe theo lẽ phải của những người cọng sự với mình, thì tránh không khỏi nạn mất Nước, mất chức vị.)

*

16. Ông Diệp công *(vị tướng công cai trị huyện Diệp, nước Sở)* hỏi về cách cai trị. Đức Khổng tử đáp rằng: "Nhà cai trị cần phải *được lòng dân,* khiến kẻ ở gần *tức là người trong địa phương* vui dạ *mà nương sức che chở của mình,* và khiến kẻ ở xa *tức là người địa phương khác mộ danh tiếng mình mà* kéo nhau đến *làm ăn nơi địa phương mình."*

*

17. Ông Tử Hạ, *đệ tử đức Khổng,* làm quan tể ấp Cử phủ *nước Lỗ,* hỏi về cách cai trị. Đức Khổng đáp rằng: "Đừng muốn cho mau xong; đừng ham món lợi nhỏ. Nếu nhà cai trị muốn cho mau xong, thì công việc thi hành chẳng được châu đáo. Còn ham món lợi nhỏ, thì phải bỏ công việc lớn."

*

18. Ông Diệp công nói với đức Khổng tử rằng: "Ở xóm tôi, có những người giữ phép ngay thẳng rất mực; như cha ăn trộm dê, thì con đứng ra làm chứng khai thật." Đức Khổng nói rằng; "Ở xóm ta, người ngay thẳng cư xử có khác; cha che lỗi cho con, con che lỗi cho cha; tình ngay thẳng vẫn ngụ trong đó vậy."

*

19. Ông Phàn Trì hỏi về đức nhân. Đức Khổng giải rằng: "Khi ở nhà, mình giữ gìn *dung mạo* cho khiêm cung; khi ra làm việc, mình thi hành một cách kính cẩn; khi giao thiệp với người, mình giữ dạ trung thành. Dẫu có đi đến các đoàn rợ phương Đông và phương Bắc, mình cũng chẳng bỏ *ba cái hạnh cung, kính và trung ấy; như vậy là người có đức nhân."*

(Ở tiết 21, chương 12 (Nhan Uyên), ông Phàn Trì có hỏi về đức nhân và đức trí. Đức Khổng đáp: Nhân là thương người; trí là biết người.)

*

20. Ông Tử Cống hỏi rằng: "Phải làm thế nào mới đáng gọi là kẻ sĩ, *tức là người học Đạo, đọc sách Thánh hiền?"* Đức Khổng tử đáp rằng: "Trong mọi cử chỉ và hành động của mình, phải biết sỉ hổ, *đặng tránh những việc trái lễ nghĩa;* khi đi sứ đến các nước trong bốn phương, đừng làm nhục cái mạng lệnh mà vua giao phó cho mình; như vây có thể gọi là kẻ sĩ đó."

Ông Tử Cống hỏi tiếp: "Kẻ sĩ bực kế ra thế nào?" Đáp: "Ấy là người mà họ hàng khen là thảo cha, làng xóm khen là thuận anh"

Tử Cống hỏi nữa: "Dám hỏi kẻ sĩ bực thứ ba." *Đức Khổng* đáp: "Người nói ra thì giữ lời, làm việc thì quả quyết, tuy là người sang sác chấp nhứt, nhưng cũng có thể sắp vào bực thứ ba đó."

Tử Cống hỏi thêm: "Đời nay, những vị *có học ra* làm quan cai trị, Thầy nghĩ họ ra thế nào?" Đức Khổng than rằng: "Ôi thôi! *Độ lượng* họ nhỏ hẹp như cái đấu, cái sao! Sá kể gì hạng người ấy?"

(Đẩu (đấu) là đồ đong lường, bằng mười thăng (lít). Sao cũng là đồ đong lường bằng mười hai thăng).

*

21. Đức Khổng tử nói rằng: "Đành rằng ta chẳng được hạng người đạt đến mức trung dung đặng ta truyền Đạo, nhưng trong các đệ tử ta, ta có được *hai hạng nầy: 1.* hạng cuồng *tức là hạng người có chí cao thượng, tuy chẳng đạt chí nguyện, chớ chẳng bỏ dở công việc; 2.* hạng quyến *tức là hạng người có tiết tháo trong sạch.* Người cuồng thì có sức tấn thủ trên đường đạo lý; người quyến thì *giữ bền khí tiết*; chuyện chẳng hạp nghĩa thì chẳng làm."

*

22. Đức Khổng tử nói rằng: "Người phương Nam thường nói câu nầy: "Con người ta mà chẳng có lòng hằng, dẫu muốn làm thầy cúng hay thầy thuốc cũng chẳng làm được." *Câu tục ngữ ấy* phải thay!" *Trong kinh Dịch, về quẻ Hằng, có hai câu nầy:* Nếu chẳng có cái đức Hằng *(thường),* - Thì phải bị chúng chê cười. Đức Khổng tử nói: "Tại người ta không chiêm nghiệm lời ấy mà thôi!"

*

23. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử *giao tiếp với người thì* giữ niềm hòa lạc, nhưng chẳng đồng tình trong việc quấy; kẻ tiểu nhơn *giao tiếp rới người thì* đồng tình trong việc quấy, nhưng chẳng giữ niềm hòa lạc."

*

24. Ông Tử Cống hỏi rằng: "Người mà trong làng ai nấy đều ưa, thì người ấy ra thế nào?" Đức Khổng đáp: "Chưa đủ tin là người thiện." - "Người mà trong làng ai nấy đều ghét, thì người ấy ra thế nào?" Đức Khổng đáp: "Chưa đủ tin là người ác. Chẳng bằng *xem như thế nầy*: người nào mà các bực lương thiện trong làng đều ưa, và những kẻ độc ác trong làng đều ghét, người ấy mới đáng tin là người thiện vậy."

*

25. Đức Khổng tử nói rằng: "Đối với người quân tử *tức là người có đức hạnh,* người ta dễ phục sự, nhưng khó làm đẹp lòng. Là vì muốn làm đẹp lòng người quân tử mà chẳng noi theo chính đạo, thì không thế nào làm đẹp lòng được. Còn người quân tử có dùng kẻ tiếp tay, thì chọn tài sức người vừa với công việc là được.

Đối với kẻ tiểu nhơn *tức là kẻ kém đức,* người ta khó phục sự, nhưng dễ làm đẹp lòng Là vì muốn làm đẹp lòng kẻ tiểu nhơn dẫu chẳng noi theo lẽ phải, thì cũng làm đẹp lòng được. Còn kẻ tiểu nhơn có dùng người để sai khiến, lại cần người hoàn bị mới nghe."

*

26. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử thì dáng mạo thái, nhưng chẳng có vẻ kiêu căng. Kẻ tiểu nhơn thì dáng mạo kiêu căng, nhưng chẳng có vẻ thơ thái."

*

27. Đức Khổng tử nói rằng: "Người cứng cỏi can đảm, kiên tâm quyết chí, chất phác thật thà, ít ăn ít nói thì gần với mức nhân."

*

28. Ông Tử Lộ hỏi rằng: "Phải làm thế nào mới đáng gọi là kẻ sĩ." Đức Khổng đáp: "Phải xử *với người* cho thiết tha hết tình và giữ niềm hòa duyệt, như vậy mới đáng

gọi là kẻ sĩ. Tức là đối với bậu bạn thì tha thiết hết tình, đối với anh em thì giữ niềm hòa duyệt."

(Chẳng phải đọc sách Thánh hiền mà đủ xưng mình là kẻ sĩ; đã học thì phải hành, như ở hết lòng hết dạ với bằng hữu, còn đối với anh em trong nhà thì hòa thuận, mới đáng là kẻ sĩ, đệ tử của Thánh hiền.)

*

29. Đức Khổng tử nói rằng: "Bực thiện nhơn nếu đứng ra huấn luyện dân chúng trong bảy năm, họ sẽ thành những chiến sĩ hoàn toàn vậy."

*

30. Đức Khổng tử nói rằng: "Chẳng huấn luyện dân mà bắt họ đi đánh giặc, đó là đưa binh lính đến chỗ thua chỗ chết mà thôi."

*

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BỐN: HIẾN VẤN

(Chương nầy có tất cả 47 *tiết dưới đây.)*

1. Ông Hiến *(Nguyên Tư) đệ tử của đức Khổng,* hỏi thế nào là xẩu hổ. Đức Khổng đáp: "Lúc nước nhà yên ổn thì *làm qnan mà* ăn lương; rồi đến lúc nước nhà loạn lạc, cũng *làm quan mà* ăn lương; như vậy là xấu hổ."

(Lúc nước nhà thái bình thì chẳng làm nên trò gì, chỉ ngồi cho có vị mà hưởng bổng lộc; đến khi nước nhà điên đảo loạn lạc, lại nương theo thế lực của kẻ đương quyền, chẳng biết giữ tiết tháo của mình; phẩm hạnh của người làm quan như thế thật là đáng hổ.)

*

2. Ông Hiến hỏi rằng: "Ngươi có những tánh: háo thắng, khoe khoang, oán hận, tham dục mà *biết dằn lấy,* chẳng để cho những tánh ấy thổ lộ ra, *người như vậy* có thể gọi là nhân chăng?" Đức Khổng đáp: "*Dằn được những mối tư dục ấy,* có thể gọi là làm được chuyện khó. *Chớ gọi là* nhân, thì ta chẳng biết có nên gọi hay chăng."

*

3. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ sĩ mà mong được ăn ở cho sung sướng, thì chẳng đáng gọi là kẻ sĩ vậy."

(Đã quyết chí học đạo Thánh hiền, thì nên để tâm vào sự tu học, theo đường đạo lý, chớ không nên chú trọng đến cái ăn và cái ở; tức là nên sống về tinh thần hơn về vật chất vậy.)

*

4. Đức Khổng tử nói rằng: "Khi trong nước được thái bình, mình có thể tỏ hết ý kiến mình một cách cao minh và mình ăn ở hành động một cách thanh cao. Khi trong nước phải cơn loạn lạc, mình có thể ăn ở hành động một cách thanh cao, nhưng mình cần phải dè dặt khiêm tốn trong lời nói của mình."

(Lúc nước nhà điên đảo, nảy lên những kẻ chuyên quyền, độc tài, phản loạn, mình chớ nên nói nghịch ý họ mà mang họa. Còn lúc nước nhà yên ổn, có pháp chế phân minh, mình có thể tỏ hết lời nói của mình để giúp ý kiến cho nhà cầm quyền.)

*

5. Đức Khổng tử nói rằng: "Người có đức ắt có tài ngôn ngữ; người có tài ngôn ngữ chưa chắc là có đức. Người có nhân thì có lòng dõng cảm; người dõng mãnh chưa chắc có nhân."

*

6. Ông Nam cung Quát hỏi đức Khổng tử rằng: *"Đời xưa* ngươi Nghệ có tài bắn cung, *bá phát bá trúng;* ngươi Nghiệu *có sức mạnh,* một mình kéo thuyền trên cạn; thế mà cả hai đều chết một cách nguy hiểm. Ông Vũ, ông Tắc tự mình đi cày ruộng, thế mà về sau cả hai đều được thiên hạ. *Theo ý Thầy nghĩ thế nào?"* Đức Phu tử chẳng đáp. Khi ông Nam cung Quát lui ra rồi, đức Khổng nói *với chư đệ tử* rằng: "Người ấy có chí quân tử thay! Người ấy chuộng đức thay!"

(Ông Nam cung Quát (Nam Dung), đệ tử của đức Khổng có ý sánh Nghệ, Nghiệu với bọn cường quyền đương thời; và sánh ông Vũ, ông Tắc với đức Khổng. Bọn cường quyền dẫu có tài có sức, chứ sau cũng mang hại. Còn người có đức thì sau được vinh hoa, hoặc con cháu được hưởng phước về lâu. Như ông Vũ được vua Thuấn truyền ngôi (2.205-2.197 trước Dương lịch); còn ông Hậu Tắc tuy làm quan mà về sau con cháu làm đến bực Thiên tử nhà Châu. Vì ông Nam cung Quát không kể sự giàu trước mắt mà chuộng phước đức về sau, cho nên đức Khổng khen ông là quân tử.)

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử có khi phạm đều bất nhân; chớ chưa từng thấy kẻ tiểu nhơn mà làm được đều nhân."

*

8. Đức Khổng tử nói rằng: "*Làm cha* thương con, muốn cho nó nên người, há không khiến nó chịu khó học tập sao? *Làm quan* trung với bực quốc trưởng, *muốn hết lòng giúp nước, há không đem ý kiến sáng suốt của mình mà tỏ bày với bực quốc trưởng,* há không can gián người sao?"

*

9. Đức Khổng tử nói rằng: "*Khi vua nước Trịnh,* muốn viết thơ *để gởi đến vua các nước láng giềng, thì trước hết* ông Tỳ Thầm làm bản cảo; *kế* ông Thế Thúc tra khảo theo điển sách; *sau đó* quan hành nhơn *(chủ việc tiếp khách)* Tử Vũ sửa san câu văn; *và sau rốt* ông Tử Sản ở Đông lý nhuận sắc cho hoàn mỹ."

(Nhờ bốn vị hiền thần luân phiên lo việc thơ văn, cho nên từ mạng của vua nước Trịnh được hoàn toàn.)

*

10. Có người hỏi *đức Khổng:* "Ông Tử Sản là người thế nào?" Ngài đáp: "Ấy là người ơn của dân." Hỏi về ông Tử Tây. Ngài đáp: "Người ấy! Người ấy!" *(Ngài chẳng muốn bình phẩm.)* Hỏi về ông Quản Trọng. Ngài đáp: "*Ấy là người có công lao to lớn đối với nước Tề, cho đến* vua Tề Hoàn Công lấy ba trăm mẫu đất ấp Biền của họ Bá mà phong cho, làm cho họ Bá phải ăn uống đạm bạc, thế mà trọn đời chẳng thốt ra một lời oán trách Quản Trọng."

(Tử Sản là đại phu nước Trịnh, họ Công tôn, tên Kiều, trong đời làm quan, hay thi ân cho dân – Tử Tây hay công tử Thân, người nước Sở, được tôn lên ngôi, nhưng nhường cho Chiêu vương. Ông khéo cải cách việc chính trị ở nước Sở. Vua Chiêu vương có ý muốn dùng đức Khổng, nhưng ông ngăn cản. - Quản Trọng là tướng tài của nước Tề.)

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: "Giàu có mà không kiêu căng thì còn dễ; chớ nghèo khó mà chẳng sầu oán thì thật là khó."

*

12. Đức Khổng tử nói rằng: "Ngươi Mạnh công Xước *(đại phu nước Lỗ)* nếu làm gia thần cho họ Triệu, họ Ngụy *(quan khanh nước Tấn)*, thì *đức có* thừa; nhưng nếu làm đại phu cho nước Đằng, nước Tiết, thì *tài* chẳng đủ."

(Ấy là người có đức mà kém tài, có thể làm gia thần cho bực đại phu, chớ chưa xứng làm chức đại phu. Ở tiết 13 dưới đây, ông Xước được khen là chẳng tham lam.)

*

13. Ông Tử Lộ hỏi: "Thế nào là bực thành nhơn, *tức là người hoàn toàn?*" Đức Khổng đáp: "Như ai có trí như Tang võ Trọng, thanh Iiêm như Mạnh công Xước, dõng cảm như Trang tử đất Biện, tài nghề như Nhiễm cầu, *đó là về tánh chất, còn* về văn thái thì có thêm lễ để tiết chế, nhạc để điều hòa; *có cả chất và văn như thế mới* đáng gọi là bực thành nhơn."

Đức Khổng lại tiếp rằng: "Những bực thành nhơn đời nay hà tất có đủ các tài đức ấy? Nếu ai thấy món lợi bèn nhớ đến đều nghĩa *mà chàng dám phạm*; thấy thế nguy mà dám hy sanh chẳng tiếc mạng; bình sanh đã giao ước đều gì thì dẫu bao lâu cũng chẳng quên; người như vậy cũng đáng gọi là bực thành nhơn được rồi."

(Tang võ Trọng là đại phu nước Lỗ - Đất Biện là một ấp thuộc nước Lỗ.)

*

14. Đức Khổng hỏi về Công thúc Văn tử *(đại phu nước Vệ)* với *một người nước Vệ là* Công minh Giả rằng: "Thầy ngươi không hay nói, không thích cười, không nhận món chi hết, có phải như vậy chăng?" Công minh Giả đáp rằng: "Ai đồn như vậy là thái quá đó. Thầy tôi nếu phải lúc nói thì mới nói: cho nên người ta nghe chẳng chán. Có vui thầy tôi mới cười: cho nên người ta thấy cười mà chẳng chán. Của phải nghĩa, thầy tôi mới nhận: cho nên người ta thấy nhận mà chẳng chán." *Nghe ngươi Giả khen quá lời,* đức Khổng *chẳng tin, bèn* gạn hỏi rằng: "Thật vậy chăng? Có thật vậy chăng?"

*

15. Đức Khổng tử nói rằng: "Tang võ Trọng chiếm lấy đất Phường *trong nước Lỗ* mà yêu cầu vua nước Lỗ để cho con cháu trong họ mình nối nhau mà cai trị đất ấy. Dẫu cho ông ấy nói rằng mình chẳng hiếp vua, thì ta cũng chẳng tin."

(Tang võ Trọng làm chức đại phu nước Lỗ, được vua nước Lỗ phong ấp Phường cho để hưởng huê lợi. Nhơn có tội với vua nước Lỗ, bèn chạy qua nước Châu 鄹. Kế ông trở lại ấp Phường, phái người đến xin lỗi với vua nước Lỗ và xin vua nước Lỗ lập tự cho dòng họ mình ở đất Phường. Được như vậy, ông sẽ lánh mình đi xứ khác. Trong lời cầu xin ấy có ý nầy: nếu vua nước Lỗ chẳng thuận, thì ông sẽ chống cự. Cử chỉ ấy tức là hiếp vua.)

*

16. Đức Khổng tử nói rằng: "Vua Văn công nước Tấn thì xảo quyệt mà chẳng chính đại; vua Hoàn công nước Tề thì chính đại và chẳng xảo quyệt."

(Trong đời Xuân thu, có Ngũ bá: 1. Tề hoàn công, 2. Tống Tương công, 3. Tấn Văn công, 4. Tần Mục công, 5. Sở Trang công. Trong năm vị bá ấy, Tấn Văn công thì mưu xảo và bất chính, Tề Hoàn công thì chính đại và không xảo quyệt.)

*

17. Ông Tử Lộ hỏi rằng: "Vua Hoàn công *nước Tề* giết *em mình là* công tử Củ, *vì ông nầy tranh quyền với ông. Bề tôi của công tử Củ có Thiệu Hốt và Quản Trọng:* Thiệu Hốt tự tử theo chúa; còn Quản Trọng *đã* chẳng chết theo, *về sau lại còn làm tể tướng giúp Hoàn công nữa.* Như vậy sao đáng gọi là nhân.

Đức Khổng đáp: "Vua Hoàn công tổng hợp các nước chư hầu, *làm nên nghiệp bá* mà không gây nạn chiến tranh, ấy nhờ tài sức của Quản Trọng đó. Người *cứu dân cứu nước* như Quản Trọng chẳng đáng gọi là nhân sao? Người ấy chẳng đáng gọi là nhân sao?"

*

18. Ông Tử Cống nói rằng: "Quản Trọng chẳng phải là người nhân chớ gì? *Chúa mình là* công tử Củ bị vua Hoàn công giết, Quản Trọng chẳng có gan dạ chết theo, lại đi làm tướng giúp Hoàn công." Đức Khổng giải rằng: "Quản Trọng làm tể tướng cho Hoàn công, giúp cho Hoàn công làm bá chủ các nước chư hầu. Chính nhờ tài cai trị của người mà thiên hạ đổi loạn ra trị; cho đến nay dân chúng còn hưởng ân đức của người. Nếu chẳng có Quản Trọng thì chúng ta phải gióc tóc và vắt vạt áo bên tả *như người man di*. Há như kẻ nam nữ thường tình vì tấm lòng trung nhỏ hẹp mà tự treo cổ bên ngòi lạch, thành ra đời chẳng ai biết mình sao?"

*

19. Ông đại phu Soạn hồi còn làm gia thần cho ông Công thúc Văn tử, *đại phu* nước

Vệ, được đi ngang hàng với ông Văn tử khi lên công triều; *ấy là ông Văn tử chuộng người hiền*. Nghe được chuyện ấy, đức Khổng khen *Văn tử* rằng: "Hèn chi người ta đặt thụy hiệu ông ấy là Văn cũng phải."

*

20. Đức Khổng tử chê vua Linh công nước Vệ là người vô đạo. Ông Quí Khương tử, *đại phu nước Lỗ* bèn hỏi ngài rằng: "Đã như vậy, sao không mất nước?" Đức Khổng tử đáp rằng: *"*Tuy ông ấy vô đạo, nhưng *biết dùng người hiền tài: như dùng* Trọng thúc Ngữ lo việc tiếp rước tân khách *tức chủ việc ngoại giao, dùng* Chúc Đà lo việc lễ tế nơi nhà tông miếu, *dùng* Vương tôn giả trị việc quân lữ. *Đã biết dùng người hiền tài giúp sức mình* như vậy, làm sao lại mất nước, *mất ngôi?*

*

21. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ nào nói khoe mà chẳng biết thẹn, thì khó mà làm được theo lời nói của mình."

*

22. Trần thành tử, *đại phu nước Tề,* giết *vua mình là* Giản công. Đức Khổng tử tắm gội, vào triều, tâu với vua Ai công *nước Lỗ* rằng: "Trần Hằng *(tên của Trần thành tử)* giết vua mình, xin *Chúa thượng nhơn lệnh Thiên tử, xuất binh* hỏi tội va." Vua Ai công nói rằng: "Khanh nên đến cho ba nhà đại phu hay đi." Đức Khổng tử nói một mình rằng: "Ta *tuy hết làm quan,* vẫn còn hàng đại phu, *nghe biết tội lớn ấy,* chẳng dám bỏ qua mà chẳng tâu *lên vua.* Nay vua lại dạy ta đến cho ba nhà đại phu hay." Ngài bèn đến bàn với ba nhà đại phu. Thảy đều chẳng tán thành ý kiến của ngài. Đức Khổng tử nói một mình rằng: "Bỡi ta có hàng đại phu, nên chẳng dám bỏ qua mà chẳng cho hay vậy."

(Trần thành tử giết vua Giản công nước Tề vào năm thứ 14 đời vua Ai công nước Lỗ, lúc ấy đức Khổng thôi làm quan. Nhưng thấy sự loạn ấy, ngài đến cho vua Ai công hay. Mà vua Ai công lúc ấy làm vua có vị mà thôi, quyền thế và binh lực đều thuộc về tay ba nhà đại phu họ Mạnh tôn, họ Thúc tôn và họ Quí tôn. Vua chẳng có thể tự mình phát binh phạt tội Trần thành tử, nên mới khiến đức Khổng đến bàn với ba nhà đại phu. Nhưng ba họ nầy cũng bọn lấn quyền vua, tự nhiên họ chẳng nghe theo lời phải của đức Khổng.)

*

23. Ông Tử Lộ hỏi về đạo thờ vua. Đức Khổng đáp rằng: *"Làm tôi phải hết lòng thành thật*: chớ dối gạt vua; *như vua lầm lạc thì phải can gián,* đừng sợ mếch lòng."

*

24. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử thì tấn lên mức cao; kẻ tiểu nhơn chỉ giữ

được bực thấp mà thôi."

(Nói về đạo, người quân tử hằng tu học, cho nên trí đức càng ngày cao; kẻ tiểu nhơn lười biếng, cho nên chẳng tấn bộ. Nói về đời, người quân tử lập công nghiệp noi theo đạo đức, cho nên địa vị được cao, mà kết quả cũng lớn; còn kẻ tiểu nhơn hành động theo tư dục, cho nên địa vị kém thấp mà kết quả của công việc cũng tầm thường.)

*

25. Đức Khổng tử nói rằng: "Người đời xưa vì mình mà học đạo; người đời nay vì người mà học đạo."

(Mục đích của học giả đời xưa là học rộng để sửa mình; mục đích của học giả đời nay là mong học cho giỏi để có danh tiếng và chức phận.)

*

26. Ông Cừ bá Ngọc phái sứ đến viếng đức Khổng. Ngài *trọng tình Cừ bá Ngọc nên* mời sứ giả ngồi, ngài hỏi thăm rằng: "Thầy ngươi ở nhà làm gì?" Đáp: "Thầy tôi *hằng ngày* muốn bớt lần những đều lầm lỗi của mình, nhưng sức chưa làm được." Khi sứ giả ra đi rồi, đức Khổng khen rằng: "Sứ giả khôn khéo thay! Sứ giả khôn khéo thay!"

(Đức Khổng tử khi bỏ nước Lỗ mà qua nước Vệ, từng ở trọ nhà quan đại phu Cừ bá Ngọc. Đến chừng ngài trở về nước Lỗ, ông Cừ bá Ngọc nhớ, nên phái sứ đến thăm ngài. Cừ bá Ngọc vốn là người hiền, thường hay xét mình mà sửa lỗi, cho nên sứ giả cứ đem điều thật mà thưa, làm cho đức Khổng rất đẹp lòng.)

*

27. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu mình chẳng có chức vị trong một xứ, thì chẳng cần mưu tính chính sự của xứ ấy."

(Tiết nầy trùng với tiết 15, chương thứ tám: Thái Bá.)

*

28. Ông Tăng tử nói rằng: "Người quân tử lo tính việc gì, cũng không ra ngoài bổn phận, chức vị của mình."

(Mỗi người nên lo cho tròn phận sự mình, cũng đủ thành quân tử.)

*

29. Đức Khổng tử nói rằng: "Hứa nhiều mà làm ít, người quân tử lấy làm hổ thẹn."

(Phàm người học đạo Thánh hiền phải giữ lời nói và việc làm cho phù hạp nhau.)

*

30. Đức Khổng tử nói rằng: "Đạo quân tử có ba đều, mà ta chẳng làm được một: 1. có

nhân, tức là chẳng lo rầu; 2. có trí, tức là chẳng lầm lạc; 3. có dõng, tức là chẳng sợ sệt." Ông Tử Cống thưa rằng: "Thầy nói khiêm đó thôi."

*

31. Ông Tử Cống ưa so sánh người nầy với người kia, *cho* rằng *người nầy giỏi, người kia dở.* Đức Khổng tử nói rằng: "Trò Tứ *(Tử Cống)* hiền thay! Ta đây *tự xét để sửa mình còn chưa rồi,* có đâu rảnh mà xét người."

*

32. Đức Khổng tử nói rằng: "Chớ lo rằng người ta chẳng biết mình; hãy lo rằng mình chẳng đủ tài đức mà thôi."

(Ở tiết 16, chương thứ nhứt, Học nhi, có câu: Chớ lo người chẳng biết mình; hãy lo mình chẳng biết người đó thôi.)

*

33. Đức Khổng tử nói rằng: "Mình chẳng dự đoán rằng có kẻ gian trá *đến với mình,* mình chẳng liệu trước rằng có kẻ bất tín *đến với mình*; nhưng khi đối diện với hạng người ấy, mình liền biết ngay, *chẳng bị họ lừa dối, bội ước,* như vậy cũng đáng gọi là bực hiền rồi."

*

34. Ngươi Vi sanh Mẫu nói với đức Khổng tử rằng: "Nầy ông Khâu! Sao ông chăm chăm chú chú trong việc giáo hóa người đời lắm vậy? Chắc là ông dùng tài nói khéo *mà làm cho người ta mê theo ông* chớ gì?" Đức Khổng tử đáp rằng: "Chẳng phải ta dám dùng tài nói khéo; nhưng ta ghét đứa cố chấp *bất thông."*

*

35. Đức Khổng tử nói rằng: "Người ta gọi con ngựa ký (*ngựa tốt*), chẳng phải người ta khen sức mạnh của nó, mà chính người ta khen cái đức *tuần lương* của nó *biết tùng phục ý người."*

(Cũng như thế, người ta được khen là quân tử chẳng phải vì tài, mà vì đức vậy.)

*

36. Có người hỏi rằng: "Như người ta cố oán mà hảm hại mình, mình đem ân đức mà báo đáp lại, sự ấy có nên chăng?" Đức Khổng đáp rằng: "Còn như người ta đem ân đức mà thi thố với mình, thì mình lấy gì mà báo đáp? Nên lấy sự chính trực mà đáp lại sự oán nghịch, vì nên lấy đều ân đức mà đáp lại đều ân đức."

*

37. Đức Khổng tử than rằng: "Ôi! đời chẳng ai biết ta!" Ông Tử Cống hỏi rằng: "Tại sao Thầy than rằng chẳng ai biết Thầy?" Đức Khổng đáp: "Ta không oán Trời, ta

không trách người. Còn *về đạo lý thì* ta khởi học từ mức thấp để đạt lần lên mức cao. Biết ta chăng, chỉ có Trời?"

(Phàm người đời hễ chẳng hiển đạt thì trở lại oán Trời, vì họ chẳng hiểu Thiên mạng; nếu họ học giỏi mà chẳng được dùng làm quan, thì họ trách người cầm quyền. Còn *về đạo lý hoặc văn chương, thì họ muốn học cho mau thông chớ chẳng chịu tấn lên từng bực. Đức Khổng khác với người về ba chỗ ấy, nên ngài mới nói rằng người đời chẳng biết ngài.)*

*

38. *Một người nước Lỗ là* Công bá Liêu nói gièm ông Tử Lộ với họ Quí tôn *(Lúc ấy Tử Lộ đương làm gia thần cho nhà đại phu họ Quí tôn. Công bá Liêu muốn phá công cuộc giáo hóa của đức Khổng, nên nói xấu ông Tử Lộ* là *đệ tử đức Khổng đương làm quan.)* Ông Tử phục Cảnh ba, *một vị đại phu nước Lỗ,* đem việc ấy thuật lại *với đức Khổng,* nói rằng: "Bởi Công bá Liêu gièm pha cho nên họ Quí tôn có đều nghi hoặc *đối với ông Tử Lộ.* Tôi đây có thế lực đủ làm cho Công bá Liêu phải tội chết, thây bày ra nơi chợ hoặc nơi triều." Đức Khổng nói rằng: "Đạo ta nếu được lưu hành, ấy cũng do nơi Mạng Trời. Đạo ta nếu phải vong phế, ấy cũng do nơi Mạng Trời. Ngươi Công bá Liêu làm sao cải được Mạng Trời?"

(Đời xưa, kẻ bị xử giết, nếu là hàng đại phu sắp lên thì thây bày ra nơi triều để làm gương cho bá quan; nếu là hàng quan sĩ sắp xuống thì thây bày ra nơi chợ để cảnh tỉnh bá tánh.)

*

39. Đức Khổng tử nói rằng: "Người hiền đức đi ẩn dật *có bốn hạng:* 1. cao hơn hết là hạng tỵ thế, *tức là hạng xa lánh thiên hạ, vì thói đời bại hoại,* 2. kế là hạng tỵ địa, *tức là hạng xa lánh đất nước mình phải cơn loạn lạc*; 3. thứ ba là hạng tỵ sắc, *tức là hạng xa lánh những kẻ thiếu lễ mạo;* 4. sau rốt là hạng tỵ ngôn, *tức là hạng xa lánh những kẻ mà lời nói chẳng hạp ý kiến mình."*

*

40. Đức Khổng tử nói rằng: "*Hiện nay ở nước Lỗ* đã có bảy người bỏ đi ẩn dật rồi."

*

41. Ông Tử Lộ *đi theo đức Khổng mà châu lưu liệt quốc, lỡ đường, phải* ngụ đêm ở cửa Thạch môn *nước Tề.* Sáng ra, quan giữ cửa đến *mở cửa cho người ta ra vô,* thấy Tử Lộ bèn hỏi rằng: "Ông nầy từ đâu lại đây?" Tử Lộ đáp: "Từ nơi họ Khổng." Quan giữ cửa *có lẽ là một nhà cao kiến,* mới hỏi rằng: "Có phải ông ấy biết rằng công việc mình làm chẳng hạp thời thế, mà cũng vẫn làm mãi phải chăng?"

*

42. Đức Khổng tử đánh nhạc Khánh ở nước Vệ. Có người *ẩn sĩ* gánh cỏ đi ngang trước cữa ngài, than rằng: "Người đánh Khánh kia có bụng lo đời thay!" Khen xong, người lại chê rằng: "Vụng về thay tiếng sang sác ấy! Đời chẳng ai biết mình. Vậy thì thôi đi cho xong. *(Người hiền phải thời thì ra, chẳng phải thời thì ẩn) Như Kinh Thi có nói rằng:* "Khi qua rạch, nếu nhằm chỗ sâu thì vén áo; nếu gặp chỗ cạn thì xăn quần." *Nghe được mấy lời ấy,* đức Khổng nói rằng: "Kẻ ấy quả quyết gắt gỏng thay! Người chẳng quản về nhơn tâm thế đạo, thì đời sống có khó gì?"

(Trên đây là hai cảnh triết lý: nhà ăn học gánh vác việc đời và nhà thông thái lánh bỏ thói đời.)

*

43. Ông Tử Trương hỏi rằng: "Trong Kinh Thi có chép: Vua Cao tông ra ở nhà Lương am mà chịu tang trong ba năm; trong thời gian ấy, ngài chẳng hề mở lời hỏi về chính sự hoặc ra hiệu lệnh chi cả. – Thầy cho việc ấy ra thế nào?" Đức Khổng đáp rằng: "Đợi chi đến vua Cao tông? Người xưa thảy đều làm như vậy. Khi một vị thiên tử hoằng (thác), *thì vị vua kế ra ở nhà Lương am mà cư tang,* bá quan tóm chức sự mình dưới quyền của vị quan Trủng Tể (Thủ tướng) nhiếp chính trong ba năm."

(Cao tông tức là vua Võ Đinh (1324-1265 trước Dương lịch) đời Thương Ân. Lương am là chòi tranh để ở trong lúc thọ tang ba năm của bực thiên tử.)

*

44. Đức Khổng tử nói rằng: "Nếu người bực trên chuộng lễ nhượng, thì dân chúng cảm hóa theo, mình dễ khiến họ *cư xử theo phép tắc, nghĩa vụ."*

*

45. Ông Tử Lộ hỏi về đạo quân tử. Đức Khổng đáp rằng: "Nên lấy lòng kính trọng mà sửa mình." Ông Tử Lộ hỏi tiếp: "Chỉ có thế thôi sao?" Đáp: "Người quân tử tự sửa mình, nhờ đó mà người ta được yên trị" Hỏi nữa: "Chỉ có thế thôi sao?" Đáp: "Người quân tử tự sửa mình, nhờ đó mà trăm họ được yên trị. Sửa mình để yên trị trăm họ, việc ấy chẳng phải dễ, dẫu cho *bực Thánh vương như* vua Nghiêu, vua Thuấn còn làm chẳng hết thay!"

(Sửa mình tức là từ tâm ý, ngôn ngữ cho tới sự hành động bằng thân thể, đừng cho thất lễ kính; dùng thân ngữ ý mà làm quấy càng ít, làm phải càng nhiều. Dẫu làm dân, làm quan, làm bực quốc trưởng nước nhỏ hay nước lớn mà sửa mình để làm gương cho người, cho thiên hạ, tức là giữ đạo quân tử vậy.)

*

46. Nguyên Nhưỡng, một người quen xưa của đức Khổng, ngồi chồm hổm mà đợi ngài. Đức Khổng trách rằng: "Hồi còn nhỏ, ngươi chẳng biết kính thuận hàng huynh

trưởng; lớn lên, người chẳng làm được việc chi đáng khen; đến già, ngươi chẳng chết cho rồi. Một đời như vậy chỉ phá hại thôi.” Ngài bèn lấy gậy mà gõ trên ống chân của Nguyên Nhưỡng.

(Nguyên Nhưỡng lại là người chẳng biết lễ phép; Khi mẹ chết thì vẫn xướng ca chớ chẳng khóc than.)

*

47. Một đứa con trai ở xóm Khuyết đảng được đức Khổng dùng trong việc đi thơ từ và mời thỉnh khách khứa. Có người hỏi ngài rằng: “Gã đồng tử ấy học hỏi có bề tấn ích lắm sao?” Đức Khổng đáp: “Ta thấy nó *chưa biết lễ*: ngồi thì ngồi nơi chỗ của người lớn; đi thì đi ngang hàng với bực trưởng thượng. Gã ấy chẳng muốn tấn lên từng bực, mà muốn cấp tốc thành người. *Cho nên ta sai khiến nó đi đây đi đó để học tập* lễ nghi.”

*

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN TÁM

CHƯƠNG THỨ MƯỜI LĂM: VỆ LINH CÔNG

(Chương nầy có tất cả 41 tiết dưới đây.)

1. Vua Linh công nước Vệ hỏi đức Khổng tử về chiến trận. Ngài đáp rằng: "Việc sắp đặt mâm bàn chén bát đựng đồ cúng tế nơi nhà tông miếu *(tức là lễ nhạc)* thì tôi thường có nghe qua. Còn cuộc sắp đặt quân binh chiến phạt, tôi chưa từng học." Sáng kế, ngài bỏ ra đi.

(Vì ngài chê vua Linh công nước Vệ là vô đạo.)

Ngài *với chư đệ tử* đi đến nước Trần, *bị vây khốn mà* tuyệt lương thực *trong bảy ngày*; những người theo ngài thảy đều đau yếu vì đói, chẳng ai có sức đứng dậy. Ông Tử Lộ, mặt lộ nét giận, vào hầu và thưa rằng: "Bực quân tử *có phước đức* cũng chịu nạn cùng khốn nữa sao?" Đức Khổng đáp: "Bực quân tử có khi phải cùng khốn là lẽ cố nhiên. Còn kẻ tiểu nhơn gặp cùng khốn thì hay làm càn."

*

2. Đức Khổng tử *kêu tên Từ Cống mà* hỏi rằng: "Nầy Tứ! ngươi cho rằng ta nhờ học nhiều mà nhớ hết phải chăng?" *Tử Cống* đáp: "Đúng. Chẳng phải vậy sao? - "Chẳng phải vậy. Ta nhờ để tâm quan sát, bắt một mối mà thông suốt tất cả."

("Nhứt dĩ quán chi" là một môn học cao vi của nhà Nho: người ta bắt từ chỗ gần mà xét tới chỗ xa, từ chỗ hiển mà đạt tới chỗ mật. Nhà học đạo cần phải có tâm bình đẳng, đạt mức trung dung, do một mối mà phăn lần ra, thì có thể bắt từ ngọn mà đi đến gốc. Nhờ quan sát như vậy, nhà đạo hiểu tâm tánh người đời, nguyên do của mỗi hành vi, hiện tượng. Cao hơn nữa, nhà đạo biết ra lẽ bí mật trong võ trụ vậy. - Ở tiết 15, chương thứ tư Lý Nhân đức Khổng có dạy ông Tăng tử rằng: Sâm hồ! Ngô đạo nhứt dĩ quán chi.)

*

3. Đức Khổng *kêu ông Tử Lộ mà* nói rằng: "Nầy Do! hiểu người có đức, thật chẳng mấy người."

(Đức Khổng dạy ông Tử Lộ về đức hạnh, có ý nói rằng: tự mình phải có đức, mình mới nhận ra ai là người có đức. Vì vậy nên người có đức ít ai biết.)

*

4. Đức Khổng tử nói rằng: "Không làm gì mệt nhọc mà thiên hạ được thái bình, đó là vua Thuấn chớ ai? Ngài có làm gì chăng? Ngài chỉ cung kính giữ mình, *ngự trên ngôi*

mà day mặt về hướng Nam thôi."

(Muốn cho nước được yên trị, bực quốc trưởng và các nhà cầm quyền nên giữ đức hạnh, xử tròn bổn phận mình: tự nhiên dân cảm hóa mà ăn ở trong vòng luật pháp, trật tự.)

*

5. Ông Tử Trương hỏi về cách thông hành, *tức là cách cư xử để đi đến đâu cũng được trót lọt và được mọi người tín phục.* Đức Khổng đáp rằng: "Người nào nói lời chi cũng trung thành, tín thật, làm việc chi cũng đốc hậu, kính cẩn, dẫu cho đến xứ thô tục của người miền Nam hay miền Bắc, cũng được thông hành. Còn kẻ nào nói lời chi cũng chẳng trung, chẳng tín, làm việc chi cũng chẳng đốc, chẳng kính, dẫu ở nơi *văn nhã miền* châu thành hay ở hương lý, cũng chẳng được thông hành. Khi đứng, dường như mình thấy cái đức trung tín của lời nói và cái đức đốc kính của việc làm chen nhau trước mặt mình. Khi ngồi xe, mình cũng vẫn thấy đức hạnh ấy dựa trên ách xe. *Tức là lúc nào mình cũng chẳng rời đức hạnh ấy.* Giữ được như vậy thì được thông hành." Ông Tử Trương chép mấy lời dạy *của đức Khổng* vào dây đái của mình, *để thường trông thấy mà chẳng quên."*

*

6. Đức Khổng tử khen rằng: "Ngay thẳng thay quan sử Ngư! Trong khi nước nhà được thái bình, ông vẫn *ngay thẳng* như mũi tên. Trong khi nước nhà phải loạn lạc, ông cũng *vẫn ngay thẳng* như mũi tên.

Quân tử thay ông Cừ bá Ngọc! Lúc nước nhà được thái bình, thì ông làm quan; lúc nước nhà phải cơn loạn lac, thì ông thối lui, đi ẩn dật với thân thế và đạo đức. *Nhờ vậy mà khỏi tai họa."*

(Quan sử Ngư là một bực đại phu nước Vệ. Ông đem lẽ chánh trực mà tỏ bày, song vua chẳng nghe. Ông định đem thi hài của mình mà can vua. Ông bệnh, sắp chết, trối với con rằng: "Lúc ở tại triều, ta tiến cử bực hiền cho mà vua chẳng nghe, lại bổ dùng kẻ dữ. Chừng ta chết, con đừng làm lễ chôn, hãy đem thây ta để nơi công triều phía Bắc." Vua đi điếu, thấy chuyện kỳ dị như vậy, bèn hỏi. Con trai quan sử tâu một cách đau đớn rằng: Cha tôi trối dặn phải làm như vậy." Vua truyền lệnh tẩn liệm trọng hậu. Rồi theo lời của quan sử Ngư, vua cử ông Cừ bá Ngọc mà phế ngươi Di tử Hà. - Ở tiết 26, chương 14, Hiếu vấn, ông Cừ bá Ngọc có phái sứ đến viếng đức Khổng.)

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Đối với người biết nghe *để tu chỉnh,* mà mình chẳng chỉ dạy, thì mình làm thiệt thòi một đời người. Đối với người chẳng biết nghe mà mình chỉ dạy, thì uổng lời nói mà thôi. Người trí chẳng để thiệt thòi một đời người cũng

chẳng để uổng phí lời nói."

(Bực trí giả, nhà đạo đức nên tùy người mà nói; kẻ đương mê dục, trụy lạc, dẫu mình có nói phải, họ cũng chẳng nghe.)

*

8. Đức Khổng tử nói rằng: "Người có chí và người có nhân chẳng vì lẽ bảo tồn sanh mạng mà làm hại đức nhân; hạng người ấy có khi phải tự mình quyên sanh để giữ tròn đức nhân vậy."

(Kẻ chí sĩ, nhân nhơn là hạng người vì chí hướng, vì nghĩa vụ mình mà sống đời, nên chẳng ham sống sợ chết; dẫu có chết mà tiết tháo của mình chẳng mất, người cũng vui lòng.)

*

9. Ông Tử Cống hỏi về đạo làm nhân. Đức Khổng đáp rằng: "Người muốn làm nên món đồ tốt, trước phải sắm khí cụ cho bén, *để giúp mình làm việc. Cũng như thế, người muốn làm nhân, cần có thầy, bạn để tán trợ mình.* Ở trong Nước, mình nên chọn bực đại phu hiền đức mà thờ làm Thầy; và mình nên tầm những kẻ sĩ có lòng nhân mà kết nghĩa bậu bạn."

*

10. Ông Nhan Uyên hỏi về phép trị Nước. Đức Khổng đáp rằng: "*Bực Thiên tử cai trị thiên hạ* nên theo lịch nhà Hạ *(2.205-1.766 trước Dương lịch; lịch ấy lấy đầu tháng giêng làm đầu năm);* nên đi xe nhà Ân *(1.766-1.122 trước Dương lịch; xe nhà Ân chất phác mà bền chắc);* nên đội mũ miện nhà Châu *(đương kim; vì mũ nhà Châu có vẻ thích trung);* còn về nhạc, nên dùng nhạc Thiều của vua Thuấn *(vì nhạc ấy toàn thiện toàn mỹ*). Hãy dẹp bỏ điệu ca nhạc nước Trịnh; hãy đuổi xa kẻ nịnh: âm nhạc nước Trịnh thì khiêu dâm; còn dùng kẻ nịnh thì có hại *cho nước nhà."*

*

11. Đức Khổng nói rằng: "Người không lo xa, ắt phải rầu gần"

(Muốn tránh những sự thiếu thốn, tai nạn bất ngờ, mình nên phòng bị trước; những kẻ bướu bỉnh làm càn, thường gặp những sự buồn rầu, đau đớn.)

*

12. Đức Khổng than rằng: "Thôi thì thôi! Ta chưa thấy ai háo đức bằng háo sắc."

(Xem lại tiết 17, chương thứ 9, Tử hản.)

*

12. Đức Khổng tử nói rằng: "Tang văn Trọng là kẻ ăn trộm chức vị chớ gì? Người ấy biết rõ ông Huệ xứ Liễu hạ là bực hiền, thế mà chẳng tiến cử ông ấy đứng vào triều

với mình."

(Tang văn Trọng làm chức đại phu nước Lỗ, biết người hiền mà chẳng cử thì sao xứng với chức vụ mình? Vì vậy cho nên đức Khổng gọi là kẻ ăn cắp chức vị. Ở tiết 17, *chương thứ* 5, *Công dả Tràng, đức Khổng đã có chê Tang văn Trọng là người mê tín. - Ông Huệ xứ Liễu Hạ, tên Triển Hộ, tự Cầm, làm quan đại phu nước Lỗ, được vua nước Lỗ phong cho ấp Liễu hạ mà hưởng huê lợi. Vì ông rất hiền đức, hay giúp dân, cho nên người ta đặt thụy hiệu ông là Huệ xứ Liễu hạ.)*

*

14. Đức Khổng nói rằng: "*Khi xảy ra việc chẳng phải*, mình nên trách mình một cách đậm đà và trách người qua loa lợt lạt, như vậy người ta chẳng oán giận mình."

*

15. Đức Khổng nói rằng: "Người nào *chẳng ra công tìm tòi, như làm việc chi,* chẳng tự hỏi: tôi phải làm cách gì? tôi phải làm làm sao? - người như vậy, ta cũng chẳng có cách gì mà chỉ bảo cho được."

*

16. Đức Khổng nói rằng: "Những kẻ quần tụ với nhau từ sáng đến chiều, bàn luận những chuyện chẳng có đạo nghĩa và thích làm theo cái khiếu thông minh nhỏ hẹp của mình, những kẻ ấy khó làm nên lắm thay!"

(Những kẻ ấy, nếu là kẻ sĩ, thì chẳng vào được cửa đức, nếu là người thường, thì làm bậy mà mang họa.)

*

17. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử làm việc chi cũng lấy nghĩa làm gốc. Người noi theo lễ tiết mà thi hành, người phát biểu công việc mình bằng đức khiêm tốn, và người thành tựu nhờ lòng tín thật. *Làm một việc mà có đủ những đức tánh: nghĩa, lễ, tốn, tín như vậy,* thật là quân tử thay!"

*

18. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử buồn vì mình không đủ tài đức; chớ chẳng buồn vì người ta chẳng biết mình."

*

19. Đức Khổng nói rằng: "Nếu thác mà chẳng để tiếng khen thì người quân tử rất ghét."

(Người quân tử vừa tu thân vừa làm việc hữu ích cho xã hội, nên sau khi thác, còn được người đời nhắc nhở, ngợi khen. Còn kẻ tiểu nhơn chỉ biết ích mình mà hại người, nên chỉ để lại tiếng xấu mà thôi.)

*

20. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử trông cậy ở mình; kẻ tiểu nhơn trông cậy ở người."

*

21. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử tự chủ lấy mình, nhưng không tranh chấp với ai; hợp quần với người *một cách ôn hòa*, nhưng không theo đảng nầy phái kia."

*

22. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử chẳng vì lời nói *khéo léo, khoe khoang* của một người mà cử dùng người ấy *làm quan*: cũng chẳng vì kẻ *xấu hèn, bất thiện* mà chê bỏ lời nói phải của họ."

*

13. Ông Tử Cống hỏi rằng: "Có một câu *cách ngôn* nào *có ý nghĩa tổng quát*, mà trọn đời, mình có thể làm theo chăng?" Đức Khổng đáp rằng: "Đó là câu *cách ngôn về* lượng thứ chớ gì?

(Thứ nghĩa là mình thương tưởng người như thương tưởng mình.) Câu ấy là: Việc gì mình không muốn, chớ làm cho người.)[1]

(Như những việc: phá hại trộm cướp, dâm loạn, láo xược, say sưa phóng túng, nếu người ta làm cho mình thì mình buồn khổ, vậy mình chớ gia cho người. Ai thi hành đúng theo câu cách ngôn về lượng thứ "kỷ sở bất dục, vật thi ư nhơn", đủ thành người hoàn toàn theo đạo Nho, có đủ Tam cang, Ngũ thường.)

*

25. Đức Khổng nói rằng: "Ta đối với người, có chê ai thái quá hoặc có khen ai thái quá chăng? *Không.* Ta sở dĩ khen người nào là sau khi đã chứng nhận *rằng người ấy đã có làm đều thiện rồi*. Dân ta đời nay cũng là dân đời Tam đại: *Ba triều đại: Hạ, Ân, Châu* lấy phép ngay thẳng mà đối đãi với dân: *phạt người ác và thưởng người thiện một cách công bằng. Cũng như thế, ta biết người nào ác mới chê, hiểu người nào thiện mới khen."*

Đức Khổng nói rằng: "Hồi thuở nhỏ, chính mắt ta còn thấy *hai việc nầy*: Một vị sử quan hành văn, đến đoạn nào mà người phân vân, thì người bỏ qua mà chẳng chép. Một người kia có ngựa, vui lòng cho kẻ khác mượn cỡi. Ngày nay, hạng người như vậy chẳng thấy nữa."

*

---

[1] Có thể dịch như vầy: Tử Cống hỏi rằng: "Có một chữ nào mà trọn đời, mình có thể làm theo chăng?" Đức Khổng tủ đáp: "Có chữ Thứ. Nghĩa là: Việc gì mình không muốn, chớ làm cho người."

26. Đức Khổng nói rằng: "Những lời hoa ngôn xảo ngữ hay làm xáo lộn đức tánh: *nói xấu ra tốt, nói tốt ra xấu."*

Việc nhỏ mà chẳng biết dằn thì làm hư hại đến cuộc sắp đặt lớn lao."

*

27. Đức Khổng nói rằng: "Khi một người nào bị chúng ghét, mình nên quan sát coi *người ấy có thật đáng ghét không.* Khi một người nào được chúng ưa, mình nên quan sát *coi người ấy có thật đáng ưa chăng."*

(Là vì, lắm khi người chánh trực bị bọn tà khúc oán ghét, bỡi phá những mưu chước sâu độc của họ; và thường khi kẻ tà khúc được yêu chuộng, bỡi đồng tình với bọn ác mà kết thành phe đảng nguy hại.)

*

28. Đức Khổng nói rằng: "Người ta có thể mở rộng nền đạo đức *nơi mình;* chẳng phải nền đạo đức mở rộng được người."

(Ở sách Trung dung, chương thứ nhất, có nói: Cái tánh lành tự nhiên của mình phù hạp với Mạng Trời. Noi theo tánh lành tự nhiên ấy tức là Đạo – Vậy Đạo là con đường lành mà mình phải theo, là tánh lành mà mình phải thi hành. Tự mình phải tu dưỡng để mở mang, thành tựu cái Đạo; chớ cái Đạo chẳng có thể tu dưỡng thế cho mình.)

*

29. Đức Khổng nói rằng: "Đã lầm lỗi mà chẳng chịu sửa, như vậy mới thật là lỗi."

*

30. Đức Khổng nói rằng: "Trước đây, ta mảng trầm tư mặc tưởng mà trọn ngày quên ăn, trọn đêm quên ngủ. *Xét ra,* sự ấy không mấy gì có ích cho ta. Chẳng bằng chăm học còn hơn."

*

3. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử chỉ lo đạo chớ chẳng lo ăn. Người cày ruộng *chỉ lo thức ăn,* gặp cơn thất mùa thì phải đói khổ. Còn người quân tử, trong khi học đạo, lại được bổng lộc *dồi dào, vinh diệu. Cho nên* người quân tử chỉ lo đạo mà chẳng lo nghèo."

*

32. Đức Khổng nói rằng: "Mình có đủ trí thức để hiểu đạo trị dân *theo Thánh hiền,* nhưng mình chẳng có đủ lòng nhân để giữ gìn, dẫu mình có được đạo ấy, rồi cũng mất đi.

Mình có đủ trí thức để hiểu đạo trị dân *theo Thánh hiền,* mình có đủ lòng nhân để giữ

gìn, nhưng đến với dân, mình chẳng có dung mao đoan trang, thì dân chẳng kính trọng mình.

Mình có đủ trí thức để hiểu đạo trị dân theo *Thánh hiền,* mình có đủ lòng nhân để giữ gìn, đến với dân, mình có dung mạo đoan trang, nhưng mình chẳng theo lễ tiết mà trị dân, thì mình chưa đáng gọi là nhà cai trị hoàn toàn."

Vậy muốn trở nên nhà cai trị toàn thiện, mình nên có đủ những đức: trí, nhân, trang, lễ."

*

33. Đức Khổng nói rằng: "Không thể do việc nhỏ mà biết tài người quân tử, vì người có thể đảm nhận những trách nhiệm lớn lao. Còn kẻ tiểu nhơn chẳng đủ sức lãnh trách nhiệm lớn, cho nên người ta thấy họ xuất sắc trong công việc nhỏ."

(Nhà cầm quyền nên biết lượng sức người mà giao việc: đối với kẻ kém tài kém đức, nếu phó cho họ trách nhiệm lớn thì họ làm thất bại, mà giao cho họ công việc vừa với sức họ thì họ làm được. Đối với bực tài đức, chớ nên giao công việc vụn vặt, hãy đặt hết sự tin cậy của mình vào họ mà trao cho họ trách nhiệm lớn, ắt họ đảm đương một cách vẹn toàn.)

*

34. Đức Khổng nói rằng: "Đức nhân cần yếu cho dân còn hơn nước và lửa. *Tuy vậy,* ta có thấy người giẫm vào nước, lửa mà phải chết. Chớ ta chưa thấy ai giẫm vào đức nhân mà chết bao giờ."

*

35. Đức Khổng nói rằng: "Người chuyên làm nhân, hễ gặp đều nhân thì vui lòng làm liền, chẳng nhường thầy mình."

*

36. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử kiên cố mà giữ gìn chính đạo, *tức là làm tròn chức vụ mình đối với xã hội và gia đình,* nhưng chẳng có lòng tin tưởng cạn hẹp."

*

37. Đức Khổng nói rằng: "Người quân tử thờ bực quốc trưởng, trước nên làm phận sự mình một cách kính cẩn, sau mới nghĩ tới lương bổng."

*

38. Đức Khổng nói rằng: "Quân tử giáo hóa người, chẳng phân biệt người thiện kẻ ác."

(Dẫu là người ác nhưng bước đến cửa đạo của quân tử, là có bụng làm thiện rồi.

Cho nên quân tử tùy phương tiện mà giáo hóa, để mở thông cái tánh lành sẵn có nơi mọi người. Vậy quân tử chẳng chọn người thiện, kẻ lành, mà bỏ người ác, kẻ chậm.)

*

39. Đức Khổng nói rằng: "Những người khác nhau về đạo lý *ý kiến*, chẳng có thể cùng nhau mưu tính công việc."

(Kẻ chính người tà, kẻ trung người nịnh, kẻ công người tư, những kẻ khác nhau về đảng phái, không thể cọng tác hết tình trong một công vụ.)

*

40. Đức Khổng nói rằng: "Lời nói *không cần trau chuốc, dài nhằng,* miễn triển đạt hết ý tưởng của mình, như vậy là đủ rồi."

*

41. Ông Miện, *người mù,* làm quan đầu bộ nhạc *ở nước Lỗ,* đến viếng đức Khổng. Khi ông sắp bước lên thềm, đức Khổng nói: "Thềm đây." Khi ông đến gần chiếu, đức Khổng nói: "Chiếu đây." Khi mọi người ngồi xong, đức Khổng cho ông biết rằng: "Ông Mỗ ngồi đây; ông Mỗ ngồi đó." Tới chừng ông Miện, quan đầu bộ nhạc đi rồi, ông Tử Trương hỏi đức Khổng: "Đó là phép nói chuyện với quan nhạc sư phải chăng?" Ngài đáp: "Phải như vậy, ta phải nói giúp quan nhạc sư *vì các ổng thường là người mù."*

*

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU: QUÍ THỊ
(Chương này có tất cả 14 tiết dưới đây)

1. Họ Quí tôn, *nhà đại phu quyền thần nước Lỗ,* sắp *cử binh* đánh nước Chuyên du *là một nước nhỏ phụ dung nước Lỗ.* Ông Nhiễm Hữu và ông Quí Lộ *(Tử Lộ) đệ tử đức Khổng, đương làm gia thần cho họ Quí* đến viếng đức Khổng tử và thưa rằng: "Họ Quí sắp gây việc *binh đao* với nước Chuyên du." Đức Khổng tử bèn *quở ông Nhiễm Hữu, vì ông được họ Quí trọng dụng hơn Tử Lộ, ngài* trách rằng: "Cầu! trong việc ấy, ngươi há chẳng có lỗi sao? Nầy! thuở xưa, các vị Tiên vương *nhà Châu từ vua Thành vương (1.115-1.078 trước Dương lịch)* đều chọn nước Chuyên du mà làm nơi tế tự tại núi Đông mông. Vã lại, nước ấy ở trong khu vực nước Lỗ *của chúng ta,* ấy là nước bầy tôi của nền xã tắc ta vậy. Thế thì đánh mà làm gì?"

Nhiễm Hữu đáp: "Đó là thầy Quí tôn tôi muốn vậy. Chớ hai anh em tôi là gia thần đều chẳng muốn." Đức Khổng tử nói rằng: "Cầu! *ngày xưa,* ông Châu Nhâm, *một vị sử quan thường* nói rằng: "Như ai có thể đem hết tài lực mình ra giúp dân, thì nên bước vào hàng các quan. Bằng không thì nên thôi. Nếu vận nước đương nguy biến mà mình chẳng biết giữ gìn, đương nghiêng đổ mà mình chẳng biết phù trợ, thì ai dùng mình làm tướng mà làm gì?" *(Người ra làm quan mà chẳng giúp được cho dân, sao chẳng thôi đi?"* Vã lại, ngươi đổ thừa *cho họ Quí,* là ngươi có lỗi. *Kìa kẻ giữ chuồng mà để cho* con cọp, con bò sổ ra, thì lỗi tại ai? *Lại kẻ coi hộp mà để cho* mu rùa (để bói) và viên ngọc quí phải hư nát từ trong hộp, thì lỗi tại ai."

Nhiễm Hữu biên rằng: "Hiện nay nước Chuyên du thành trì kiên cố, lại ở khít ấp Phí *là tư ấp của họ Quí.* Nếu nay họ Quí chẳng đánh lấy, e đời sau sẽ có sự lo rầu cho con cháu mình." Đức Khổng tử trách rằng: "Cầu! người quân tử rất ghét kẻ có lòng tham, nhưng chẳng nhận lỗi mình, bèn nói lời khác *đặng trưng lẽ phải.* Ta từng nghe rằng: vua chư hầu có nước, quan đại phu có nhà, *hai hạng ấy* chẳng lo sợ cho nước nhà mình ít người, mà lo sợ rằng: *tình hình và phép tắc* chẳng được đồng đều; chẳng lo sợ cho nước nhà mình nghèo khổ, mà lo sợ chẳng được an ninh. Là vì hễ đồng đều thì chẳng nghèo khổ; người hòa thì dân số không ít; có an ninh thì nước nhà không nghiêng ngã. Nầy, bởi lẽ ấy cho nên người phương xa chẳng phục mình, ắt mình phải tu chỉnh văn chương và đức hạnh đặng vời họ đến nước mình. Khi họ đã đến ở nước mình rồi, mình nên làm cho họ hưởng sự an ninh. Hiện nay Do *(Tử Lộ)* và Cầu *(Nhiễm Hữu), hai ngươi* giúp cho họ Quí, mà người phương xa thì chẳng phục, thế mà hai ngươi chẳng biết vời họ đến. Nước Lỗ ta đương phân rẽ, rã rời, thế mà các ngươi chẳng biết giữ gìn cho nguyên vẹn. Các ngươi lại còn toan gây cuộc nội chiến *làm cho người đồng bang chém giết nhau.* Ta e cho họ Quí tôn sẽ gặp sự lo rầu, không phải tại nước Chuyên du, mà ngay trong phòng vách mình vậy."

(Trong tiết này, đức Khổng giảng luận một cách hoạt bát, tỏ ra rằng ngài hay bênh việc việc chánh, mà công kích việc tà, lại tỏ rằng lúc nào ngài cũng yêu đất nước, mộ đại nghĩa.)

*

2. Đức Khổng tử nói rằng: "Khi trong thiên hạ *tức là trong toàn cõi nước Tàu* được thái bình, thì những việc lễ tiết, âm nhạc cùng là những cuộc *hưng binh* sửa phạt *các nước chư hầu* đều gom vào quyền hành của vua Thiên tử xuất phát. Khi trong thiên hạ loạn lạc, những việc lễ tiết, âm nhạc cùng là những cuộc chinh phạt đều do nơi vua chư hầu ra lệnh. Các quyền hành ấy phát ra tự vua chư hầu, thì ít khi giữ được tới mười đời, *trong khoảng thời gian ấy, ắt bị hàng đại phu chiếm đoạt.* Quan đại phu chiếm lấy quyền hành, ít ai giữ được năm đời, *ắt phải vào tay hàng gia thần.* Hàng gia thần của quan đại phu mà nắm lấy vận nước, ít ai giữ được ba đời mà khỏi mất.

Khi trong thiên hạ được thái bình, quyền cai trị chẳng ở trong tay quan đại phu.

Khi trong thiên hạ được thái bình, người thường dân chẳng cần nghị luận việc nước."

*

3. Đức Khổng tử nói rằng: "Các món thuế của nước Lỗ chẳng vào kho thất của vua, *lại lọt vào tay mấy nhà đại phu quyền thế,* đã năm đời vua rồi."

(Vào năm 609 trước Dương lịch, vua Văn công nước Lỗ mất. Công tử Xích được chọn lên ngôi, nhưng bị giết. Các công tử bèn lập ông Tuyên công. Nhưng ông Tuyên công ở ngôi cho có vị, quyền hành do ông Quí Võ tử nắm giữ. Rồi đến những đời vua sau: Thành công, Tương công, Chiêu công, Định công, thì bị họ Quí, họ Thúc và họ Mạnh lấn quyền, thâu thuế của nhà vua vào tư thất mình.

"Tuy trong nước có vua, nhưng chính quyền *nước Lỗ* đã vào tay hàng đại phu được bốn đời rồi."

(Trước hết là ông Quí Võ tử lấn quyền vua, rồi truyền lại cho dòng họ mình: Quí Điện tử, Quí Bình tử, Quí Hoàn tử; tất cả là bốn đời.)

Hàng đại phu chiếm quyền, ít ai giữ được năm đời. Vì vậy cho nên thế lực của ba nhà đại phu *Quí, Thúc, Mệnh* là con cháu của vua Hoàn công, nay đến lúc suy vi."

(Ngay như họ Quí lấn vua đã được bốn đời, đến lúc suy nên gia thần của mình là Dương Hổ đứng ra nắm quyền.)

*

4. Đức Khổng tử nói rằng: "Có ba hạng bằng bữu ích lợi và có ba hạng bằng hữu tổn hại. Bạn ngay thẳng, bạn tín lương, bạn nghe nhiều học rộng: đó là ba hạng bằng hữu có ích lợi *cho mình.* Bạn hay làm bộ làm tịch, bạn khéo chìu chuộng, bạn hay xảo mỵ: đó là ba hạng bằng hữu có tổn hại *cho mình*."

*

5. Đức Khổng tử nói rằng: "Có ba việc ưa thích được lợi ích, và có ba việc ưa thích phải tổn hại. Ưa theo lễ phép và âm nhạc, ưa nhắc nhở đều thiện của người, ưa gần gũi với nhiều bạn hiền: đó là ba việc ưa thích được ích lợi. Ưa kiêu xa dục lạc, ưa chơi bời phóng túng, ưa yến tiệc vui say: đó là ba việc ưa thích phải tổn hại."

*

6. Đức Khổng tử nói rằng: "Khi mình hầu chuyện với người quân tử, *tức là người có địa vị và đức hạnh lớn hơn mình,* mình nên lưu tâm mà tránh ba đều nầy: người chưa kịp hỏi mà mình nói, đó kêu là hốp tốp. Người đã hỏi mà mình không nói, đó kêu là giấu giếm. Mình nói mà không xem sắc diện người, coi người đã để ý nghe mình chưa, đó kêu là mù lòa."

*

7. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử, *tức là người tu học đạo Thánh hiền,* có ba việc nên phòng ngừa lấy mình: Trong lúc đầu xanh tuổi trẻ, khí huyết *đương bồng bột,* chưa yên định, nên phòng ngừa việc nữ sắc. Đến lúc tráng niên, *tức trong khoảng từ ba mươi đến bốn mươi* tuổi, bấy giờ khí huyết đầy đủ mạnh mẽ, nên phòng ngừa việc tranh đấu. Kịp đến lúc tuổi già, khí huyết lần lần suy giảm, nên phòng ngừa việc ký cóp."

*

8. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử có ba đều kính sợ: kính sợ Mạng Trời; kính sợ bực đại nhơn, *tức là người chức phận lớn, đức hạnh cao*; kính sợ lời dạy của Thánh nhơn. Kẻ tiểu nhơn ngu dốt chẳng hiểu Mạng Trời, cho nên chẳng kinh sợ: họ khinh ngạo bực đại nhơn; họ coi rẻ lời dạy của thánh nhơn."

*

9. Đức Khổng tử nói rằng: "Con người sanh ra, tự nhiên biết được Đạo lý, đó là hạng người cao thương. Cần phải học rồi mới biết, đó là hạng thứ hai. Tự mình ám độn, nhưng chịu khó học tập Đạo lý, đó là hạng thứ ba. Đã ám độn mà chẳng chịu khó học tập, đó là hạng người đê hèn vậy."

*

10. Đức Khổng tử nói rằng: "Người quân tử có chín mối xét nét: 1. Khi trông thì để ý đặng thấy cho minh bạch; 2. khi nghe thì lắng tai cho tỏ rõ; 3. sắc mặt thì giữ cho ôn hòa; 4. tướng mạo thì giữ cho khiêm cung; 5. nói ra thì giữ bề trung thật; 6. làm việc thì trọng sự kính cẩn; 7. có đều nghi hoặc thì liệu thế mà hỏi han; 8. khi giận thì nghĩ đến sự hoạn nạn có thể xảy ra; 9. khi thấy mối lợi, liền nhớ đến đều nghĩa."

*

11. Đức Khổng tử nói rằng: "Thấy ai làm lành thì tự mình cố theo; dường như theo chẳng kịp người; thấy ai làm dữ thì tự mình rán tránh, dường như sợ phỏng nước sôi. Hai đều ấy, ta có thấy làm và ta có nghe nói. - Ẩn cư nơi sơn dã để tồn dưỡng cái chí cao khiết của mình; ra làm quan, xử tròn nghĩa vụ để đạt cái đạo của mình. Hai đều ấy, ta vẫn nghe nói mà ta chưa thấy ai làm."

*

12. Vua Cảnh công nước Tề có một ngàn cỗ xe bốn ngựa. *Giàu sang như thế,* nhưng đến ngày chết, dân chẳng thấy có công đức gì mà khen. Ông Bá Di, ông Thúc Tề chết đói ở chơn núi Thủ Dương. *Nghèo khổ như thế* nhưng đến nay dân hãy còn khen ngợi.

("Thật ra, người ta khen không phải vì giàu sang. Mà vì đức hạnh khác đời". Hai câu ấy trong Kinh Thi há chẳng nên dùng để chỉ phẩm hạnh của Cảnh công và của Bá Di, Thúc Tề sao?" (Vua Cảnh công nước Tề là người đương thời với đức Khổng. Ông Bá Di và ông Thúc Tề là người sinh ra trước đức Khổng trên sáu trăm năm. Hai ông đã làm những việc mà đời sau rất khen; trước hết hai ông nhường nhau ngôi vua nước Cô trúc mà đi ẩn dật; kế nghe ông Văn vương có nhân đức lớn, thì bỏ nơi ẩn dật mà ra giúp ông Văn vương. Đến khi con vua Văn vương là Võ vương cầm binh đi đánh vua Trụ, hai ông ra cản đầu ngựa, vì chẳng muốn thấy việc bất nghĩa: chư hầu mà đánh Thiên tử. Cản chẳng được, hai ông vào núi Thủ Dương mà ở và chịu chết đói nơi đó. Danh tiếng của hai ông được ghi vào sử sách. Các nhà Nho trong các đời đều tôn trọng hai ông.)

*

13. Ông Trần Cang *(Tử Cầm) đệ tử của đức Khổng* hỏi ông Bá Ngư *là con của đức Khổng rằng*: "Anh có nghe được đều chi lạ chăng?" Bá Ngư đáp rằng: "Chưa. Một hôm, cha tôi đứng một mình; tôi bước lẹ qua chính đường. Cha tôi hỏi rằng: Con có học kinh Thi chưa? Tôi đáp: Chưa. Cha tôi dạy rằng: Nếu chẳng học Kinh Thi thì chẳng biết cách luận biện với người. Tôi bèn lui xuống mà học Kinh Thi.

Một ngày khác, cha tôi lại đứng một mình; tôi bước lẹ qua chính đường. Cha tôi hỏi rằng: Con có học kinh Lễ Ký chưa? Tôi đáp: Chưa. Cha tôi dạy rằng: Nếu chưa học kinh Lễ Ký thì chẳng biết cách đứng đợt với đời *(chẳng biết giữ vững đức mình.)* Tôi bèn lui xuống mà học kinh Lễ Ký."

Trần Cang lui bước, lấy làm mầng rỡ và nói rằng: "Tôi chỉ hỏi có một đều mà biết được đến ba: *một là* nghe dạy học kinh Thi, *hai là* nghe dặn học kinh Lễ Ký, *ba là* nghe rằng quân tử không hay gần con."

(Quân tử chẳng sống chung chạ với vợ con, hằng lo việc xã hội hơn việc gia đình, người coi con như đệ tử: dạy cho những lẽ chính để tu thân.)

*

14. Một vị vua chư hầu gọi vợ mình là phu nhơn. Bà phu nhơn *khi nói chuyện,* tự xưng là tiểu đồng. Người trong nước gọi bà là phu nhơn của vua; còn gọi vợ vua các nước chư hầu khác là quả tiểu quân. Người các nước đến ở trong nước cũng gọi bà là phu nhơn của vua.

(Vua chư hầu có năm tước từ lớn chí nhỏ: công, hầu, bá, tử, nam. Ấy là những vị có bà con gần với vua Thiên tử, được ngài phong tước và hưởng thuế vụ trong một địa phận; hoặc có công trận lớn với Thiên tử mà được ban tước và kiến đất. Ấy là chế độ "phong kiến", Pháp: Féodalité.)

Lục Vân Tiên:

Di Tề chẳng khứng giúp Châu,

Một mình một núi ai hầu chi ai!

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN CHÍN

CHƯƠNG THỨ MƯỜI BẢY: DƯƠNG HÓA

(Chương này có tất cả 25 tiết dưới đây.)

1. Ngươi Dương Hóa muốn đức Khổng tử đến viếng mình. Nhưng ngài chẳng đến yết kiến. Người *bèn dùng chước để cho ngài đến tư dinh mình, nên* sai gia nhơn đem tặng cho ngài môt con heo con chín. Đức Khổng tử chờ lúc người không có ở nhà, bèn đến mà tỏ lời cảm tạ. Đi nửa đường, ngài gặp Dương Hóa. Người nói rằng: "Hãy lại đây, tôi cùng ông nói chuyện." Dương Hóa hỏi rằng: "Người có của quí mà ôm giấu, để cho nước nhà rối loạn, có đáng gọi là nhân không?" – "Không." *Dương Hóa* hỏi tiếp: "Người muốn ra làm quan, nhưng lần lựa để qua mất cơ hội, có đáng gọi là trí không?" - "Không." *Dương Hóa* nói nữa rằng: "Ngày tháng qua mau, năm chẳng chờ ta." Đức Khổng đáp rằng: "Vâng, tôi cũng sắp sửa đi làm quan vậy."

(Dương Hóa, tức Dương Hổ là gia thần của quan đại phu họ Quí, nhưng chuyên quyền cai trị, có lúc nhốt ông Quí Hoàn tử vào ngục mà tự chuyên quốc chính. Đức Khổng biết là kẻ gian, nên chẳng đến viếng. Cực chẳng đã, ngài phải đến để cám ơn vì của lễ đã tặng cho mình. Nhưng ngài chẳng muốn gặp mặt, chờ Dương Hóa vắng nhà mà đến tạ ơn cho đủ lễ vậy thôi.

Khi đi gặp Dương Hóa, người có ý mời ngài về giúp mình. Song ngài là bực nhân và bực trí, có cọng sự thì giúp bực quốc trưởng minh chánh, chớ chẳng giúp kẻ gian thần.)

*

2. Đức Khổng nói rằng: "Người ta thảy đều gần giống nhau, *vì ai nấy* đều có cái bổn tánh lành; nhưng bởi nhiễm thói quen, nên họ thành ra xa khác nhau."

(Cái bẩm tánh lành ban sơ làm cho người ta gần giống nhau, nhưng vì thói quen, vì nghề nghiệp, kẻ thì giữ được nết lành, kẻ lại nhiễm tánh ác, cho nên họ xa khác nhau. Tỷ dụ: nhà học đạo, kẻ bán cá.

*

3. Đức Khổng nói rằng: "Chỉ có bực thượng trí và kẻ hạ ngu là không đổi nết của mình."

(Người thật cao minh, dẫu chung chạ với bọn ác, cũng chẳng sa ngã theo họ; kẻ quá truy lạc, dẫu gần với người hiền đức, chẳng chịu cải hóa. Còn kẻ tầm thường khí chất chẳng định: gần người hiền thì cảm hóa mà làm lành; gần kẻ dữ thì nhiễm theo mà làm ác. Kẻ học đạo nên biết chọn bạn và chọn chỗ ăn ở.)

*

4. Đức Khổng tử đi đến đất Võ thành *là một ấp ở nước Lỗ, do ông Tử Du, một đệ tử của ngài làm quan tể.* Ngài nghe tiếng đàn ca từ *trong nhà dân đưa ra, vì ông Tử Du phổ cập lễ nhạc vào cách trị dân, cho nên ai nấy đều biết đờn hát.* Ngài bèn mỉn cười và nói rằng: "Giết gà, cần chi dùng dao mổ trâu?" *(Ý ngài nói: cai trị một địa phương nhỏ, cần chi thi hành phương pháp lớn là lễ tiết và âm nhạc?)*

Ông Tử Du đáp rằng: "Ngày xưa. Yển nầy có nghe Thầy dạy rằng: "Người quân tử *ở ngôi trên* nhờ học Đạo mà thương dân mến chúng: kẻ tiểu nhơn ở *bực dưới* nhờ học Đạo mà biết tuân lệnh nhà cầm quyền." Đức Khổng tử nói rằng: "Nầy các đệ tử! trò Yển nói phải đó. Mấy lời ta thốt ra mới rồi chỉ là lời nói chơi mà thôi."

*

5. Ngươi Công sơn Phất Nhiễu chiếm lấy ấp Phí mà làm phản *lại họ Quí.* Bèn *sai sứ đến* triệu đức Khổng, ngài muốn đến. Nhưng ông Tử Lộ chẳng bằng lòng, thưa rằng: "Chẳng nên đi đâu nữa: *không theo ai làm theo đạo lý.* Cần gì phải đến với họ Công sơn?" Đức Khổng tử nói rằng: "Người triệu ta, há chẳng có cớ chính đáng sao? Nếu người muốn dùng ta, ta há chẳng làm cho đời Đông Châu trở nên hưng vượng ngay ở nước Lỗ sao?"

(Người Phất Nhiễu họ Công sơn là gia thần họ Quí, hiệp với Dượng Hổ mà cầm tù ông Quí Hoàn tử đặng chiếm quyền cai trị. Công sơn Phất Nhiễu chiếm ấp Phí của họ Quí mà chống cự lại với họ Quí. Người chỉ phản lại họ Quí, chớ chẳng nghịch với vua nước Lỗ. Ban đầu, đức Khổng muốn giúp người đặng đem thế lực của nhà đại phu mà trả lại cho vua nước Lỗ, kế đem chính quyền nước Lỗ là nước chư hầu mà giao về cho vua Thiên tử. Nhưng xét lại, thời thế chẳng tiện, ngài bèn bỏ qua mà chẳng đến viếng Công sơn Phất Nhiễu.)

*

6. Ông Tử Trương hỏi *đức Khổng tử* về cách làm nhân. Ngài đáp rằng: "Người làm nhân là người có thể làm cho năm đều đức hạnh phổ cập trong thiên hạ." – "Xin Thầy cho biết năm đều ấy." Ngài giải rằng: "*Ấy là* tự mình nghiêm trang tề chỉnh, có lòng rộng lượng, có đức tín thật, mau mắn siêng năng, thi ân bố đức. Nếu mình nghiêm trang tề chỉnh, thì chẳng ai dám khinh dể mình. Nếu mình có lòng rộng lượng, thì mình thâu phục lòng người. Nếu mình có đức tín thất, thì người ta tin cậy mình. Nếu mình mau mắn siêng năng, thì làm được công việc hữu ích. Nếu mình thi ân bố đức, thì mình sai khiến được người."

*

7. Người Phật Bật triệu đức Khổng tử. Ngài muốn đến. Ông Tử Lô can rằng: "Trước kia, Do nầy có nghe Thầy dạy rằng: Người quân tử chẳng vào đảng của kẻ gây ra việc

bất thiện *(e thiên lệch theo nó),* Ngươi Phật Bật *(gia thần của đại phu họ Triệu ở nước Tấn, nhơn họ Triệu phong làm quan tể ấp Trung mâu)* chiếm đất Trung mâu mà làm phản. Nay Thầy muốn đến với va, lẽ sao nên?" Đức Khổng nói rằng: "Phải, trước kia ta có nói lời ấy. Ta há chẳng có nói câu nầy: "Vật chi thật bền chắc, dẫu mài *nó cách mấy,* nó cũng chẳng mòn sao? Ta lại chẳng có nói câu nầy: "Vật chi thật trắng trẻo, dẫu nhuộm *nó cách mấy,* nó cũng chẳng đen sao? *(Ta đứng chung với người là để tập họ làm thiện, nhưng ta có tâm kiên cố, trong sạch, chẳng theo họ mà làm việc bất thiện.)* Ta *có tài nên dùng,* há như trái bầu mà người ta treo *lòng thòng* chớ chẳng ăn sao?"

*

8. Đức Khổng tử *kêu tên thiệt ông Tử Lộ mà* hỏi rằng: "Nầy Do! ngươi có nghe biết sáu đức tốt bị sáu mối hại ngăn bít chăng?"

Đáp: "Chưa." Đức Khổng dạy rằng: "Hãy ngồi xuống, ta sẽ nói cho ngươi *rõ.* 1. Người ưa làm nhân mà chẳng ưa học hỏi, thì mối hại ngăn bít là cái ngu muội. 2. Người ưa trí xảo mà chẳng ưa học hỏi, thì mối hại ngăn bít là sự phóng đãng. 3. Người ưa tín thật mà chẳng ưa học hỏi, thì mối hại ngăn bít là sự thiệt hại *(vì chẳng biết mà hứa, rồi phải làm theo lời hứa nên phải chịu thiệt hại.)* 4. Người ưa sự ngay thẳng mà chẳng ưa học hỏi, thì mối hại ngăn bít là tánh gắt gao *(ép người ta làm việc chẳng nghỉ tay, buộc người ta xong việc trong một kỳ hạn rất ngắn.)* 5. Người ưa dõng cảm mà chẳng ưa học hỏi, thì mối hại ngăn bít là sự phản loạn. 6. Người ưa cương quyết mà chẳng ưa học hỏi, thì mối hại ngăn bít là tánh cuồng bạo."

(Muốn thi hành những đức: nhân, trí, tín, trực, dõng, cương cho trúng đạo, con người trước phải học, nghiên cứu cho rành.)

*

9. Đức Khổng tử nói *với chư đệ tử* rằng: "Ớ các trò! sao chẳng học kinh Thi? Kinh Thi làm cho mình hưng khởi tâm chí; nhờ nó mà mình quan sát lấy mình, *biết đức hạnh mình tới đâu;* nhờ nó mà mình biết hiệp quần *với xã hội*; và cũng nhờ nó mà mình biết giận *kẻ ác* một cách chính đáng. *Kẻ đọc kinh Thi,* gần thì biết thờ cha kính mẹ *cho trọn đạo con,* xa thì biết phụng sự vị quốc trưởng *cho hết nghĩa tôi.* Mình lại biết đươc tên nhiều giống chim, thú và thảo, mộc nữa."

*

10. Đức Khổng tử hỏi *con là* Bá Ngư rằng: "Con đã học Châu nam và Chiêu nam *(hai thiên đầu trong kinh Thi)* chưa? Người chẳng học Châu nam và Chiêu nam có khác nào kẻ đứng day mặt vào vách đâu?"

(Kẻ đứng day mặt vào vách chẳng thấy gì được trước mắt và chung quanh mình, cũng không tiến bước được. Người chẳng học hai thiên Châu nam và Chiêu nam

trong kinh Thi, chẳng biết cách tu thân, tề gia dạy trong hai thiên ấy, làm sao tâm tình cho sáng suốt và tiến thân cho đoan trang?)

*

11. Đức Khổng nói rằng: "Người ta bàn về lễ, người ta luận về lễ; đó là họ kể số ngọc quí và lụa tốt chớ gì? Người ta khen nhạc, người ta ngợi nhạc; đó là họ nói chuông, trống rình ran chớ gì?

(Người đời thường hay lấy ngọn làm gốc, kể phần phụ thuộc mà bỏ phần chánh đáng: như trong việc lễ, họ quên phần kính; trong việc nhạc, họ bỏ phần hòa. Vậy ta chớ nên chuộng hình thể mà bỏ tinh thần.)

*

12. Đức Khổng tử nói rằng: "Những kẻ ngoài mặt thì oai lệ mà trong lòng thì nhu nhược, ta nên kể cho họ là hạng tiểu nhơn đó thôi: họ có khác nào kẻ trộm trèo tường khoét vách đâu?"

(Kẻ trộm khiếp nhược nương đêm hôm và chờ cho người ta ngủ, lén vào quơ đồ, rồi ban ngày làm như người lương thiện. Cũng như thế, kẻ tiểu nhơn đê hèn, sợ sệt, nhưng hay làm bộ nghiêm trang, can đảm.)

*

13. Đức Khổng nói rằng: "Những nhà *tai mắt* trong làng mà dân chúng khen là thành thật, đứng đắn, thường là hạng người làm bại hoại nền phong hóa đạo đức."

*

14. Đức Khổng nói rằng: "Những kẻ nghe chuyện ngoài đường rồi thuật lại ngoài đường, thì bỏ mất cái đức của mình đi vậy."

*

15. Đức Khổng nói rằng: "Có nên để cho kẻ đê tiện cùng phụng sự bậc quốc trưởng chăng? Kẻ ấy khi chưa được lộc vị lo lắng *lòn cúi* để cho được. Khi đã được lộc vị rồi, lại lo sợ mất đi. Nếu nó đã lo sợ mất miếng mồi phú quí của nó, thì có việc *độc hiểm gì* mà nó chẳng dám làm?"

*

16. Đức Khổng nói rằng: "Đời xưa, dân có ba tật; đời nay, có lẽ chẳng còn ba tật ấy nữa. Người xưa tuy cuồng vọng, *tức chẳng thỏa chí lớn,* nhưng chẳng trói buộc vào tiểu tiết; người nay nếu cuồng vọng thì phóng đảng càn dở. Người xưa tuy kiêu căng, nhưng giữ tiết thanh liêm; người nay nếu kiêu căng thì hay giận bậy mà nghịch đời. Người xưa tuy ngu khờ thất học, nhưng ngay thẳng chơn chất; người nay nếu ngu khờ thất học thì lại hay giả dối lừa đảo."

*

17. Đức Khổng nói rằng: "Ta ghét màu tía *là màu đỏ pha trộn,* nó đoạt mắt màu châu *là màu đỏ tự nhiên.* Ta ghét tiếng đờn ca *khiêu dâm của* nước Trịnh, nó lấn át lối nhạc thanh nhã *của Thánh hiền.* Ta ghét kẻ lợi khẩu *tráo trở, với tài siểm nịnh của nó,* nó có thể làm cho nghiêng nước đổ nhà."

*

18. Đức Khổng nói rằng: "Ta muốn chẳng nói nữa." Ông Tử Cống thưa rằng: "Như Thầy chẳng nói nữa, bọn đệ tử chúng tôi làm sao đem lời dạy của Thầy mà truyền lại đời sau cho được?" Đức Khổng đáp: "Trời có nói chăng?" Thế mà bốn mùa *(xuân, hạ, thu, đông)* cứ xây vần mãi; trăm vật *trong vũ trụ* cứ sanh hóa mãi. Mà Trời có nói gì chăng?"

(Trời chẳng nói, mà Đạo Trời vẫn lưu hành, làm cho bốn mùa vận chuyển, muôn vật sanh dục. Cũng như thế, Thánh nhơn đắc Đạo chẳng cần phải nói, mà Đạo Thánh vẫn lưu hành, khiến người ít lành trở nên lành, kẻ đã lành trở nên lành đúng mức. Lại như những vị Thánh ở nơi sơn lâm động cốc, có nói gì đâu, nhưng sức tư tưởng, ảnh hưởng Đạo lý của các ngài vẫn dắc dẫn các hạng tín đồ.)

*

19. Nhũ Bi, *một người nước Lỗ* muốn vào yết kiến đức Khổng tử. Ngài từ đi, lấy cớ bệnh. Khi người vâng lệnh vừa ra khỏi cửa, ngài liền lấy cây đờn sắt vừa đờn vừa ca, khiến người Nhũ Bi nghe biết.

(Ấy là cách ngài làm cho kẻ có lỗi tự tỉnh ngộ: ngươi Nhũ Bi theo Đức Khổng mà học lễ, nhưng phạm tội, nên ngài chẳng cho gặp mặt ngài.)

*

20. Ông Tể Ngã, *đệ tử của đức Khổng* hỏi ngài rằng: "Cái tang ba năm *(mà con để cho cha mẹ),* tưởng nên thâu lại một năm cũng là lâu rồi. Người quân tử *trong khi cư tang* ba năm ấy mà chẳng tập lễ thì sự học lễ của mình ắt hư hỏng; trong ba năm ấy mà chẳng tập nhạc, thì tài âm nhạc của mình ắt lụn mất. Vã lại, vừa trọn năm thì lúa cũ đã ăn hết rồi, lúa mới đã gặt xong; những thứ cây giùi để lấy lửa *trong mỗi mùa* đã dùng qua hết rồi. Cho nên để tang giáp năm cũng được rồi."

Đức Khổng tử nói rằng: "*Trong khi chưa mãn tang ba năm mà* ăn cơm gạo thơm *(thay vì gạo thô),* mặc áo gấm *(thay vì áo gai),* thì ngươi có an lòng chăng?" - "An lòng." - "Nếu an lòng thì ngươi cứ làm đi. Nầy, người quân tử khi cư tang, dẫu ăn thức ngọt cũng chẳng biết mùi vị, dẫu nghe âm nhạc cũng chẳng vui, và người chẳng hề an lòng nơi chỗ mình ở. Cho nên chẳng làm theo lối của ngươi. Nay ngươi an lòng mà làm thì cứ làm đi."

Ông Tể Ngã lui ra. Đức Khổng than phiền *với chư đệ tử* rằng: "Trò Dư *(Tể Ngã)* là người bất nhân. Người ta sanh ra, ngoài ba năm, cha mẹ mới hết ẵm bồng. *Vậy, muốn tỏ lòng biết ơn,* cái tang ba năm là tang thông thường *của kẻ làm con.* Về phần trò Dư, có lẽ trò chẳng được cha mẹ yêu thương trong ba năm chớ gì?"

*

21. Đức Khổng tử nói rằng: "Kẻ nào cả ngày chỉ ăn no rồi ở không chẳng dụng tâm làm việc gì, thì khó làm nên được thay! Há chẳng có việc đánh cờ sao? Thà giải trí trong việc ấy còn hơn là ở không."

*

22. Ông Tử Lộ hỏi rằng: "Quân tử có chuộng sức dõng cảm chăng?" Đức Khổng đáp rằng: "Quân tử nên chuộng nghĩa hơn hết. Là vì người quân tử *ở địa vị trên* nếu có dõng mà chẳng có nghĩa, thì gây loạn nghịch. Còn kẻ tiểu nhơn *ở địa vị dưới* nếu có dõng mà chẳng có nghĩa, thì đi ăn trộm, ăn cướp."

*

23. Ông Tử Cống hỏi rằng: "Quân tử có ghét ai chăng?" Đức Khổng đáp: "Có. Ghét kẻ bêu chuyện xấu của người; ghét kẻ bực dưới mà nói gièm bực trên; ghét kẻ có sức dõng cảm mà chẳng biết lễ phép; ghét kẻ quả quyết làm liều đi đến chỗ bế tắc."

Đức Khổng *hỏi lại ông Tử Cống* rằng: "Trò Tứ có ghét ai chăng?" Đáp: "Tôi ghét kẻ rình mò hành vi của người mà ngỡ rằng mình là người trí; ghét kẻ chẳng khiêm tốn mà cho rằng mình là người dõng; ghét kẻ công kích đều lỗi của người mà tưởng rằng mình là người ngay thẳng."

*

24. Đức Khổng nói rằng: "Chỉ có bọn tớ gái và bọn tôi trai là mình khó ở cho họ vừa lòng. Hễ mình gần gũi dễ dãi với họ thì họ khinh lờn. Còn như mình xa cách nghiêm nghị với họ thì họ oán ghét."

*

25. Đức Khổng nói rằng: "Kẻ nào đã được bốn mươi tuổi mà cử chỉ và hành vi vẫn còn xấu xa, ai thấy cũng chán ghét, thì kẻ ấy trọn đời chẳng sửa đổi được nữa."

*

CHƯƠNG THỨ MƯỜI TÁM: VI TỬ

(Chương nầy có tất cả 11 tiết dưới đây.)

1. (Vị Thiên tử cuối đời nhà Ân, vua Trụ (1.154-1.122 trước Dương lịch) là một nhà vua bạo ngược và đam mê tửu sắc, làm cho những công hầu, khanh tướng chánh trực kẻ thì chán ngán bỏ đi, người thì vì lòng trung thành muốn cứu vãn mà phải khổ thân hoặc bỏ mình.)

Vị tước Tử nước Vi, *em một cha khác mẹ với vua Trụ, con dòng nhỏ,* bỏ nước mà đi. Vị tước Tử nước Cơ, *cũng người Hoàng tộc, vì can vua mà bị cầm ngục và* bị đày làm nô. Ông Tỷ Can *là bực tướng tài và là người trong họ, vì đem lời chánh trực* khuyên vua mà phải tội chết. Đức Khổng tử nói rằng: "Nhà Ân có ba người nhân."

*

2. Ông Huệ xứ Liễu hạ làm quan Sĩ sư *tức là quan đầu sở ngục tụng ở nước Lỗ,* đã nhiều lần bị phế chức. Có người nói với ông rằng: "Nhà thầy sao chưa bỏ nước mà đi? *Đến nước khác ắt sẽ được trọng dụng hơn*!" Ông đáp: "Tôi noi theo lẽ thẳng mà thờ người giúp dân, dẫu đi đến nước nào lại chẳng khỏi bị truất phế nhiều lần? Nhược bằng tôi noi theo lẽ cong mà thờ người, *làm quan như vậy thì ở đâu lại chẳng được,* cần gì phải bỏ nước của cha mẹ mà đi?"

(Chí lý thay! làm quan chánh trực thì thường bị phế; còn làm quan mà uốn mình bợ đỡ, thường được hanh thông!)

*

3. Vua Cảnh công nước Tề, *nhơn đức Khổng tử đến nước mình,* bàn *với quần thần* về cách chiêu đãi đức Khổng rằng: *"Ở nước Lỗ,* họ Quí được nhà vua trọng đãi bực nhứt. Ta không thể lấy lễ ấy mà đãi Khổng tử. *Kế họ Quí thì có họ Thúc và sau nữa là họ Mạnh.* Vậy ta sẽ đãi ông ấy vào khoảng giữa họ Quí và họ Mạnh." Kế đó, vua phán tiếp rằng: "Ta nay già rồi; *không đủ sức thi hành phương pháp của ông ấy, nên* ta chẳng trọng dụng ổng." Nghe được mấy lời bàn ấy, đức Khổng tử ra khỏi nước Tề, *đi đến nước khác.*

*

4. Vua quan nước Tề đưa tặng một bọn nữ nhạc. Ông Quí Hoàn tử *thay mặt vua nước Lỗ mà* thâu nhận. Trọn ba ngày, *vua quan nước Lỗ mãn vui say với bọn nữ nhạc mà* chẳng lâm triều. Đức Khổng tử chán ngán, *bèn bỏ chức mà* ra khỏi nước Lỗ.

(Đức Khổng làm chức Tư khấu (tổng trưởng bộ Hình) và kiêm chức Tể tướng, làm cho nước Lỗ rất cường thạnh. Nước Tề ở giáp ranh, lo sự oai thế của ngài, bèn dùng mỹ nhơn kế. Vua quan nước Tề tuyển một bọn 80 mỹ nữ, cho ăn mặc rất xuê và tập

ca hát, khiêu vũ đủ ngón, định đem cống hiến vua Định công nước Lỗ. Họ vào nước Lỗ, phô tài ở cửa thành phía Nam. Ông Quí Hoàn tử, nhà đại phu quyền thần ra xem ca vũ và xúi nhà vua thâu nhận. Vua phái Quí Hoàn tử thay mặt mình mà tiếp nhận. Mãn vui say yến tiệc và ca vũ, trong ba ngày vua chẳng ngự ra triều. Kế đó, đến kỳ lễ tế, vua chẳng hiến phần thịt cho quan. Lấy cớ nhà vua thất lễ, đức Khổng bỏ chức quan mà đi. Ấy là vào năm thứ 14 đời vua Định công, 496 trước Dương lịch.)

*

5. Một nhà hiền triết ẩn sĩ nước Sở tên là Tiệp Dư, giả làm kẻ khùng, ca nghêu ngao trước đầu xe đức Khổng tử, *khi ngài đến Nước ấy*. Ca rằng: "Chim phượng ơi! Chim phượng ơi! *Đời thạnh trị có ngươi hiện ra, đời loạn lạc ngươi cũng hiện ra; thế là* đức ngươi suy bại lắm rồi! Việc đã lỡ rồi, không can gián ngươi được nữa; còn việc sẽ tới, ngươi tĩnh ngộ còn kịp đó. Hãy thôi đi! Hãy thôi đi! Đời nay người ra làm chính trị thật là nguy hiểm."

Đức Khổng tử *nghe bài ca có ý ám chỉ mình,* bèn bước xuống xe để nói chuyện với cuồng sĩ. Nhưng người đã mau chơn mà tránh ngài. Ngài chẳng nói chuyện với người được.

*

6. Tràng Thư và Kiệt Nịch, *hai nhà ẩn sĩ ở miền giáp giới nước Sở và nước Thái,* cùng chung sức với nhau mà làm ruộng. Đức Khổng tử đi xe ngang qua đó, sai ông Tử Lộ hỏi thăm bến đò. Tràng Thư hỏi: "Nầy, người ngồi cầm cương trên xe là ai đó?" Tử Lộ đáp: "Ấy là ông Khổng Khâu." "Có phải Khổng Khâu ở nước Lỗ chăng?" – "Phải" – "Nếu phải thì ông ấy biết bến đò rồi."

(Ông Tràng Thử có ý nói: Ông Khổng Khâu đã từng châu du ắt hẳn biết bến đò rồi, cần chi phải hỏi thăm nữa?)

Thấy Tràng Thư chẳng chỉ, Tử Lộ đến hỏi Kiệt Nịch. Kiệt Nịch hỏi lại rằng: "Ngươi là ai?" – "Tôi là Trọng Do."

- Có phải là đệ tử của Khổng Khâu nước Lỗ chăng?"

- "Phải đó." *Kiệt Nịch* nói rằng: "Khắp thiên hạ đều *loạn lạc* như nước đổ cuồn cuộn. Ngươi cùng chung sức với ai mà đổi đời *loạn ra trị*? Ngươi chỉ theo bực sĩ tỵ nhơn mà thôi. *(Đương thời suy loạn mà đức Khổng đi từ nước nầy đến nước kia, xa lánh vua quan vô đạo để phụng sự người cầm quyền hữu đạo, ông Kiệt Nịch có ý cho rằng ngài là sĩ tỵ nhân, làm ngược đời.)*

Như vậy sao bằng theo bực sĩ tỵ thế?"

(Tức như Tràng Thư và Kiệt Nịch là bực hiền sĩ bỏ đời mà ẩn tích mai danh.)

Ông bèn tiếp tục gieo giống chẳng ngừng tay.

Ông Tử Lộ đi thuật lại với đức Khổng *mấy lời của hai ông ấy*. Ngài ngậm ngùi than rằng: "Người ta không thể làm bạn với loài cầm thú! Nếu ta chẳng sống chung với người trong xã hội nầy, thì sống với ai? Vã lại, nếu thiên hạ có đạo lý, thì cần gì phải sửa đổi?"

*

7. Ông Tử Lộ đi theo đức Khổng *từ nước Sở đến nước Thái,* lạc lại phía sau, ông gặp một lão trượng quảy giỏ trên vai nơi đầu gậy. Tử Lộ hỏi rằng: "Cụ có thấy Thầy tôi không?" Lão trượng nói rằng: "*Đời nầy, người ta phải làm ruộng mà ăn; còn* ngươi thì tay chơn chẳng siêng cần, ngươi lại chẳng biết phân biệt năm giống lúa. Vậy ta biết ai là thầy của ngươi?" Nói xong, ông cặm gậy xuống đất và bừa cỏ.

Ông Tử Lộ chắp tay tỏ vẻ cung kính và đứng chờ. Ông Lão mời Tử Lộ ở lại nghỉ đêm. Ông giết gà, nấu cơm mà đãi; đưa hai người con trai ra mắt.

Rạng ngày, ông Tử Lộ ra đi và thuật chuyện lại với đức Khổng. Ngài nói rằng: "Đó là một nhà ẩn sĩ." Ngài dạy ông Tử Lộ trở lại viếng lão trượng. Khi đến nhà, ông lão đã đi vắng. Ông Tử Lộ nói rằng: "*Có tài đức mà* không ra làm quan, ấy là thiếu nghĩa *quân thần*. Như *nhà ông cụ đây* chẳng bỏ lễ tiết giữa người lớn với kẻ nhỏ *(bằng chứng là cho con ra yết kiến Tử Lộ,* há lại đành bỏ nghĩa vua tôi sao? Nếu tự mình muốn giữ cho trong sạch tấm thân, thì lại trái đạo trọng hệ hơn hết trong ngũ luân. Người quân tử ra làm quan là để thi hành cái nghĩa lớn trung quân ái quốc mà thôi, *chớ chẳng phải mưu cầu phú quí.* Còn đạo mà chẳng làm được thì chúng ta hẳn đã biết rồi."

*

8. Đời xưa, những người *bỏ công danh phú quí mà* đi ẩn dật, *vào triều đại nhà Ân, có bốn người:* Bá Di, Thúc Tề, Ngu Trọng, Di Dật; *vào triều đại nhà Châu, có ba người*: Châu Trương, Liễu hạ Huệ và Thiếu Liên. *Về những nhà dật sĩ ấy,* đức Khổng tử luận rằng: "Chẳng khuất chí mình, chẳng nhục thân mình, chỉ có hai ông Bá Di và Thúc Tề chớ ai?

Ông Liễu hạ Huệ và ông Thiếu Liên kém hơn, phải khuất chí mình, phải nhục thân mình. Tuy vậy, lời nói của hai ông hạp luân lý, việc làm của hai ông hạp lòng mong nghĩ của dân; chỉ có hai đều đó là đáng khen thôi.

Ông Ngu Trọng và ông Di Dật tuy ở ẩn nơi xa vắng và ăn nói rất tự do phóng túng, nhưng giữ mình đúng lẽ thanh khiết và biết bỏ phế đúng lẽ quyền biến.

Về phần ta, ta khác với mấy ông ấy. Chẳng có việc gì mà ta quyết định phải làm, chẳng có việc gì mà ta quyết định phải bỏ."

(Đức Khổng có đức thời trung: lúc nên làm quan thì làm quan, lúc nên bỏ đi thì bỏ đi. Ngài không câu chấp.)

*

9. Ông Chí làm chức Thái sư, *quan đầu bộ âm nhạc ở nước Lỗ,* bỏ đi đến nước Tề. Ông Can, làm chức á phạn, *trưởng đoàn âm nhạc trong bữa ăn thứ nhì,* bỏ đi qua nước Sở. Ông Liêu, làm chức tam phạn, *trưởng đoàn âm nhạc trong bữa ăn thứ ba,* bỏ sang nước Thái. Ông Khuyết, làm chức tứ phạn, *trưởng đoàn âm nhạc trong bữa ăn thứ tư,* bỏ đi lại nước Tần. Ông Phương Thúc giữ chức đánh trống, bỏ đi vào đất Hà nội. Ông Võ giữ chức bá đào, *đánh trống nhỏ,* đi đến Sông Hán. Ông Dương giữ chức thiếu sư, *tiếp sức quan Thái sư,* và ông Tương giữ chức đánh khánh, *hai ông nay* vượt biển mà ở ẩn *nơi hải đảo.*

(Thuở nhà Châu suy, lễ nhạc ở triều Châu và ở triều các vua chư hầu đều suy bại. Đức Khổng làm quan ở nước Lỗ, chấn chỉnh lễ nhạc, khiến các quan trong bộ Nhạc đều giữ phép một cách đúng đắn. Kế ngài buồn vì vua Định công vô đạo nên bỏ đi. Khi ngài đi rồi, nước Lỗ trở nên đại loạn, nhà vua chẳng còn quyền hành, sự chấp chính đều do nơi ba nhà đại phu Quí, Thúc, Mạnh định đoạt. Vì vậy, những quan trong bộ âm nhạc chán ngán mà bỏ đi.)

*

10. Ông Châu công, em vua Võ vương, có công giúp vua Võ vương lập ra nhà Châu, nên được Thiên tử đem nước Lỗ mà phong cho con cháu tập hưởng với tước công: ông Châu công khi đưa *con mình là Bá Cầm đi lãnh quyền* Lỗ công cai trị nước Lỗ, thì ân cần căn dặn rằng: "Bực quân tử *cầm quyền* không nên bỏ bê người thân thích mình, không nên để cho các quan đại thần oán hận mình, vì mình chẳng trọng dụng họ. Những cố hữu cựu giao, những nhà quyền quí buổi trước, nếu họ chẳng phạm lỗi lớn, thì mình chớ bỏ quên họ. Có cất dùng ai, chỉ *chọn người đủ sở trường đối với công việc họ làm là được,* chẳng cần người kiêm cả các tài cán khác."

*

11. Nhà Châu có tám vị sĩ hiền tài: Bá Đạt, Bá Quát, Trọng Đốt, Trọng Hốt, Thúc Dạ, Thúc Hạ, Quí Tùy, Quí Oa.

(Lúc triều đại nhà Châu mới lập nên, có rất nhiều bực hiền tài đứng ra giúp bực Thiên tử nhứt thống thiên hạ. Ngay như trong một nhà, một bà mẹ sinh ra được tám người con trai đều là người tài đức, bà sanh đôi trong bốn lần: lần đầu bà sanh ra Bá Đạt và Bá Quát; lần kế sinh ra Trọng Đột và Trọng Hốt; lần thứ ba, bà sanh ra Thúc Dạ và Thúc Hạ, lần thứ tư, bà sanh ra Quí Tùy và Quí Oa.)

*

SÁCH LUẬN NGỮ

QUYỂN MƯỜI

CHƯƠNG THỨ MƯỜI CHÍN: TỬ TRƯƠNG

(Chương nầy có tất cả 25 *tiết dưới đây.)*

1. Ông Tử Trương nói rằng: "Kẻ sĩ như thấy sự nguy nan *xảy đến cho người,* thì liều thân mạng *mà giải cứu*; như thấy món lợi, thì nhớ đến việc nghĩa: *xét coi món lợi ấy mình nên thâu nhận hay chăng.* Trong khi cúng tế tổ tiên, người giữ lòng thành kính; trong cơn tang chế, xét nghĩ đến sự đau thương. Như vậy mới đáng gọi là kẻ sĩ."

*

2. Ông Tử Trương nói rằng: "Kẻ giữ đức chẳng rộng lượng, tin đạo chẳng đốc thật, *thì chẳng đáng kể. Người ấy,* dẫu có mặt, có ích lợi gì chăng? Dẫu chẳng có mặt, có tổn hại gì chăng?"

*

3. Học trò Tử Hạ hỏi ông Tử Trương về sự kết giao *với bằng hữu.* Ông Tử Trương hỏi lại rằng: "*Về việc ấy,* thầy Tử Hạ dạy thế nào?" Đáp: "Thầy Tử Hạ dạy rằng: "Đối với người tốt, mình nên làm bạn: đối với người chẳng tốt, mình nên cự tuyệt." Tử Trương nói rằng: "Đều ấy khác với đều ta đã nghe. *Ta từng nghe rằng* người quân tử tôn trọng trang hiền đức, mà bao dung kẻ tầm thường; khuyến khích trang thiện xảo, mà thương xót kẻ bất tài. Ta là bực đại hiền chăng? Thì có ai mà ta chẳng bao dung? Ta là kẻ chẳng hiền chăng? Ắt người sẽ cự tuyệt ta vậy. Như thế, lẽ nào mình cự tuyệt người sao?"

*

4. Ông Tử Hạ nói rằng: "*Những nghề làm ruộng, làm vườn, thầy thuốc, thầy bói,* tuy là nghề nhỏ, nhưng mình cũng nên quan sát cho biết. Chí như cố làm những nghề ấy để đạt đến mức cao viễn, e có sự trở ngại. Vì vậy nên người quân tử chẳng chuyên làm những nghề nhỏ."

*

5. Ông Tử Hạ nói rằng: "Mỗi ngày mình biết thêm những đều mình chưa biết, mỗi tháng mình chẳng quên những đều mình đã biết, như vậy mới đáng gọi là người ham học."

*

6. Ông Tử Hạ nói rằng: "Sự học phải cho sâu rộng, chí hướng phải cho chuyên nhứt, sự hỏi han phải cho cần thiết, đều suy nghĩ phải có dính dấp với mình; trong những

việc ấy, hẳn có đức nhân rồi."

*

7. Ông Tử Hạ nói rằng: "Những người công nghệ trong các ngành cần phải ở tại xưởng mình nơi thị tứ, thì việc của mình mới nên. Người quân tử cần phải chuyên tâm tập luyện, thì đạo của mình mới đến mức tinh vi."

*

8. Ông Tử Hạ nói rằng: "Kẻ tiểu nhơn hay dùng lối văn sức bề ngoài mà tô điểm những tội lỗi của mình."

*

9. Ông Tử Hạ nói rằng: "Dung mạo người quân tử có ba cách biến đổi: ở xa thì đoan trang *đáng kính,* lại gần thì ôn hòa *đáng yêu,* nói ra thì nghiêm lệ *đáng phục."*

*

10. Ông Tử Hạ nói rằng: "Người quân tử *làm quan* trước phải được lòng dân tin phục, sau *mới* sai khiến họ làm việc cực nhọc. Nếu họ chưa tin mình, *mà mình vội khiến họ lao nhọc,* ắt họ sẽ ngỡ rằng mình khắc bạc họ. Đối với vua, cũng phải được lòng tin cậy, rồi mới can gián. Nếu quốc trưởng chưa tin mình *mà mình vội can gián,* ắt người sẽ trách rằng mình nói xấu người."

*

11. Ông Tử Hạ nói rằng: "Người nào, trong việc làm mà chẳng vượt bực, thì trong việc nhỏ *có thể tùy tiện mà làm,* ở trong phạm vi hoặc ra ngoài phạm vi đều được cả."

*

12. Ông Tử Du nói rằng: "Học trò của Tử Hạ rửa quét giỏi, ứng đáp lanh, tới lui lẹ, chỉ làm được như vậy thôi. Đó là những việc học nhỏ nhít phụ thuộc. Còn những việc học lớn lao chánh gốc thì chẳng thấy dạy. Dạy học như thế thì sao nên?"

Ông Tử Hạ nghe được mấy lời ấy, nói rằng: "Ôi thôi! Ngôn Du *(Tử Du)* nói sai rồi đó. Trong đạo quân tử có chi *là lớn lao chánh gốc mà* phải dạy trước? Có chi *là nhỏ nhít phụ thuộc mà* bỏ lại sau? Học trò tỷ như loài thảo mộc, căn cơ lớn nhỏ có khác nhau. Quân tử dạy đạo, chẳng dối gạt ai: *chẳng giấu đều chánh gốc mà dạy đều phụ thuộc.* Đạo Thánh có chỗ nên dạy trước, có chỗ nên dạy sau; ta chẳng nên tuần tự mà dạy sao?"

*

13. Ông Tử Hạ nói rằng: "Người làm quan *nên để hết tâm lực mình mà thi hành phận sự*; nếu còn dư thì giờ và sức khỏe thì nên học thêm. Người đi học *nên bền chí mà luyện tập văn chương và đạo đức*: nếu liệu dư sức thì nên ra làm quan."

14. Ông Tử Du nói rằng: "Trong việc tang khó, chỉ có đều nầy là gốc mà thôi: lòng đau thương chí cực."

*

15. Ông Tử Du nói rằng: "Bạn ta là Tử Trương *tài cao chí lớn,* làm những việc khó mà người ta làm chẳng nổi; tuy vậy, bạn ta chưa được gọi là nhân."

*

16. Ông Tăng tử nói rằng: "Anh Tử Trương thì oai nghi diện mạo đàng hoàng thay! Nhưng ta khó mà đứng chung với anh ấy để làm nhân."

*

17. Ông Tăng tử nói rằng: "Ta có nghe Thầy *(đức Khổng)* dạy rằng: "Người ta dẫu chưa hết tình làm những việc khác, nhưng trong việc tang cha mẹ, ắt cũng nên cố gắng chăng?"

*

18. Ông Tăng tử nói rằng: "Ta có nghe Thầy ta khen rằng: "Mạnh Trang tử là người hiếu thuận: các nết hiếu khác của ông, người ta còn làm theo được; có hai nết nầy mà người ta khó theo nổi: ông không thay đổi những viên quan đã từng giúp việc cho cha, và ông chẳng sửa đổi phép cai trị của cha."

(Mạnh Trang tử, đại phu nước Lỗ là con của Mạnh Hiếu tử. Họ Mạnh là một trong ba họ (Quí, Thúc, Mạnh) có quyền thế nhứt ở nước Lỗ và là dòng công tộc cha truyền con nối.)

*

19. Ông Dương Phu được họ Mạnh dời ra làm chức Sĩ sư *tức là trưởng quan ty hình pháp.* Ông hỏi ý kiến *thầy mình là* Tăng tử. Ông nầy dạy rằng: "Bề trên lỗi đạo, khiến dân lìa tán lương tâm *mà phạm phép* đã lâu rồi. Như ngươi *làm quan, xử kiện mà* biết tình trạng tội lỗi của họ, hãy thương xót họ, chẳng nên vui thích *về tài minh quyết của mình.*

*

20. Ông Tử Cống nói rằng: "*Thuở xưa,* vua Trụ *vì ngày thường có làm ác, nên phải mang tiếng ác, chớ thật ông ấy* chẳng có làm ác thái quá như người ta thường nói. Bỡi vậy, người quân tử chẳng thích ở chung lộn trong đám hạ lưu *mà mang tiếng,* vì nơi đó là chốn tụ tập của mọi sự xấu xa ô trược trong thiên hạ."

*

21. Ông Tử Cống nói rằng: "Người quân tử *ở địa vị trên,* khi có lỗi dường như mặt

trời, mặt trăng bị xâm thực: ai nấy đều trông thấy. Khi sửa lỗi, *dường như mặt trời, mặt trăng tròn trịa sáng soi trở lại*: ai nấy đều ngưỡng vọng."

*

22. Ông công tôn Triều, *đại phu* nước Vệ hỏi ông Tử Cống rằng: "*Thầy ông là* Trọng Ni học với ai *mà giỏi như vậy!"* Tử Cống đáp rằng: "Đạo thống của vua Văn vua Võ chưa tan nát ở cõi nầy; vẫn còn ở nơi người. Vì vậy nên trang hiền đức học nhớ được phần trọng đại; kẻ tầm thường học nhớ được phần nhỏ nhít. Ở đâu lại chẳng có đạo thống của vua Văn vua Võ? Thầy tôi há chẳng học ở đó sao? Cần gì phải nhứt định có một ông thầy?"

*

23. Ông Thúc tôn Võ Thúc, *một vị đại phu công tộc ở nước Lỗ,* nói với các quan đại phu tại triều đình rằng: "Ông Tử Cống giỏi gian hiền đức hơn ông Trọng Ni." Ông Tử Phục Cảnh bá đem lời ấy thuật lại với ông Tử Cống. Tử Cống nói rằng: "Tôi xin đem vách tường cung thất ra làm thí dụ. Vách tường của tôi cao vừa bằng vai người; đứng ngoài tường trông vào, người ta có thể thấy những đồ vật tốt đẹp trong nhà. Vách tường của Thầy tôi cao hằng mấy nhận *(khỏi đầu người rất xa)*; nếu chẳng được do nơi cữa mà vào, người ta chẳng có thể nhìn thấy những vật hoa mỹ trong nhà tông miếu cùng những đồ trang sức lộng lẫy của bá quan. Nhưng số người được nhập môn ắt là ít lắm đó. Vậy thì lời mà thầy Thúc tôn Võ Thúc đã thốt, há chẳng sai lẽ phải sao?"

*

24. Ông Thúc tôn Võ Thúc chê đức Trọng Ni. Ông Tử Cống nói rằng: "Chê như vậy chẳng ăn nhập gì. Không ai có thể dùng lời hủy báng mà làm tổn hại danh nghĩa của Thầy tôi. Tài đức của kẻ khác chỉ cao bằng gò nổng mà người ta có thể vượt qua. Tài đức của Thầy tôi cao như mặt nhựt, mặt nguyệt trên trời, mà chẳng ai vượt qua cho nổi. Dẫu cho họ có chê mà tách mình ra khỏi đạo lý của Thầy tôi, họ há làm thương tổn đến cái đức cao cả như mặt nhựt, mặt nguyệt sao? Như vậy chỉ thấy rằng họ chẳng biết xét mình xét người mà thôi."

*

25. Ông Trần tử Cầm *(môn đệ đức Khổng)* nói với ông Tử Cống *(cao đệ đức Khổng)* rằng: "Anh khiêm cung đó thôi. Chớ Thầy Trọng Ni há giỏi hơn anh sao?" Tử Cống trách rằng: "Người quân tử nói ra một lời, được người ta khen là trí; nói ra một lời, bị người ta chê là bất trí. Vậy khi nói, chẳng lẽ không cẩn thận. Tài đức của Thầy ta chẳng ai sánh kịp, cũng như chẳng ai có thể bắc thang mà lên tới Trời. Thầy ta nếu được Nước nhà mà cai trị, ắt sẽ *thành tựu theo mấy lời cổ ngữ nầy:* "Gầy dựng cho dân, thì dân sống tự lập; dắc đường cho dân, thì dân biết mà đi; giúp dân an ổn, thì

dân đến với mình; cảm động lòng dân, thì dân biết hòa thuận. *Bực quân tử cai trị được kết quả* như vậy, khi sống được dân tôn vinh, khi thác được dân thương tiếc." Như vậy, còn ai theo kịp người?"

*

CHƯƠNG THỨ HAI MƯƠI: NGHIÊU VIẾT

(Chương nầy có tất cả 3 tiết dưới đây.)

1. Thuở xưa, vua Nghiêu gả con cho ông Thuấn, rồi đem ngôi Thiên tử mà truyền cho. Khi nhường ngôi, vua Nghiêu phán rằng: "Hỡi ngươi Thuấn! Số Trời định cho ngươi nối ta mà làm vua, nay đã tới kỳ. Vậy ngươi nên thành thật nắm lấy mối đạo trung chính: *đừng có chênh bên này lệch bên kia.* Nếu để cho nhơn dân trong bốn biển khốn khổ cùng quẫn, thì Trời sẽ dứt lộc vị của ngươi." Tới chừng vua Thuấn nhường ngôi cho ông Vũ, ngài cũng đem mấy lời ấy mà phó thác.

(Vua Nghiêu nhà Đào Đường: 2.356-2.255 trước Dương lịch. Vua Thuấn nhà Hữu Ngu: 2.255-2.205 trước D.l - Vua Vũ 2.205-2.197 trước D.l. sáng lập nhà Hạ 2.205-1.767 trước D.l.)

Nhà Hạ suy, vua Kiệt vô đạo bị vua chư hầu là ông Lý đánh đuổi mà lên ngôi, hiệu là Thành Thang (1.766-1.753) và đặt triều đại là Thương Ân (1.766-1.122 trước D.l.).

Vua Thành Thang khi lên ngôi, khấn với Trời rằng: "Kẻ tiểu tử nầy tên Lý, dám *(theo gương các vị Thiên tử nhà Hạ)* dùng con bò đen mà tế; dám minh cáo với đấng Thượng đế tối tôn tối đại rằng: "Kẻ có tội, tôi chẳng dám tha *(chính vua Kiệt có tội, tôi phải vâng mạng Trời mà phạt)*; người *có tài đức* đáng làm tôi cho Thượng đế, tôi chẳng dám che giấu *mà chẳng cứ dùng.* Đó là tôi nương theo lòng Trời đã quyết chọn *mà trừng trị kẻ ác, phong thưởng kẻ thiện.* Nếu tự trẫm gây ra tội, *xin phạt một mình trẫm mà thôi,* đừng phạt bá tánh muôn phương. Nếu bá tánh muôn phương có phạm tội, cũng xin phạt một mình trẫm mà thôi, *vì trẫm lãnh trách nhiệm thay mặt họ."*

Nhà Thương Ân suy, vua Trụ bạo ngược bị vua chư hầu là *ông Cơ Phát đánh diệt mà lên ngôi, hiệu là Võ vương (1.122-1.115) và đặt triều đại là Châu (1.122-256 trước Dương lịch.)*

Nhà Châu *khi mới dựng lên, xuất gạo thóc trong kho lẫm* mà châu cấp cho khắp cả nhơn dân; riêng những người hiền lành thì được trọng thưởng mà trở nên giàu có. Vua Võ vương nói rằng: "Dẫu *(vua Trụ)* có họ hàng thân thích, cũng chẳng bằng (*ta*) có người nhân. Nếu bá tánh phạm đều tội lỗi, thì nguyên do ở nơi trẫm mà thôi." Nhà vua bèn sửa định phép cân, đo, lường; định rõ lại phép tắc luật lệ; tu chỉnh lại những chức quan đã bị bỏ: khắp bốn phương, bộ máy cai trị chạy đều. Nhà vua gây dựng lại những nước chư hầu đã bị diệt, đặt lên những người nối dòng cho những vị vua chết chẳng có con trai, cất dùng những trang tài đức đã đi ẩn dật; người trong thiên hạ thảy đều đem lòng qui phục. Nhà vua lo liệu một cách trân trọng ba việc nầy cho dân: việc ăn uống, việc tang chế, việc tế tự. Nhà cầm quyền mà tỏ lượng khoan hồng thì được lòng bá tánh; ăn nói chắc thật thì được dân tín nhiệm; cần mẫn thì việc làm được kết

quả; công bình thì đẹp lòng người.

*

2. Ông Tử Trương hỏi đức Khổng tử rằng: "Phải làm những gì mới đáng là người gánh vác việc nước?" Đức Khổng đáp rằng: "Người gánh vác việc nước cần phải tôn trọng năm việc tốt, trừ tuyệt bốn việc xấu." Tử Trương hỏi: "Sao gọi là năm việc tốt?" Đức Khổng đáp: "1. Người quân tử cầm quyền, thi thố ân huệ cho dân mà chẳng hao tốn tiền của; 2. khiến dân làm việc cực nhọc mà họ chẳng oán ghét; 3. có lòng ưa thích mà chẳng mang tiếng tham; 4. bô tướng thơ thái mà chẳng có vẻ kiêu hảnh; 5. oai nghiêm đằm thắm mà chẳng có vẻ hung dữ."

Tử Trương hỏi nữa rằng: "Tại sao gọi rằng thi thố ơn huệ cho dân mà chẳng hao tốn tiền của?" Đức Khổng *nhơn câu hỏi ấy mà* giải luôn rằng: "1. Mình nương theo chỗ lợi của dân mà mở mang nguồn lợi cho họ nhờ: như vậy chẳng phải là thi thố ơn huệ cho dân mà chẳng hao tốn tiền của sao? *2.* Mình chọn những việc nào đáng làm và phải lúc mới khiến dân ra công nhọc sức: như vậy còn ai oán ghét mình? 3. Mình chuộng đều nhân thì được đều nhân, như vậy lại mang tiếng tham sao? 4. Người quân tử đối với người chẳng luận là nhiều hay ít, lớn hay nhỏ, chẳng hề dám khinh dể ai; như vậy chẳng phải là thơ thái mà chẳng kiêu hảnh sao? 5. Người quân tử đội mũ ngay ngắn, mặc áo chỉnh tề, nhìn ngó một cách tôn nghiêm, oai nghi nghiễm nhiên khiến người trông vào mà kính sợ: như vậy chẳng phải là oai nghiêm đằm thắm mà chẳng có vẻ hung dữ sao?"

Tử Trương hỏi thêm rằng: "Sao gọi là bốn việc xấu?" Đức Khổng đáp rằng: "1. Nhà cầm quyền chẳng giáo hóa *cho dân biết nghĩa vụ, phép tắc, bỡi đó dân phạm tội*, nhà cầm quyền bèn giết đi, như vậy gọi là ngược. 2. Trước chẳng dặn bảo người ta cho đành rành, kế buộc người ta làm xong công việc một cách cấp tốc, như vậy gọi là bạo. 3. Tự mình ra lệnh một cách giải đãi; rồi kỳ hạn cho người ta làm cho chóng, như vậy gọi là tặc. 4. Khi cho ai vật gì thì chẳng cho ngay, còn tính thiệt so hơn một cách biển lận, như vậy gọi là cử chỉ của một viên chức nhỏ đó."

*

3. Đức Khổng nói rằng: "Chẳng hiểu Mạng Trời, chẳng đáng gọi là quân tử. Chẳng biết lễ, không thể đứng đợt với người. Chẳng biết phân biệt lời nói của người, thì chẳng hiểu người.

(Mạng là Kiết, Hung, Họa, Phúc đến cho một người, một nhà, một nước. *Lễ* là oai nghi, tốn nhượng đối với người trên kẻ dưới. *Biết lời nói (Tri ngôn)* là biết người ta nói phải, quấy, chánh, tà. Quân tử phải biết ba việc ấy.)